SyncMaster 400PXn/400PX /460PXn/460PX



SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Hướng dẫn sử dụng An tồn

Lưu ýù

Hãy đọc các hướng dẫn an toàn sau đây để tránh gây hư hỏng cho tài sản và gây nguy hiểm cho người dùng.

Cảnh báo / Lưu ý

Được sử dụng để nâng cao tín hiệu RGB bị suy hao khi dây dẫn tín hiệu quá dài Không tuân thủ những hướng dẫn theo những biểu tượng này có thể dẫn đến những tổn thương cho cơ thể hoặc làm hư hỏng thiết bị.

Các ký hiệu Quy ước

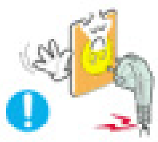
Các điều bị cấm	Điều quan trọng là luôn luôn đọc và hiểu rõ những hướng dẫn.
Không được tháo rời máy.	Rút phích cắm điện khỏi ổ cắm.
Không được chạm tay vào.	Tiếp đất để tránh bị điện giật.

Nguồn điện

Khi không sử dụng PC trong thời gian dài, hãy đặt nó ở chế độ DPM. Nếu sử dụng screen saver, hay đặt nó ở chế độ màn hình hoạt động.

Các hình ảnh ở đây chỉ để tham khảo, và không áp dụng cho mọi trường hợp (hoặc mọi quốc gia).

Phím tắt cho lệnh khắc phục hiện tượng ảnh có bóng mờ phía sau

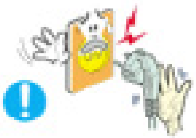


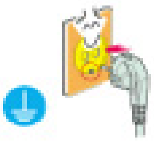
Không nên sử dụng phích cắm bị hỏng hoặc lỏng.

- Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.

Không nên rút phích cắm ra bằng cách kéo dây điện cũng như không nên chạm vào phích cắm bằng tay ướt.

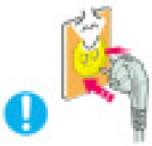
- Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.





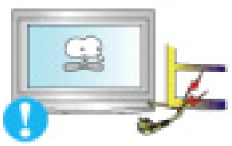
Chỉ nên dùng phích cắm và ổ điện được nối đất đúng.

- Việc nối đất không đúng có thể gây sốc điện hoặc hư hỏng thiết bị.(Loại I Đối với thiết bị.)



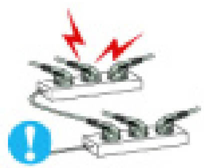
Gắn dây nguồn điện một cách chắc chắn để nó không bị rời ra.

- Tiếp điện xấu có thể gây cháy.



Không nên làm cong phích cắm và dây điện cũng như không nên đặt những vật thể nặng lên chúng, làm chúng hư hỏng.

- Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.



Không nên nối quá nhiều dây điện hoặc phích cắm vào một ổ cắm.

- Điều này có thể gây cháy.



Không được tháo dây nguồn trong khi đang sử dụng màn hình.

- Việc này có thể gây nên xung điện tức thời và làm hỏng màn hình.



Không được dùng dây nguồn khi đầu nối hay cắm bị bẩn.

- Nếu đầu nối hay cắm của dây nguồn bị bẩn, phải lau sạch bằng vải khô.
- Dùng dây nguồn có đầu nối hay cắm bẩn có thể gây cháy hay điện giật.



Muốn ngắt thiết bị khỏi nguồn cấp điện, người ta rút phích cắm ra khỏi ổ cắm, và như thế, phích cắm có thể sử dụng được.

- Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.

Lắp đặt

Bạn phải liên lạc với trung tâm dịch vụ được ủy quyền khi lắp đặt màn hình ở những nơi có quá nhiều bụi, có nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, có độ ẩm cao, có dùng các dung dịch hóa học và những nơi màn hình được sử dụng liên tục trong vòng 24 tiếng đồng hồ như nhà ga, sân bay,

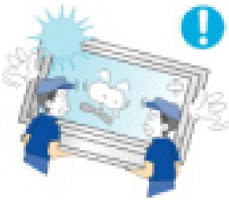
v.v…

Màn hình có thể bị hư hỏng nghiêm trọng nếu bạn không thực hiện điều này.



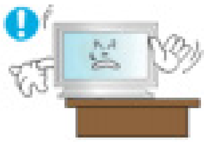
Hãy đặt màn hình ở nơi có độ ẩm không cao và ít bụi nhất.

- Một cú sốc điện hoặc cháy có thể xảy ra bên trong màn hình.



Không được làm rớt màn hình khi di chuyển nó.

- Điều này có thể gây hư hỏng thiết bị hoặc làm bạn bị thương.



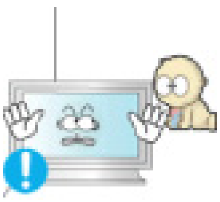
Đặt chân đế màn hình vào tủ hoặc kệ để đầu không nhô ra ngoài.

- Việc làm rơi sản phẩm có thể gây hư hỏng hoặc gây thương tích cho người sử dụng.



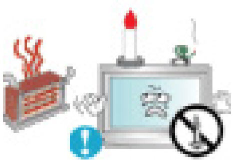
Không đặt sản phẩm trên bề mặt hẹp hoặc thiếu ổn định.

- Hãy đặt sản phẩm trên bề mặt ổn định, phẳng, vì sản phẩm có thể rơi và gây nguy hiểm cho những người đi qua, đặc biệt là trẻ em.



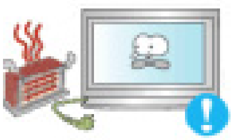
Không đặt sản phẩm trên sàn nhà.

- Mọi người, đặc biệt là trẻ em có thể vướng chân vào nó.



ĐỂ PHÒNG HỎA HOẠN, HÃY LUÔN LUÔN ĐỂ NẾN HOẶC NHỮNG VẬT DỄ CHÁY XA THIẾT BỊ.

- Trái lại, điều này có thể gây cháy.



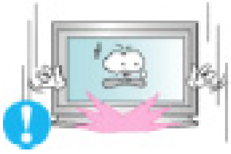
Đặt mọi thiết bị phát nhiệt cách xa cáp nguồn.

- Khi lớp vỏ bảo vệ dây dẫn bị chảy có thể dẫn đến cháy hay sốc điện.



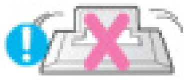
Không lắp đặt sản phẩm ở những nơi thông gió kém, chẳng hạn như kệ sách, buồng riêng, v.v.

- Việc tăng nhiệt độ bên trong có thể gây cháy.



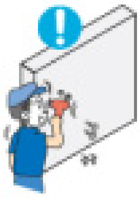
Đặt màn hình xuống một cách cẩn thận.

- Nó có thể bị hư hỏng hoặc bể.



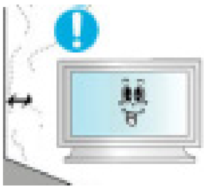
Không được đặt màn hình úp mặt xuống.

- TMặt màn hình TFT-LCD có thể bị hư hại.



Việc gắn giá treo tường phải do một chuyên viên kinh nghiệm thực hiện.

- Việc lắp đặt bởi người không chuyên nghiệp có thể dẫn đến hậu quả gây thương tích.
- Luôn nhớ sử dụng thiết bị treo tường được ghi rõ trong sách hướng dẫn sử dụng.



Để thông gió, khi lắp đặt sản phẩm, bạn cần đảm bảo đặt sản phẩm cách xa tường (ít nhất 10 cm / 4 inch).

- Việc thông gió không tốt có thể làm tăng nhiệt độ bên trong thiết bị, khiến tuổi thọ của các thành phần ngắn đi và hiệu năng suy giảm.

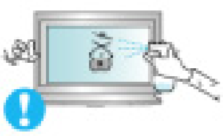


Hãy giữ bao gói bằng nhựa ngoài tầm với của trẻ em.

- Bao gói bằng nhựa có thể gây ngạt thở nếu để trẻ em chơi với chúng.

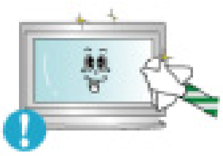
Làm sạch

Khi lau chùi vỏ máy hoặc bề mặt màn hình TFT-LCD, hãy dùng vải mềm và hơi ẩm.



Không được xịt nước hoặc chất tẩy trực tiếp lên màn hình.

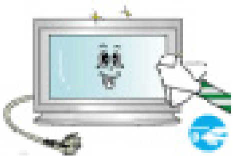
- Điều này có thể gây hư hỏng, sốc điện hoặc cháy.



Hãy dùng chất tẩy được đềà nghị với vải mềm.



- **Nếu chỗ kết nối giữa phích cắm và chân cắm bị bám bụi hoặc bẩn hãy lau chùi đúng cách bằng vải khô.**
  - Chỗ kết nối bị bẩn có thể gây sốc điện hoặc cháy.



- **Đảm bảo dây nguồn phải được tháo ra trước khi làm sạch sản phẩm.**
  - Trái lại, điều này có thể gây ra sốc điện hoặc cháy.



- **Tháo dây nguồn điện khỏi ổ cắm điện và lau sản phẩm bằng vải khô, mềm.**
  - Không dùng các hóa chất như sáp, benzen, cồn, phụ gia sơn, thuốc trừ sâu, chất làm tươi không khí, dầu nhờn hay thuốc tẩy.

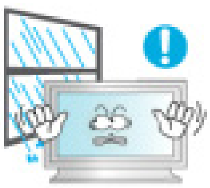
Khác



- **Không tháo vỏ (hoặc vỏ sau).**
  - Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.
  - Mang máy đến chuyên viên bảo trì, khi cần.



- **Trong trường hợp màn hình của bạn hoạt động không bình thường, và đặc biệt là màn hình phát âm thanh hoặc tỏa mùi lạ – hãy lập tức tháo dây cắm điện và liên hệ với một đại lý hoặc dịch vụ được ủy quyền.**
  - Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.

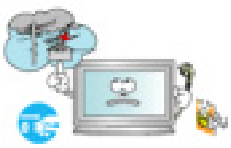


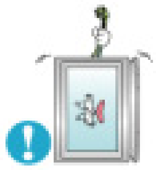
- **Giữ sản phẩm cách xa những nơi bụi bẩn, khói thuốc hay dầu mỡ; không lắp đặt sản phẩm trong các phương tiện di chuyển.**
  - Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.
  - Đặc biệt tránh sử dụng màn hình gần nước hoặc ngoài trời, nơi có thể bị ảnh hưởng mưa hoặc tuyết.



- **Nếu màn hình bị rớt hoặc vỏ màn hình bị hư hại, hãy tắt máy và rút phích cắm điện ra. Sau đó liên hệ với Trung tâm bảo hành.**
  - Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.

- **Hãy tắt màn hình khi ngoài trời có sấm sét, hoặc khi không sử dụng trong thời gian dài.**
  - Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.





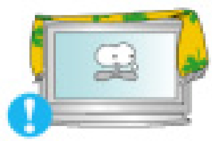
Không được cố di chuyển màn hình bằng cách kéo dây điện hoặc cáp tín hiệu.

- Điều này có thể gây hư hỏng, sốc điện hoặc cháy vì dây cáp bị hỏng.



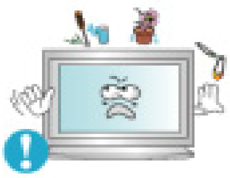
Không được di chuyển màn hình sang phải hoặc trái bằng cách chỉ kéo dây điện hoặc dây cáp tín hiệu.

- Điều này có thể gây hư hỏng, sốc điện hoặc cháy vì dây cáp bị hỏng.



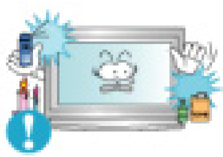
Không được che phủ lỗ thông hơi trên vỏ màn hình.

- Việc thông hơi không tốt có thể gây hư hỏng hoặc cháy.



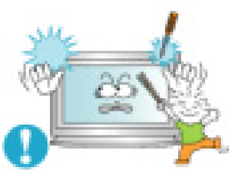
Không được đặt bình chứa nước, các sản phẩm hóa học hoặc những vật nhỏ bằng kim loại lên màn hình.

- Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.
- Nếu có vật lạ rơi vào màn hình, hãy rút dây điện ra và liên hệ với Trung tâm bảo hành .



Giữ sản phẩm cách xa khỏi các bình phun hóa chất dễ bắt lửa hay các chất dễ bắt lửa.

- Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.



Không bao giờ được gắn bất cứ vật thể bằng kim loại nào vào bên trong màn hình.

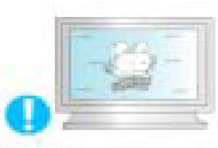
- Điều này có thể gây sốc điện hoặc cháy.

Không chèn các vật thể kim loại như các que, dây điện và lưỡi khoan hoặc các vật dễ phát cháy như giấy và diêm quẹt vào lỗ thông hơi, ống tai nghe hay các cổng tín hiệu AV.

- Điều này có thể gây ra sốc điện. Nếu có một vật thể lạ hoặc nước rơi vào sản phẩm, hãy tắt sản phẩm, rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện trên tường

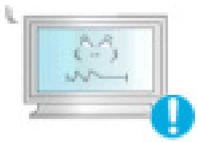


và liên lạc với trung tâm dịch vụ.



Nếu bạn xem một màn hình cố định trong thời gian dài, hiện tượng hình to ra hoặc mờ đi có thể xuất hiện.

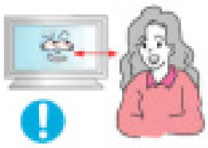
- Hãy chuyển màn hình sang chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc cài đặt screensaver với hình động khi bạn không sử dụng màn hình trong thời gian dài.



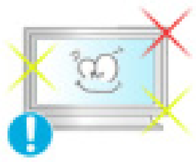
Điều chỉnh độ phân giải và tần số ở mức độ thích hợp đối với kiểu máy.

- Độ phân giải và tần số ở mức độ không đúng có thể gây hại đối với mắt bạn.

  40 inch (101 cm) - 1360 X 768
  46 inch (116 cm) - 1360 X 768



Khi xoay màn hình, góc quay được hiện thị trên mặt phẳng màn hình.

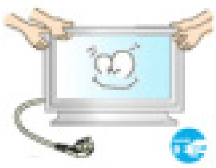


Để giảm mỏi mắt, hãy nghỉ ngơi ít nhất năm phút sau mỗi giờ ngồi trước màn hình.



Không đặt sản phẩm trên bề mặt không ổn định, không phẳng, hoặc ở những nơi dễ bị rung chuyển.

- Việc làm rơi sản phẩm có thể gây hư hỏng hoặc gây thương tích cho người sử dụng. Sử dụng sản phẩm ở nơi hay bị rung chuyển có thể làm giảm tuổi thọ của sản phẩm hoặc có thể gây cháy.

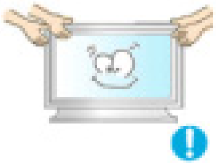


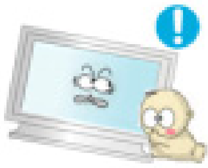
Khi di chuyển màn hình, hãy tắt và rút dây nguồn. Đảm bảo mọi dây cáp, bao gồm ăng-ten và dây cáp nối với các thiết bị khác, đã được rút ra khỏi màn hình trước khi di chuyển.

- Nếu không rút dây cáp có thể gây hư hỏng cho sợi cáp và dẫn đến cháy hoặc sốc điện.

Đảm bảo phải có hơn hai người khi cần di chuyển sản phẩm.

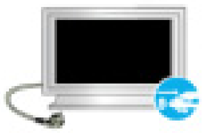
- Làm rơi sản phẩm có thể làm cho nó vận hành sai hay gãy vỡ.





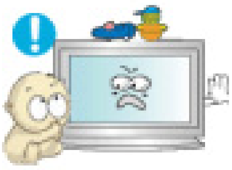
Đặt sản phẩm xa tầm với của trẻ em, vì chúng có thể làm hư sản phẩm khi chạm vào nó.

- Khi sản phẩm rơi xuống nó có thể gây thương tật thậm chí tử vong.



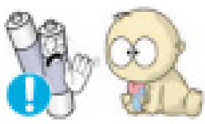
Khi không dùng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy rút dây nguồn ra khỏi ổ cấp điện.

- Trái lại, điều này có thể gây tỏa nhiệt từ bụi tích tụ hay chất cách điện xuống cấp, dẫn đến sốc điện hay cháy.



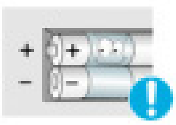
Không đặt các vật ưa thích của trẻ em (hay bất kỳ vật gì có thể gây chú ý) lên sản phẩm.

- Trẻ em có thể trèo lên sản phẩm để lấy đồ vật đặt trên đó. Sản phẩm có thể rơi, gây thương tật hay thậm chí tử vong.



Khi bạn tháo pin khỏi bộ điều khiển từ xa, hãy chú ý không để trẻ em nuốt phải. Hãy giữ pin ngoài tầm với của trẻ em.

- Nếu lỡ nuốt phải, hãy đưa trẻ đến bác sĩ ngay.



Khi thay pin, đặt pin đúng vị trí cực tính +/- như đã đánh dấu trên ngăn chứa pin.

- Cực tính không đúng có thể làm pin nứt hay rò rỉ và có thể dẫn đến cháy, hư hỏng hoặc làm bẩn máy (làm hư máy).

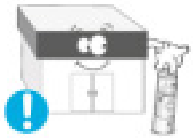


Chỉ sử dụng pin chuẩn được chỉ định. Không nên sử dụng pin mới và pin đã sử dụng cùng với nhau.

- Điều này có thể làm pin nứt hay rò rỉ và có thể dẫn đến cháy, hư hỏng hoặc làm bẩn máy (làm hư máy).

Pin (và pin sạc) không phải là vật bỏ đi bình thường mà phải được trả lại để tái chế. Khách hàng, là người sử dụng pin, có trách nhiệm trả lại pin đã dùng hoặc pin sạc để tái chế.

- Khách hàng có thể trả lại pin đã dùng hay pin sạc cho trung tâm tái chế



công cộng địa phương hoặc cho các cửa hàng bán loại pin hay pin sạc đó.

SyncMaster 400PXn / 460PXn

kiểu



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Giới thiệu

Nội dung Hộp

Lưu ý

- Vui lòng kiểm tra để chắc chắn rằng những phụ kiện sau đây được kèm theo màn hình của bạn. Nếu có chi tiết nào bị thiếu, hãy liên hệ với người bán hàng cho bạn..
  Liên hệ với một đại lý tại địa phương để mua các món tùy chọn.

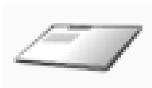
Lưu ý

- Không đặt sản phẩm trên sàn nhà.



Màn hình

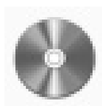
Tài liệu hướng dẫn



Hướng dẫn lắp đặt nhanh



Phiếu bảo hành (Không nơi nào làm sẵn)

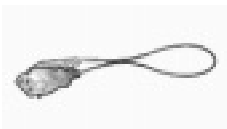


Hướng dẫn Sử dụng, Phần mềm MDC, Phần mềm MagicNet

Dây cáp



Dây cáp tín hiệu



Dây điện nguồn

Các mục khác



Điều khiển Từ xa



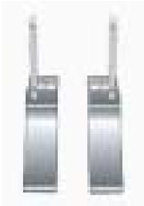
Pin (AAA x 2)
(Không nơi nào làm sẵn)



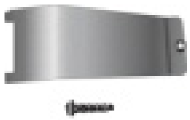
Nắp bảo vệ



Đầu cắm Bộ tiếp hợp BNC to RCA

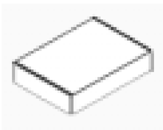


Chân đế Tạm



ngăn chứa thiết bị USB & Vít (1EA)

Được bán riêng

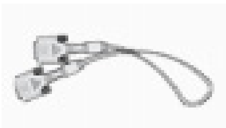


BỘ Giá Treo Tường

Bộ Loa



BỘ Chân đế



Dây cáp DVI



Cáp mạng LAN



Cáp BNC

Màn hình Của bạn

Phía trước



1) **MENU**

Sử dụng nút này để mở menu trên màn hình và thoát khỏi màn hình menu hay đóng menu điều chỉnh màn hình.

2) **Nút điều hướng (Nút Lên-Xuống)**

Di chuyển dọc từ một mục menu sang một mục menu khác hay điều chỉnh các giá trị menu đã chọn. Ở chế độ TV, chọn các kênh TV.

3) **Nút điều chỉnh (Nút Trái-Phải)/ Nút âm thanh**

Di chuyển ngang từ một mục menu sang một mục menu khác hay điều chỉnh các giá trị menu đã chọn. Cũng điều chỉnh cả âm lượng âm thanh.

4) **ENTER**

Kích hoạt một mục menu được chọn.

5) **SOURCE**

yển từ chế độ PC sang chế độ Video. Bạn chỉ có thể đổi nguồn khi các thiết bị ngoài được kết nối với màn hình cùng lúc. Để chuyển các chế độ Màn hình:
[PC] → [BNC] → [DVI] → [AV] → [S-Video] → [Component] → [MagicNet]
>> Nhấn vào đây để xem một đoạn phim hoạt hình.

6) **PIP**

Nhấn nút PIP để On/Off màn hình PIP.
Không thể chồng nhiều PIP lên nhau trên màn hình vì BNC và thành phần đang sử dụng cùng đầu cắm.
>> Nhấn vào đây để xem một đoạn phim hoạt hình.

- **PC / DVI**
  AV / S-Video / Component Mode
- **BNC**
  AV / S-Video Mode
- **DVI**
  AV / S-Video / Component
- **AV / S-Video**
  PC / BNC / DVI Mode
- **Component**
  PC / DVI Mode

7) **Nút nguồn điện**

Dùng nút này để bật và tắt màn hình.

8) **Đèn báo nguồn điện**

Đèn này tỏa sáng màu xanh trong chế độ hoạt động bình thường, và nhấp nháy màu xanh khi màn hình lưu các điều chỉnh của bạn.

9) **Bộ cảm ứng điều khiển từ xa**

Hãy hướng bộ điều khiển từ xa vào điểm này trên Màn hình.

Lưu ý

- Xem phần mô tả về PowerSaver trong sổ tay hướng dẫn để biết thêm thông tin về các chức năng tiết kiệm điện. Để bảo tồn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không cần thiết, hay khi không sử dụng trong thời gian dài.

Phía sau

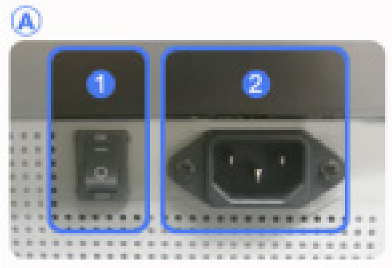
Lưu ý

- Để biết thêm thơng tin chi tiết về việc kết nối cáp, vui lịng tham khảo mục Cáp kết nối trong phần Thiết lập. Hình dạng rìa sau của màn hình cĩ thể khác nhau đơi chút tùy thuộc vào kiểu màn hình.



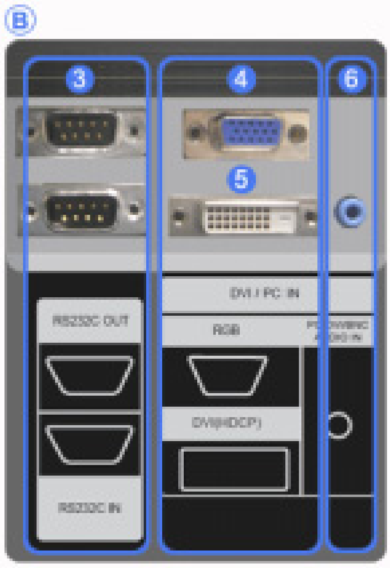
1) **POWER S/W (Nút Bật/Tắt Nguồn điện):**

Mở và tắt màn hình



2) **POWER IN (Khe cắm điện):**

Dây nguồn, cắm nối vào màn hình và ổ cắm trên tường



3) **RS232C OUT/IN (CỔNG Nối tiếp RS232C):**

Cổng Chương trình MDC (Trình Điều khiển Đa Thiết bị)

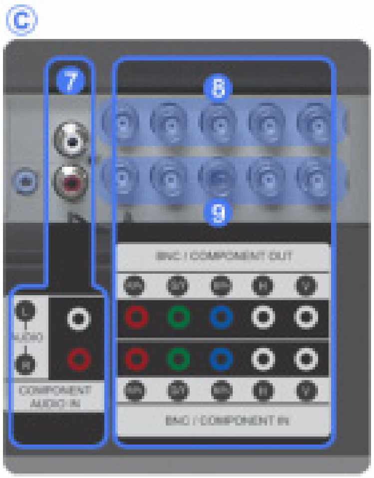
4) **DVI / PC IN(RGB) (Cổng Kết nối Video PC)**

Dùng Cáp D-Sub (D-Sub 15 chân) – chế độ PC (PC Analog)

5) **DVI / PC IN [DVI(HDCP)] (Cổng Kết nối Video PC)**

Cáp DVI (DVI-D - DVI-D) – chế độ DVI (PC Kỹ thuật số)

6) **DVI / PC IN (Cổng Kết nối Âm thanh PC/DVI/BNC(Đầu vào))**

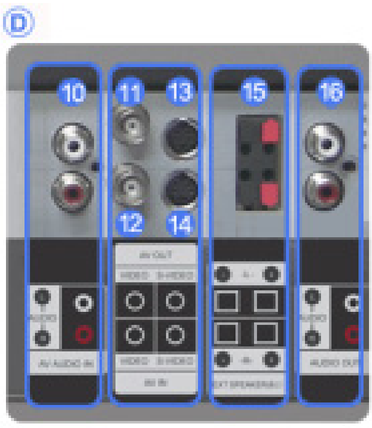


7) **COMPONENT AUDIO IN [L-AUDIO-R](Cổng Kết nối Thành phần Âm thanh (Đầu vào))**

8) **BNC/COMPONENT OUT [R/PR, G/Y, B/PB, H, V] (Cổng Kết nối BNC/Thành phần(Đầu ra))**

BNC (Analog PC)Kết nối BNC (PC Analog): kết nối cổng R, G, B, H, V
Kết nối Thành phần: kết nối cổng PR, Y, PB

9) **BNC/COMPONENT IN [R/PR, G/Y, B/PB, H, V] (Cổng Kết nối BNC/Thành phần(Đầu vào))**



10) **AV AUDIO IN [L-AUDIO-R](Cổng Kết nối Âm thanh Màn hình (Đầu vào))**

11) **AV OUT [VIDEO](Cổng Kết nối VIDEO): Chế độ AV (Đầu ra)**

12) **AV IN [VIDEO](Cổng Kết nối VIDEO) (Đầu vào)**

13) **AV OUT [S-VIDEO](Cổng Kết nối S-Video): Chế độ S-Video (Đầu ra)**

14) **AV IN [S-VIDEO](Cổng Kết nối S-Video) (Đầu vào)**

15) **EXT SPEAKER(8 Ω)[- - L - +, - - R - +] (Loa NGOẠI VI (8 Ω))**

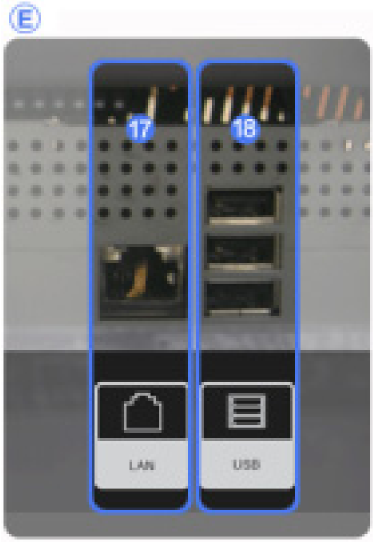
16) **Coång AUDIO OUT [L-AUDIO-R] (AÂM THANH RA [L-AUDIO-R]) (Coång Keát noái AÂm thanh Maøn hình (Ñaàu ra))**

AUDIO OUT (AÂM THANH RA) laø coång xuaát tín hieäu aâm thanh ra cuûa maùy tính, DVI hoaëc BNC.

Lưu ý

- Số lượng màn hình có thể được kết nối vào vòng lặp ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào các yếu tố như cáp, nguồn tín hiệu, v.v... Nếu cáp dẫn có độ suy hao trên nguồn tín hiệu thấp, bạn có thể nối được mười

màn hình vào.

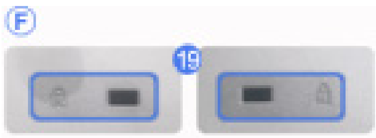


17) **LAN (LAN Connection Terminal)**

MS Internet Explorer

18) **USB (USB Connection Terminal)**

Tương thích với Bàn phím / Chuột, Thiết bị Lưu trữ Khối lượng lớn.



19) **Khĩa Kensington**

Khóa Kensington là thiết bị được dùng để cố định hệ thống về mặt vật lý khi sử dụng hệ thống ở những nơi công cộng. (Thiết bị khóa này phải được mua riêng.) **Để biết cách sử dụng thiết bị khóa, vui lòng liên hệ nơi bạn mua thiết bị.**

Löu yù

- Xin xem phần Kết nối Màn hình để biết thêm thông tin về cách gắn các dây cáp.

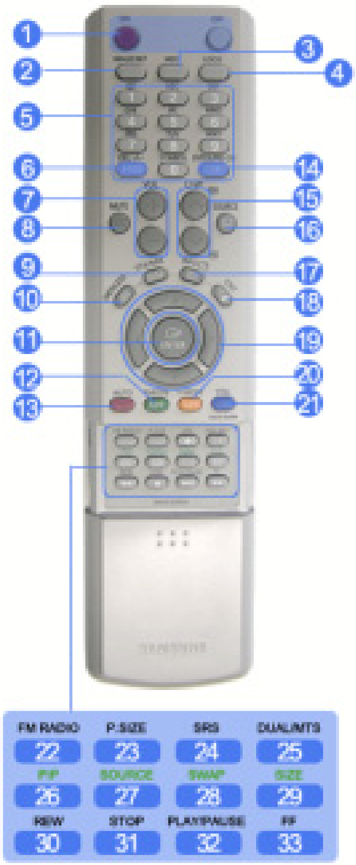
Điều khiển Từ xa

Lưu ý

- Hiệu năng điều khiển từ xa có thể bị ảnh hưởng do TV hoặc các thiết bị điện tử khác đang hoạt động gần màn hình. Nguyên nhân gây ra sự cố là do nhiễu tần số.

1. ON / OFF
2. MAGICNET
3. MDC
4. LOCK
5. Các nút MagicNet
6.+100 -/--
7. VOL
8. MUTE
9. TTX/MIX
10. MENU
11. ENTER
12. M/B P.MODE
13. AUTO
14. PRE-CH
15 . CH/P
16. SOURCE
17. INFO
18. EXIT
19. Các nút Lên-Xuống Trái-Phải
20. S.MODE
21. STILL
22. FM RADIO
23. P.SIZE
24. SRS
25. DUAL/MTS
26. PIP
27. SOURCE
28. SWAP
29. SIZE
30. REW
31. STOP
32. PLAY/PAUSE

33. ⏩ FF



1) **ON / OFF**

Dùng nút này để bật và tắt màn hình.

2) **MAGICNET**

Nút Khởi động Nhanh MagicNet.

3) **MDC**

Nút Khởi động Nhanh MDC

4) **LOCK**

Nút này sẽ bật hoặc tắt tất cả các phím chức năng trên cả bộ điều khiển từ xa lẫn màn hình, ngoại trừ nút Nguồn điện và nút LOCK.

5) **Các nút MagicNet**

Sử dụng các phím này cho MagicNet.
• Ký tự / Số: Sử dụng để nhập địa chỉ của trang web.
• DEL: Sử dụng để xóa lui ký tự.
• SYMBOL: Sử dụng khi muốn chèn các ký hiệu. (.O_-)
• ENTER: Sử dụng khi nhập dữ liệu.

6) **+100 -/--**

Nhấn để chọn các kênh trên 100.
Ví dụ, để chọn kênh 121, nhấn "+100", sau đó nhấn "2" và "1".
- Tính năng không có cho màn hình này.

7) **VOL**

Điều chỉnh âm lượng âm thanh.

8) **MUTE**

Tạm ngưng (tắt tiếng) âm thanh xuất ra tạm thời.
Thông tin hình ảnh hiện hành sẽ hiển thị ở góc trên bên trái của màn hình.
Âm thanh lại tiếp tục nếu nhấn MUTE hoặc - VOL + trong chế độ Tắt tiếng.

9) **TTX/MIX**

Các kênh TV đều cung cấp dịch vụ thông tin chữ thông qua teletext.
[TTX / MIX được sử dụng chủ yếu ở Châu Âu.]

10) **MENU**

Sử dụng nút này để mở menu trên màn hình và thoát khỏi màn hình menu hay đóng menu điều chỉnh màn hình.

11) **ENTER**

Kích hoạt một mục menu được chọn.

12) M/B P.MODE

Khi bạn nhấn nút này, chế độ hiện hành sẽ hiển thị ở giữa phía dưới của màn hình.

AV / S-Video /Component Mode : P.MODE
Màn hình có bốn cài đặt hình ảnh tự động được nhà sản xuất cài đặt sẵn.
Sau đó nhấn nút một lần nữa để xem qua các chế độ tạo cấu hình được cài sẵn.
(Dynamic → Standard → Movie → Custom)

PC / DVI Mode : M/B (MagicBright™)
MagicBright™ là một chức năng mới, tạo môi trường thưởng ngoạn tối ưu thể theo nội dung hình ảnh bạn đang xem.
Sau đó nhấn nút một lần nữa để xem qua các chế độ tạo cấu hình được cài sẵn.
(Entertain → Internet → Text → Custom)

13) **AUTO**

Điều chỉnh hiển thị màn hình tự động.(PC)

14) **PRE-CH**

Nút này được sử dụng để trở về kênh trước đó ngay lập tức.
- Tính năng không có cho màn hình này.

15) **∨ CH/P ∧**

Ở chế độ TV, chọn các kênh TV.
- Tính năng không có cho màn hình này.

16) **SOURCE**

Chuyển từ chế độ PC sang chế độ Video.
Bạn chỉ có thể đổi nguồn khi các thiết bị ngoài được kết nối với màn hình cùng lúc.

17) **INFO**

Thông tin hình ảnh hiện hành sẽ hiển thị ở góc trên bên trái của màn hình.

18) **EXIT**

Thoát khỏi màn hình menu.

19) **Các nút Lên-Xuống Trái-Phải**

Di chuyển ngang từ một mục menu sang một mục menu khác hay điều chỉnh các giá trị menu đã chọn.

20) **S.MODE**

Khi bạn nhấn nút này, chế độ hiện hành sẽ hiển thị ở giữa phía dưới của màn hình.
Màn hình có một bộ khuếch đại âm thanh nổi stereo hi-fi tích hợp.
Sau đó nhấn nút một lần nữa để xem qua các chế độ tạo cấu hình được cài sẵn.
(Standard → Music → Movie → Speech → Custom)

21) **STILL**

Nhấn nút một lần để làm đứng màn hình. Nhấn lần nữa để hủy bỏ lệnh làm đứng màn hình.

22) **FM RADIO**

Bật/Tắt FM Radio. Ở chế độ PC/DVI, chỉ cài đặt ÂM THANH sang FM Radio.
Trong các vùng có tín hiệu yếu, có thể xuất hiện nhiễu khi phát Đài FM RADIO.
Ở chế độ NGUỒN VIDEO chung, cài đặt sang FM RADIO, tắt màn hình.
- Tính năng không có cho màn hình này.

23) **P.SIZE**

Bạn có thể chuyển Kích thước.

24) **SRS**

SRS

25) **I-II DUAL/MTS**

DUAL-

Chế độ STEREO/MONO, DUAL l / DUAL ll và MONO/NICAM MONO/NICAM STEREO có thể hoạt động tùy theo loại truyền hình bằng cách sử dụng nút DUAL trên bộ điều khiển từ xa trong khi đang xem TV.

MTS-

Bạn có thể chọn chế độ MTS (Stereo TV Đa kênh).

	Audio Type	MTS/S_Mode	Default
FM Stereo	Mono	Mono	Manual Change
	Stereo	Mono ↔ Stereo	
	SAP	Mono ↔ SAP	Mono

- Tính năng không có cho màn hình này.

26) **PIP**

Nhấn nút PIP để On/Off màn hình PIP.

27) **SOURCE**

Chọn nguồn Video.(PIP)

28) **SWAP**

Hốn chuyển hình ảnh trong cửa sổ PIP và màn hình chính.
Hình ảnh trên cửa sổ PIP sẽ xuất hiện trên màn hình chính, trong khi đĩ hình ảnh trên màn hình chính sẽ được chuyển sang cửa sổ PIP.

29) **SIZE**

Bạn có thể chuyển Kích thước Hình ảnh.

30) **REW**

Quay lại

31) **STOP**

Ngưng

32) **PLAY / PAUSE**

Phát / Tạm ngưng

33) **FF**

Quay tới nhanh

SyncMaster 400PX / 460PX

kiểu

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Giới thiệu

Nội dung Hộp

Lưu ý

- Vui lòng kiểm tra để chắc chắn rằng những phụ kiện sau đây được kèm theo màn hình của bạn. Nếu có chi tiết nào bị thiếu, hãy liên hệ với người bán hàng cho bạn..
  Liên hệ với một đại lý tại địa phương để mua các món tùy chọn.

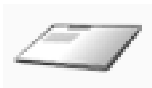
Lưu ý

- Không đặt sản phẩm trên sàn nhà.



Màn hình

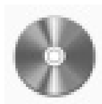
Tài liệu hướng dẫn



Hướng dẫn lắp đặt nhanh



Phiếu bảo hành (Không nơi nào làm sẵn)

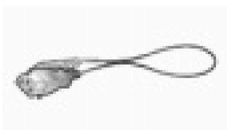


Hướng dẫn Sử dụng, Phần mềm MDC

Dây cáp



Dây cáp tín hiệu



Dây điện nguồn

Các mục khác



Điều khiển Từ xa



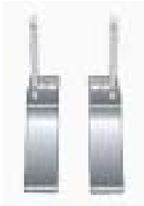
Pin (AAA x 2)
(Không nơi nào làm sẵn)



Nắp bảo vệ

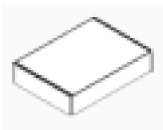


Đầu cắm Bộ tiếp hợp BNC to RCA



Chân đế Tạm

Được bán riêng

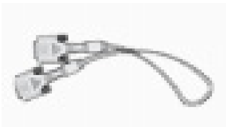


BỘ Giá Treo Tường

Bộ Loa



BỘ Chân đế



Dây cáp DVI



Cáp mạng LAN



Cáp BNC

Màn hình Của bạn

Phía trước



1) **MENU**

Sử dụng nút này để mở menu trên màn hình và thoát khỏi màn hình menu hay đóng menu điều chỉnh màn hình.

2) **Nút điều hướng (Nút Lên-Xuống)**

Di chuyển dọc từ một mục menu sang một mục menu khác hay điều chỉnh các giá trị menu đã chọn. Ở chế độ TV, chọn các kênh TV.

3) **Nút điều chỉnh (Nút Trái-Phải)/ Nút âm thanh**

Di chuyển ngang từ một mục menu sang một mục menu khác hay điều chỉnh các giá trị menu đã chọn. Cũng điều chỉnh cả âm lượng âm thanh.

4) **ENTER**

Kích hoạt một mục menu được chọn.

5) **SOURCE**

yển từ chế độ PC sang chế độ Video. Bạn chỉ có thể đổi nguồn khi các thiết bị ngoài được kết nối với màn hình cùng lúc. Để chuyển các chế độ Màn hình:
[PC] → [BNC] → [DVI] → [AV] → [S-Video] → [Component]
>> Nhấn vào đây để xem một đoạn phim hoạt hình.

6) **PIP**

Nhấn nút PIP để On/Off màn hình PIP.
Không thể chồng nhiều PIP lên nhau trên màn hình vì BNC và thành phần đang sử dụng cùng đầu cắm.
>> Nhấn vào đây để xem một đoạn phim hoạt hình.

- **PC / DVI**
  AV / S-Video / Component Mode
- **BNC**
  AV / S-Video Mode
- **DVI**
  AV / S-Video / Component
- **AV / S-Video**
  PC / BNC / DVI Mode
- **Component**
  PC / DVI Mode

7) **Nút nguồn điện**

Dùng nút này để bật và tắt màn hình.

8) **Đèn báo nguồn điện**

Đèn này tỏa sáng màu xanh trong chế độ hoạt động bình thường, và nhấp nháy màu xanh khi màn hình lưu các điều chỉnh của bạn.

9) **Bộ cảm ứng điều khiển từ xa**

Hãy hướng bộ điều khiển từ xa vào điểm này trên Màn hình.

Lưu ý

- Xem phần mô tả về PowerSaver trong sổ tay hướng dẫn để biết thêm thông tin về các chức năng tiết kiệm điện. Để bảo tồn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không cần thiết, hay khi không sử dụng trong thời gian dài.

Phía sau

Lưu ý

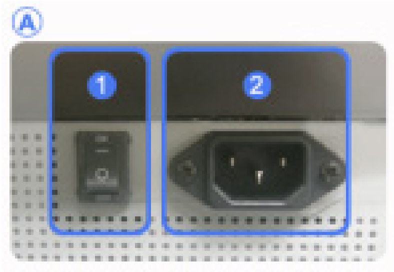
- Để biết thêm thơng tin chi tiết về việc kết nối cáp, vui lịng tham khảo mục Cáp kết nối trong phần Thiết lập. Hình dạng rìa sau của màn hình cĩ thể khác nhau đơi chút tùy thuộc vào kiểu màn hình.



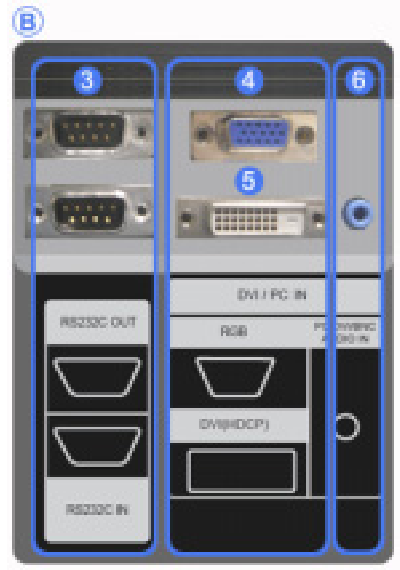
1) **POWER S/W (Nút Bật/Tắt Nguồn điện):**

Mở và tắt màn hình

2) **POWER IN (Khe cắm điện):**



Dây nguồn, cắm nối vào màn hình và ổ cắm trên tường



3) **RS232C OUT/IN (CỔNG Nối tiếp RS232C):**

Cổng Chương trình MDC (Trình Điều khiển Đa Thiết bị)

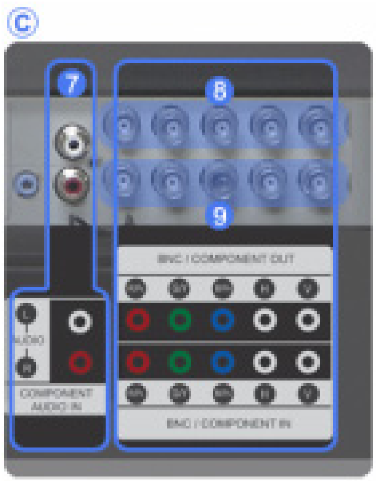
4) **DVI / PC IN(RGB) (Cổng Kết nối Video PC)**

Dùng Cáp D-Sub (D-Sub 15 chân) – chế độ PC (PC Analog)

5) **DVI / PC IN [DVI(HDCP)] (Cổng Kết nối Video PC)**

Cáp DVI (DVI-D - DVI-D) – chế độ DVI (PC Kỹ thuật số)

6) **DVI / PC IN (Cổng Kết nối Âm thanh PC/DVI/BNC(Đầu vào))**

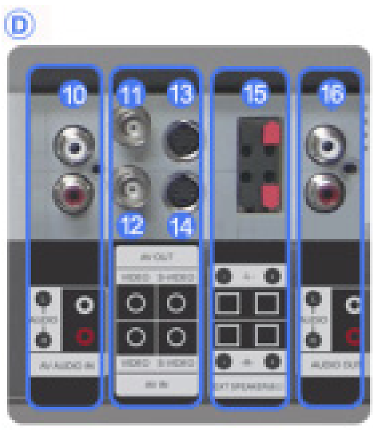


7) **COMPONENT AUDIO IN [L-AUDIO-R](Cổng Kết nối Thành phần Âm thanh (Đầu vào))**

8) **BNC/COMPONENT OUT [R/PR, G/Y, B/PB, H, V] (Cổng Kết nối BNC/Thành phần(Đầu ra))**

BNC (Analog PC)Kết nối BNC (PC Analog): kết nối cổng R, G, B, H, V
Kết nối Thành phần: kết nối cổng PR, Y, PB

9) **BNC/COMPONENT IN [R/PR, G/Y, B/PB, H, V] (Cổng Kết nối BNC/Thành phần(Đầu vào))**



10) **AV AUDIO IN [L-AUDIO-R](Cổng Kết nối Âm thanh Màn hình (Đầu vào))**

11) **AV OUT [VIDEO](Cổng Kết nối VIDEO): Chế độ AV (Đầu ra)**

12) **AV IN [VIDEO](Cổng Kết nối VIDEO) (Đầu vào)**

13) **AV OUT [S-VIDEO](Cổng Kết nối S-Video): Chế độ S-Video (Đầu ra)**

14) **AV IN [S-VIDEO](Cổng Kết nối S-Video) (Đầu vào)**

15) **EXT SPEAKER(8 Ω)[- - L - +, - - R - +] (Loa NGOẠI VI (8 Ω))**

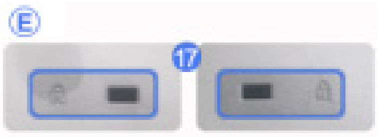
16) **Coång AUDIO OUT [L-AUDIO-R] (AÂM THANH RA [L-AUDIO-R]) (Coång Keát noái AÂm thanh Maøn hình (Ñaàu ra))**

AUDIO OUT (AÂM THANH RA) laø coång xuaát tín hieäu aâm thanh ra cuûa maùy tính, DVI hoaëc BNC.

Lưu ý

- Số lượng màn hình có thể được kết nối vào vòng lặp ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào các yếu tố như cáp, nguồn tín hiệu, v.v... Nếu cáp dẫn có độ suy hao trên nguồn tín hiệu thấp, bạn có thể nối được mười

màn hình vào.



17) **Khĩa Kensington**

Khóa Kensington là thiết bị được dùng để cố định hệ thống về mặt vật lý khi sử dụng hệ thống ở những nơi công cộng. (Thiết bị khóa này phải được mua riêng.) **Để biết cách sử dụng thiết bị khóa, vui lòng liên hệ nơi bạn mua thiết bị.**

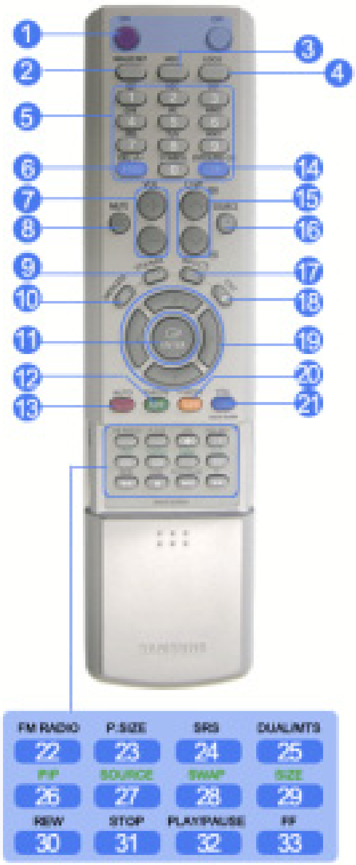
Löu yù

- Xin xem phần Kết nối Màn hình để biết thêm thông tin về cách gắn các dây cáp.

Điều khiển Từ xa

Lưu ý

- Hiệu năng điều khiển từ xa có thể bị ảnh hưởng do TV hoặc các thiết bị điện tử khác đang hoạt động gần màn hình. Nguyên nhân gây ra sự cố là do nhiễu tần số.



1. ON / OFF
2. MAGICNET
3. MDC
4. LOCK
5. Các nút MagicNet
6. +100 -/--
7. VOL
8. MUTE
9. TTX/MIX
10. MENU
11. ENTER
12. P.MODE
13. AUTO
14. PRE-CH
15. CH/P
16. SOURCE
17. INFO
18. EXIT
19. Các nút Lên-Xuống Trái-Phải
20. S.MODE
21. STILL
22. FM RADIO
23. P.SIZE
24. SRS
25. DUAL/MTS
26. PIP
27. SOURCE
28. SWAP
29. SIZE
30. REW
31. STOP
32. PLAY/PAUSE
33. FF

1) **ON / OFF**

Dùng nút này để bật và tắt màn hình.

2) **MAGICNET**

Nút Khởi động Nhanh MagicNet.
- Tính năng không có cho màn hình này.

3) **MDC**

Nút Khởi động Nhanh MDC

4) **LOCK**

Nút này sẽ bật hoặc tắt tất cả các phím chức năng trên cả bộ điều khiển từ xa lẫn màn hình, ngoại trừ nút Nguồn điện và nút LOCK.

5) **Các nút MagicNet**

Sử dụng các phím này cho MagicNet.
• Ký tự / Số: Sử dụng để nhập địa chỉ của trang web.

• DEL: Sử dụng để xóa lui ký tự.

• SYMBOL: Sử dụng khi muốn chèn các ký hiệu. (.O_-)

• ENTER: Sử dụng khi nhập dữ liệu.

- Tính năng không có cho màn hình này.

6) +100 -/--

Nhấn để chọn các kênh trên 100.
Ví dụ, để chọn kênh 121, nhấn "+100", sau đó nhấn "2" và "1".
- Tính năng không có cho màn hình này.

7) VOL

Điều chỉnh âm lượng âm thanh.

8) MUTE

Tạm ngưng (tắt tiếng) âm thanh xuất ra tạm thời.
Thông tin hình ảnh hiện hành sẽ hiển thị ở góc trên bên trái của màn hình.
Âm thanh lại tiếp tục nếu nhấn MUTE hoặc - VOL + trong chế độ Tắt tiếng.

9) TTX/MIX

Các kênh TV đều cung cấp dịch vụ thông tin chữ thông qua teletext.
[TTX / MIX được sử dụng chủ yếu ở Châu Âu.]

10) MENU

Sử dụng nút này để mở menu trên màn hình và thoát khỏi màn hình menu hay đóng menu điều chỉnh màn hình.

11) ENTER

Kích hoạt một mục menu được chọn.

12) M/B P.MODE

Khi bạn nhấn nút này, chế độ hiện hành sẽ hiển thị ở giữa phía dưới của màn hình.

AV / S-Video /Component Mode : P.MODE
Màn hình có bốn cài đặt hình ảnh tự động được nhà sản xuất cài đặt sẵn.
Sau đó nhấn nút một lần nữa để xem qua các chế độ tạo cấu hình được cài sẵn.
(Dynamic → Standard → Movie → Custom)

PC / DVI Mode : M/B (MagicBright™)
MagicBright™ là một chức năng mới, tạo môi trường thưởng ngoạn tối ưu thể theo nội dung hình ảnh bạn đang xem.
Sau đó nhấn nút một lần nữa để xem qua các chế độ tạo cấu hình được cài sẵn.
(Entertain → Internet → Text → Custom)

13) AUTO

Điều chỉnh hiển thị màn hình tự động.(PC)

14) PRE-CH

Nút này được sử dụng để trở về kênh trước đó ngay lập tức.
- Tính năng không có cho màn hình này.

15) ∨ CH/P ∧

Ở chế độ TV, chọn các kênh TV.
- Tính năng không có cho màn hình này.

16) SOURCE

Chuyển từ chế độ PC sang chế độ Video.
Bạn chỉ có thể đổi nguồn khi các thiết bị ngoài được kết nối với màn hình cùng lúc.

17) INFO

Thông tin hình ảnh hiện hành sẽ hiển thị ở góc trên bên trái của màn hình.

18) EXIT

Thoát khỏi màn hình menu.

19) Các nút Lên-Xuống Trái-Phải

Di chuyển ngang từ một mục menu sang một mục menu khác hay điều chỉnh các giá trị menu đã chọn.

20) S.MODE

Khi bạn nhấn nút này, chế độ hiện hành sẽ hiển thị ở giữa phía dưới của màn hình.
Màn hình có một bộ khuếch đại âm thanh nổi stereo hi-fi tích hợp.
Sau đó nhấn nút một lần nữa để xem qua các chế độ tạo cấu hình được cài sẵn.
(Standard → Music → Movie → Speech → Custom)

21) STILL

Nhấn nút một lần để làm đứng màn hình. Nhấn lần nữa để hủy bỏ lệnh làm đứng màn hình.

22) FM RADIO

Bật/Tắt FM Radio. Ở chế độ PC/DVI, chỉ cài đặt ÂM THANH sang FM Radio.
Trong các vùng có tín hiệu yếu, có thể xuất hiện nhiễu khi phát Đài FM RADIO.
Ở chế độ NGUỒN VIDEO chung, cài đặt sang FM RADIO, tắt màn hình.

- Tính năng không có cho màn hình này.

23) P.SIZE

Bạn có thể chuyển Kích thước.

24) SRS

SRS

25) I-II DUAL/MTS

DUAL-

Chế độ STEREO/MONO, DUAL l / DUAL ll và MONO/NICAM MONO/NICAM STEREO có thể hoạt động tùy theo loại truyền hình bằng cách sử dụng nút DUAL trên bộ điều khiển từ xa trong khi đang xem TV.

MTS-

Bạn có thể chọn chế độ MTS (Stereo TV Đa kênh).

	Audio Type	MTS/S_Mode	Default
FM Stereo	Mono	Mono	Manual Change
	Stereo	Mono ↔ Stereo	
	SAP	Mono ↔ SAP	Mono

- Tính năng không có cho màn hình này.

26) PIP

Nhấn nút PIP để On/Off màn hình PIP.

27) SOURCE

Chọn nguồn Video.(PIP)

28) SWAP

Hốn chuyển hình ảnh trong cửa sổ PIP và màn hình chính.
Hình ảnh trên cửa sổ PIP sẽ xuất hiện trên màn hình chính, trong khi đĩ hình ảnh trên màn hình chính sẽ được chuyển sang cửa sổ PIP.

29) SIZE

Bạn có thể chuyển Kích thước Hình ảnh.

30) ◄◄ REW

Quay lại

31) ■ STOP

Ngưng

32) ►II PLAY / PAUSE

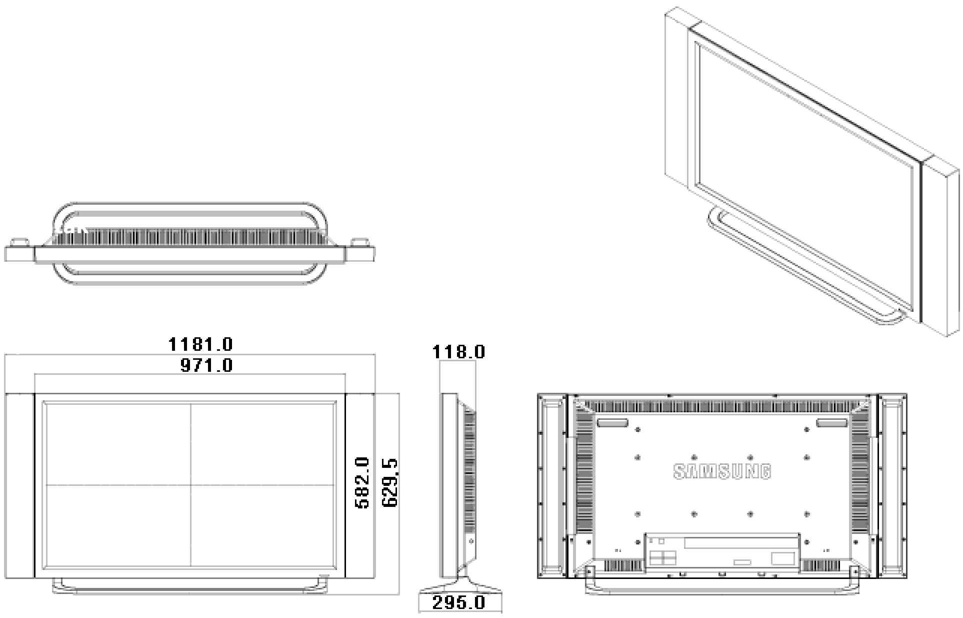
Phát / Tạm ngưng

33) ►► FF

Quay tới nhanh

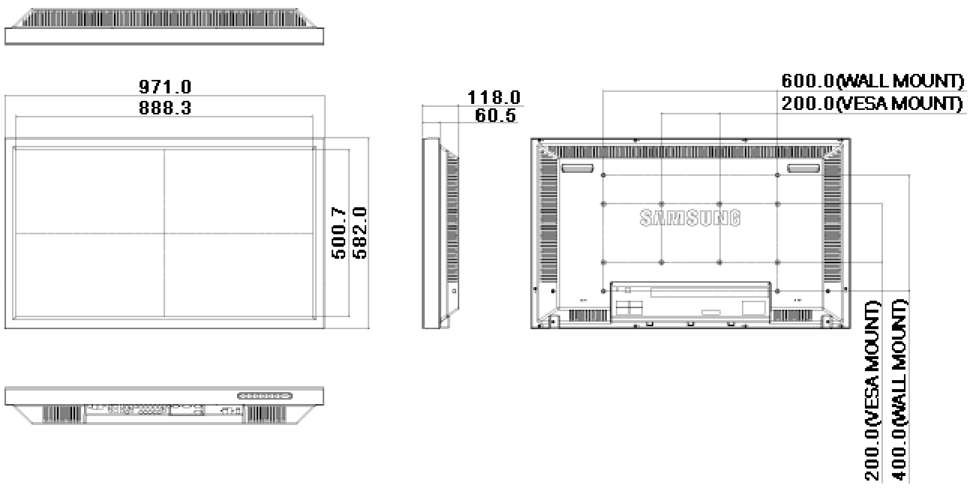
Sơ đồ trình bày cơ học | Đầu màn hình | Chân đế | Loa | Cách lắp đặt Giá đỡ VESA | Lắp đặt Giá đỡ treo tường

1. Sơ đồ trình bày cơ học



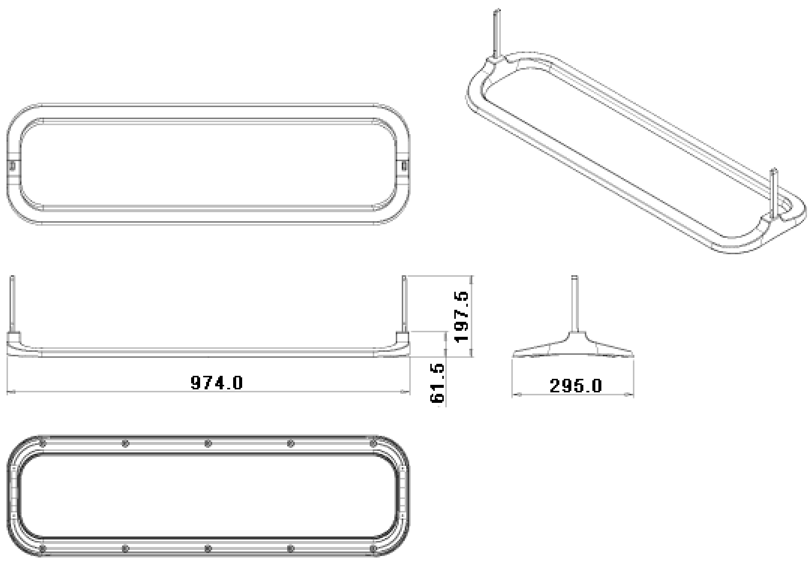
Up

2. Đầu màn hình



Up

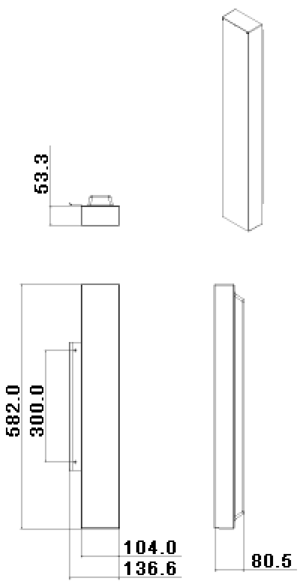
3. Chân đế



Up

---

4. Loa



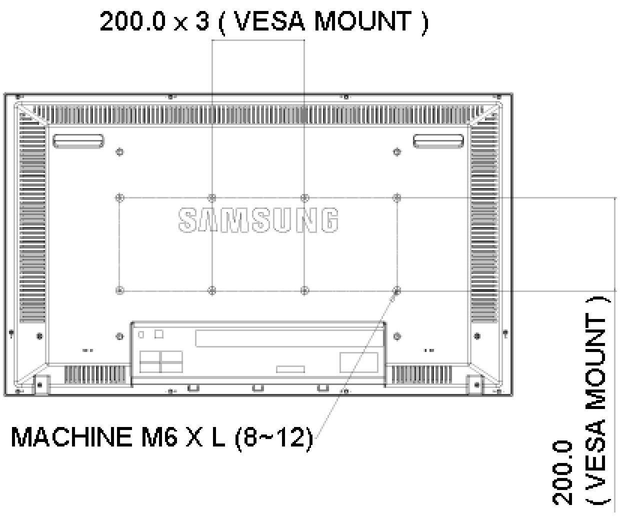
Up

---

5. Cách lắp đặt Giá đỡ VESA

- Khi cài đặt VESA, phải đảm bảo bạn tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế về VESA.
- Để mua Giá đỡ VESA và tìm Thông tin Lắp đặt: Vui lòng liên lạc với Nhà Phân phối Samsung gần nhất để đặt hàng. Sau khi bạn đã đặt hàng, các chuyên viên lắp đặt sẽ đến chỗ của bạn và tiến hành việc lắp đặt giá đỡ.
- Cần ít nhất 2 người để có thể di chuyển Màn hình LCD này.
- Hãng Samsung không có trách nhiệm đối với bất kỳ hư hỏng hoặc thương tổn nào gây ra bởi việc lắp đặt theo ý muốn của khách hàng.

Kích thước



Để gắn chặt giá đỡ vào tường, chỉ được phép dùng các vít máy có đường kính 6 mm và chiều dài từ 8 đến 12 mm.

Up

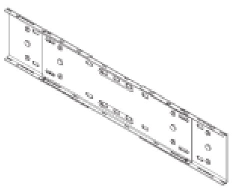
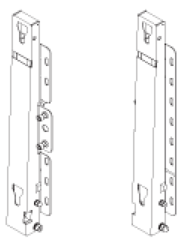
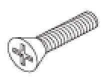
6. Lắp đặt Giá đỡ treo tường

- Liên hệ một kỹ thuật viên để hỗ trợ lắp đặt giá đỡ treo tường
- Samsung Electronics không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng nào đối với sản phẩm hoặc gây thiệt hại cho khách hàng nếu khách hàng tự thực hiện việc lắp đặt.
- Sản phẩm này dùng để lắp đặt trên tường xi măng. Nó không giữ được ổn định khi bạn lắp đặt trên tường trát vữa hay gỗ.

Các bộ phận

Chỉ dùng các thành phần và phụ kiện được bán kèm với sản phẩm.

`

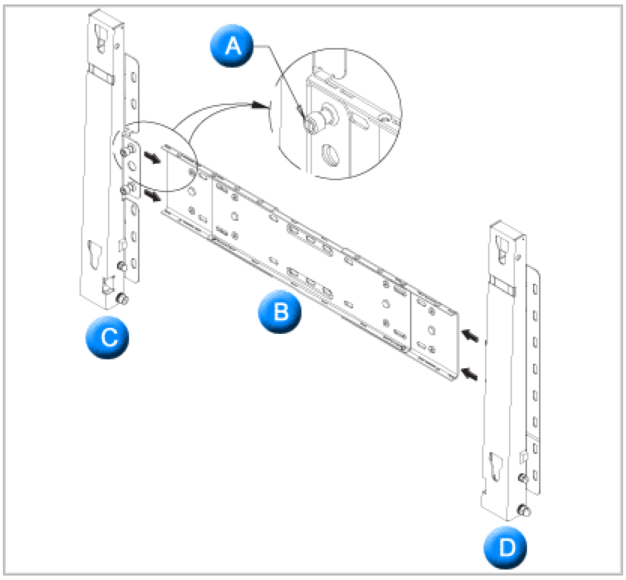
					
Giá đỡ treo tường (1)	Bản lề (Trái 1, Phải 1)	Móc nhựa (4)	Vít(**A**) (11)	Vít(**B**) (4)	Mỏ neo (11)

Lắp Giá đỡ treo tường

1

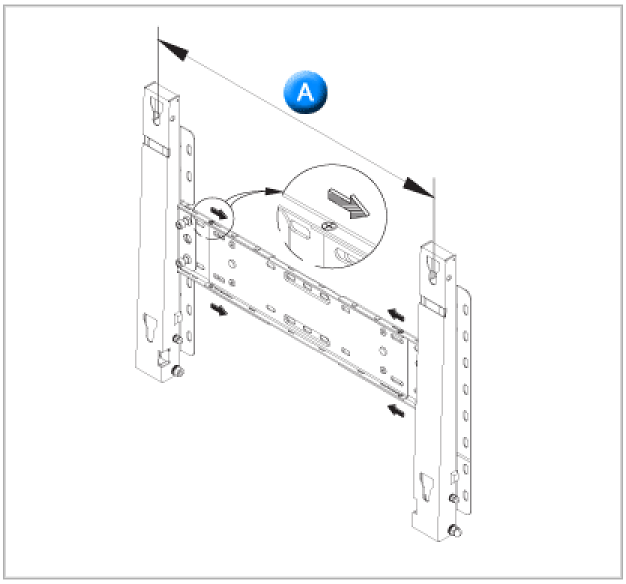
Gắn vào và siết chặt Vít giữ theo chiều của mũi tên.
Khi thực hiện xong, gắn giá đỡ lên tường.

A. Vít giữ
B. Giá đỡ treo tường
C. Bản lề (Trái)
D. Bản lề (Phải)



Có hai bản lề (trái và phải). Chú ý sử dụng bản lề phù hợp.

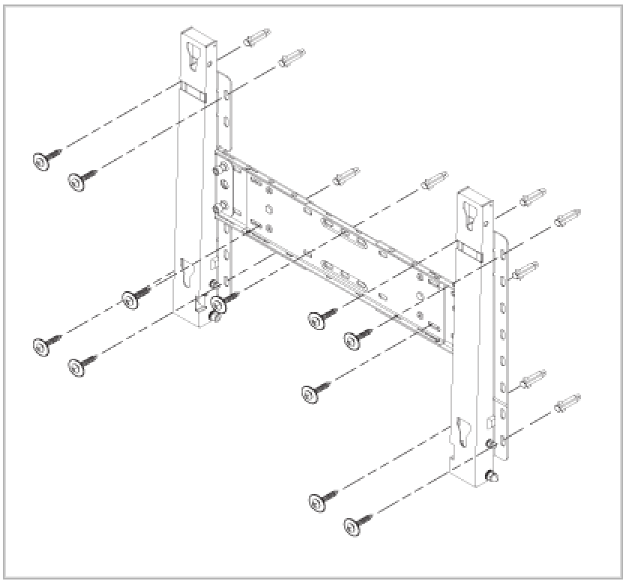
2



Trước khi khoan vào tường, kiểm tra xem chiều dài giữa hai lỗ khóa ở mặt sau của sản phẩm có đúng chưa.
Nếu chiều dài quá dài hoặc quá ngắn, thả lỏng một số hay tất cả 4 vít trên giá đỡ treo tường để điều chỉnh chiều dài.

A. Chiều dài giữa hai lỗ khóa

3

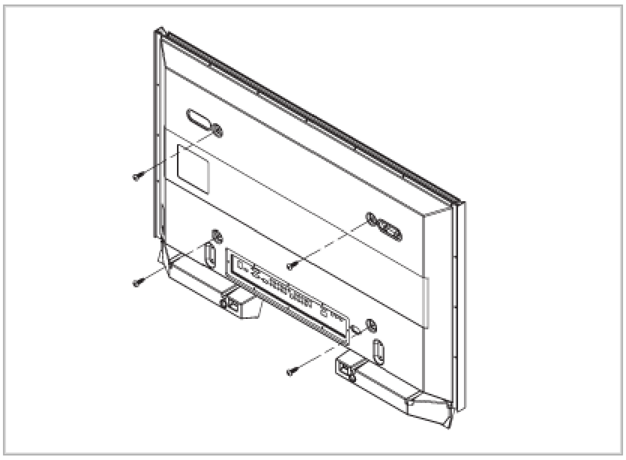


Kiểm tra sơ đồ lắp đặt và đánh dấu các điểm khoan trên tường. Dùng mũi khoan 5.0 mm để khoan các lỗ sâu hơn 35 mm. Cố định từng mỏ neo trong lỗ tương ứng.
So khớp mỗi lỗ của bản lề và giá treo với các lỗ mỏ neo tương ứng và rồi đưa vào và siết chặt 11 vít **A**.

Để gắn sản phẩm vào giá đỡ treo tường

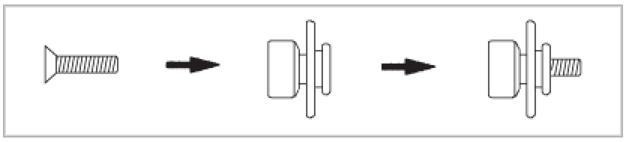
Hình dạng sản phẩm có thể thay đổi theo kiểu sản phẩm. (Thao tác lắp ráp các móc nhựa và các vít giống nhau)

1



Tháo 4 vít ở mặt sau của sản phẩm.

2

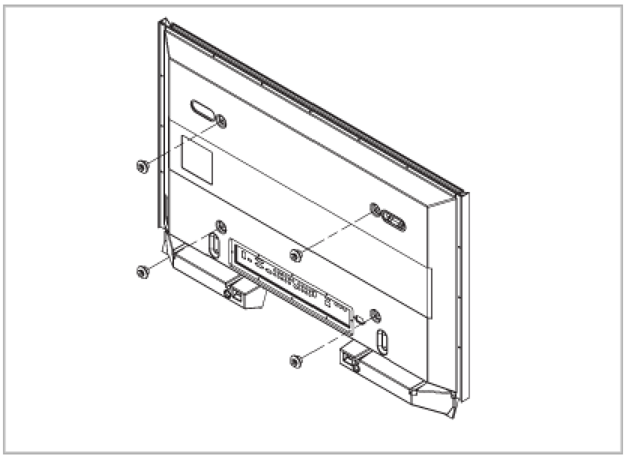


Đưa vít **B** vào trong móc nhựa.



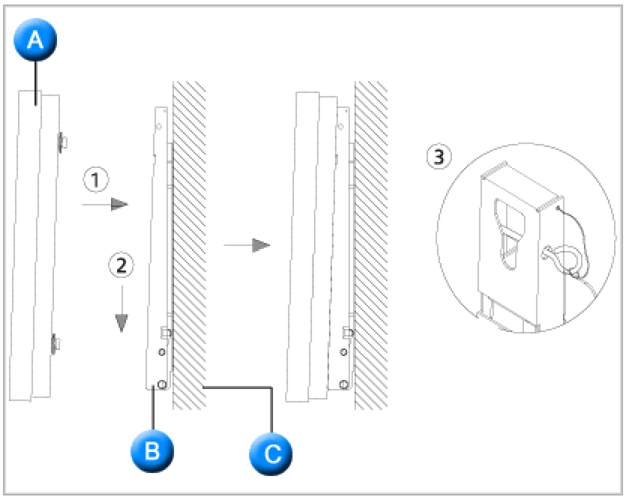
1. Gắn sản phẩm lên giá đỡ treo tường và đảm bảo nó được gắn cố định vào các móc nhựa bên trái và phải.
2. Cẩn thận khi lắp đặt sản phẩm vào giá treo vì các ngón tay có thể bị kẹt vào trong các lỗ.
3. Đảm bảo giá đỡ treo tường được gắn cố định vào tường, nếu không sản phẩm sẽ không được giữ yên sau khi lắp đặt.

3



Siết chặt 4 vít ở bước 2 (móc nhựa + vít **B**) vào các lỗ mặt trước của sản phẩm.

4

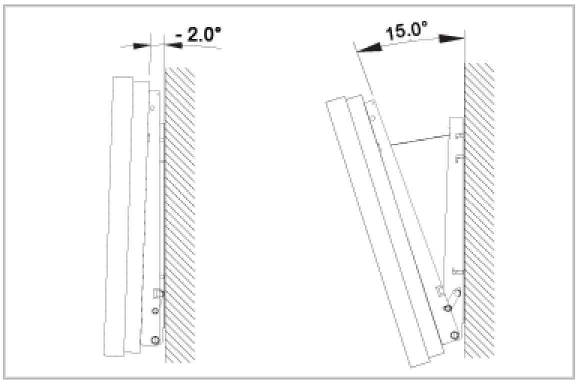


Tháo chân an toàn (**3**) và đưa 4 kẹp giữ sản phẩm vào trong các lỗ tương ứng (**1**) của giá đỡ. Sau đó, đặt sản phẩm (**2**) cố định vào giá đỡ. Đảm bảo đẩy thêm vào và siết chặt chân an toàn (**3**) để giữ chắc sản phẩm vào giá đỡ.

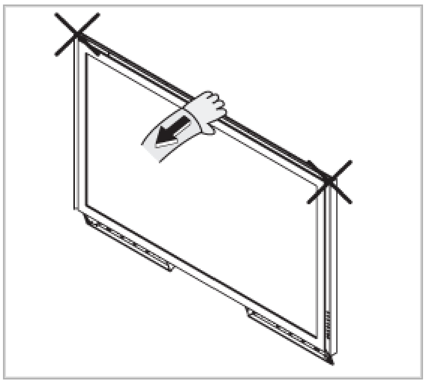
A. Màn hình
B. Giá đỡ treo tường
C. Tường

Điều chỉnh Góc của Giá đỡ treo tường

Điều chỉnh góc của giá đỡ sang -2° trước khi lắp nó vào tường.



1. Gắn sản phẩm vào giá đỡ treo tường.
2. Giữ sản phẩm ở phía trên phần trung tâm và kéo nó hướng về trước (theo chiều của mũi tên) để điều chỉnh góc.
3. Bạn có thể điều chỉnh góc của giá đỡ trong khoảng từ -2° đến 15°.

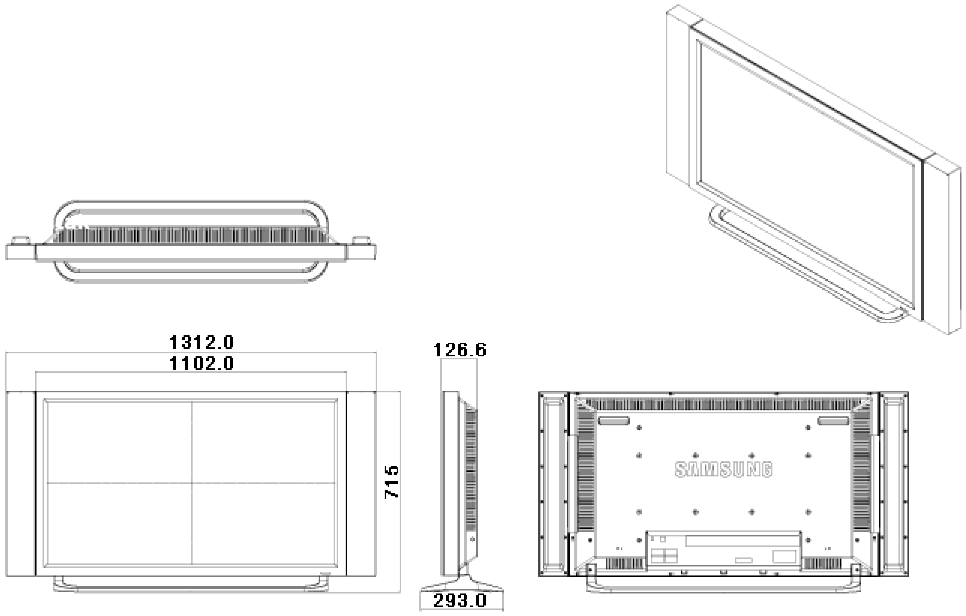


Phải chắc bạn sử dụng phần trung tâm ở phía trên, không phải là bên trái hay bên phải của sản phẩm để điều chỉnh góc.

▲ Up

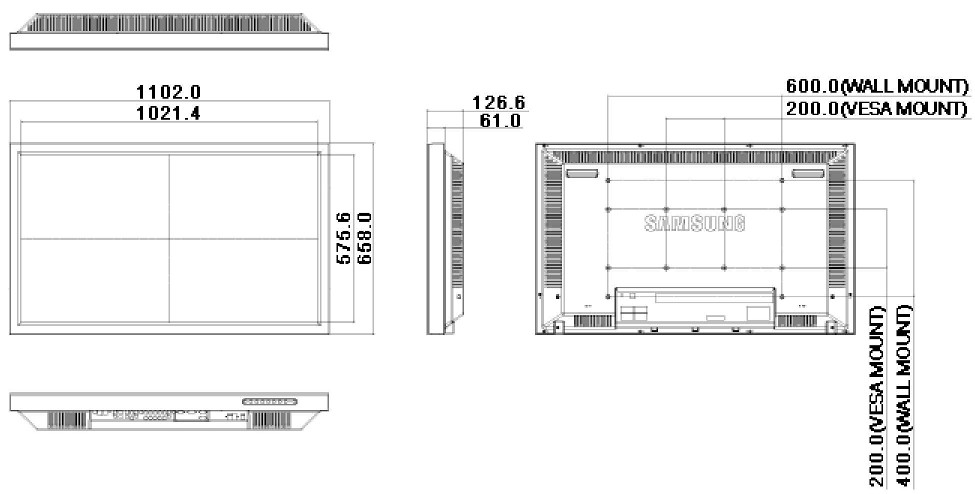
Sơ đồ trình bày cơ học | Đầu màn hình | Chân đế | Loa | Cách lắp đặt Giá đỡ VESA | Lắp đặt Giá đỡ treo tường

1. Sơ đồ trình bày cơ học



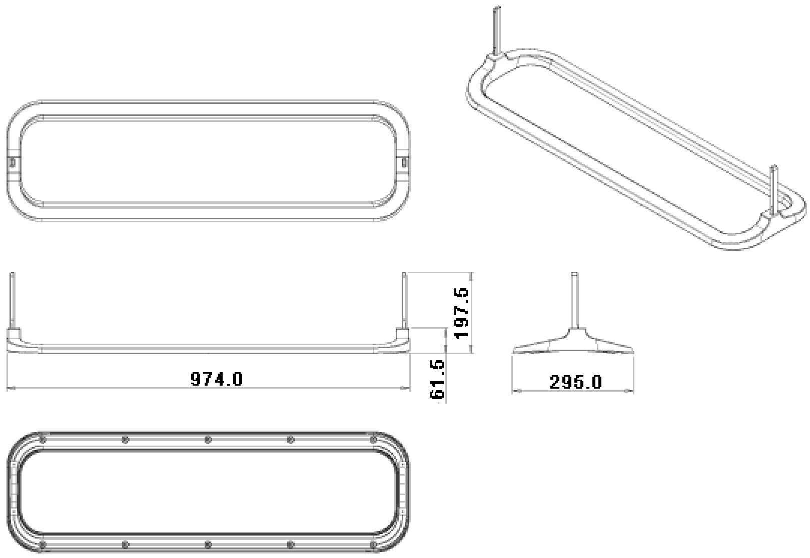
Up

2. Đầu màn hình



Up

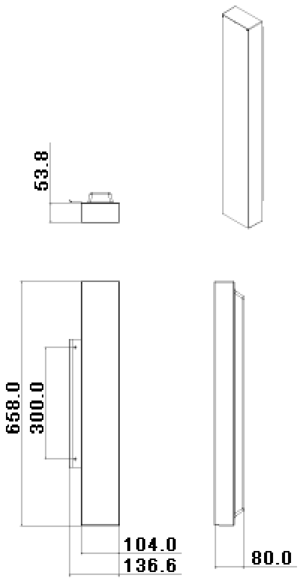
3. Chân đế



▲ Up

---

4. Loa



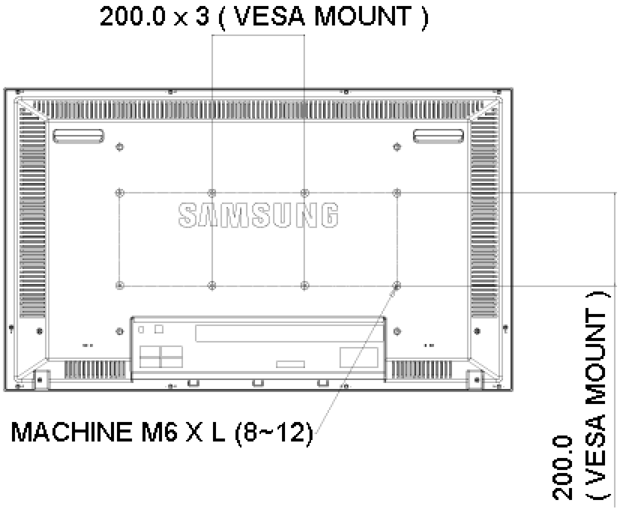
▲ Up

---

5. Cách lắp đặt Giá đỡ VESA

- Khi cài đặt VESA, phải đảm bảo bạn tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế về VESA.
- Để mua Giá đỡ VESA và tìm Thông tin Lắp đặt: Vui lòng liên lạc với Nhà Phân phối Samsung gần nhất để đặt hàng. Sau khi bạn đã đặt hàng, các chuyên viên lắp đặt sẽ đến chỗ của bạn và tiến hành việc lắp đặt giá đỡ.
- Cần ít nhất 2 người để có thể di chuyển Màn hình LCD này.
- Hãng Samsung không có trách nhiệm đối với bất kỳ hư hỏng hoặc thương tổn nào gây ra bởi việc lắp đặt theo ý muốn của khách hàng.

Kích thước



Để gắn chặt giá đỡ vào tường, chỉ được phép dùng các vít máy có đường kính 6 mm và chiều dài từ 8 đến 12 mm.

▲Up

---

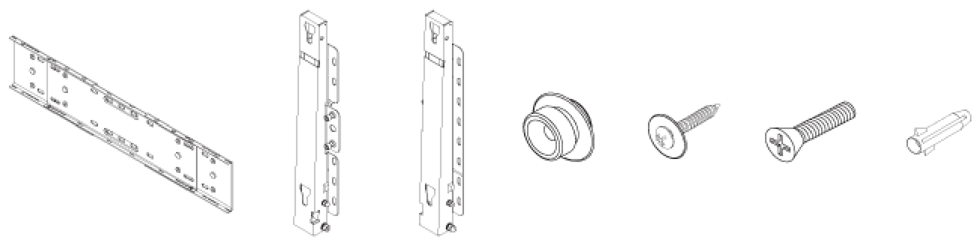
6. Lắp đặt Giá đỡ treo tường

- Liên hệ một kỹ thuật viên để hỗ trợ lắp đặt giá đỡ treo tường
- Samsung Electronics không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng nào đối với sản phẩm hoặc gây thiệt hại cho khách hàng nếu khách hàng tự thực hiện việc lắp đặt.
- Sản phẩm này dùng để lắp đặt trên tường xi măng. Nó không giữ được ổn định khi bạn lắp đặt trên tường trát vữa hay gỗ.

Các bộ phận

Chỉ dùng các thành phần và phụ kiện được bán kèm với sản phẩm.

`



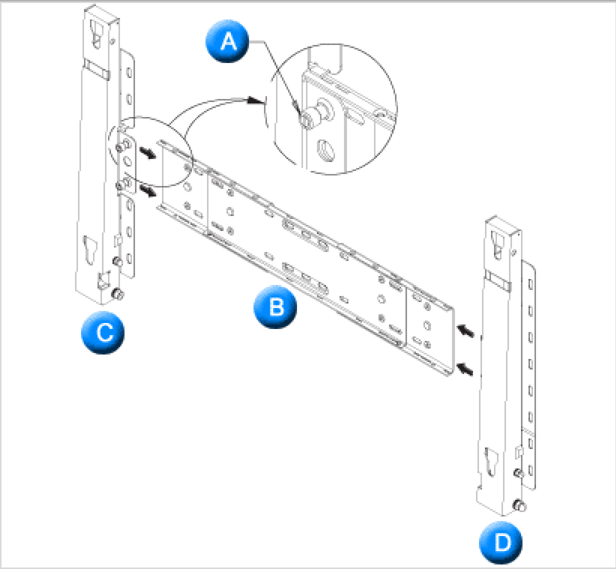
Giá đỡ treo tường (1)	Bản lề (Trái 1, Phải 1)	Móc nhựa (4)	Vít(**A**) (11)	Vít(**B**) (4)	Mỏ neo (11)

Lắp Giá đỡ treo tường

1

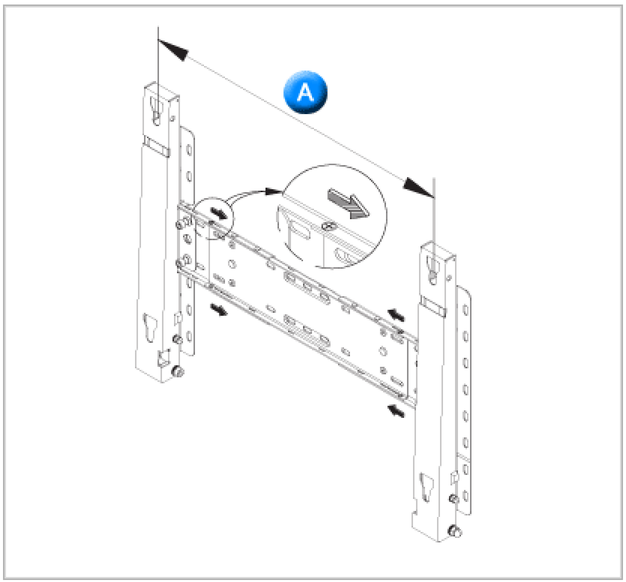
Gắn vào và siết chặt Vít giữ theo chiều của mũi tên.
Khi thực hiện xong, gắn giá đỡ lên tường.

A. Vít giữ
B. Giá đỡ treo tường
C. Bản lề (Trái)
D. Bản lề (Phải)



Có hai bản lề (trái và phải). Chú ý sử dụng bản lề phù hợp.

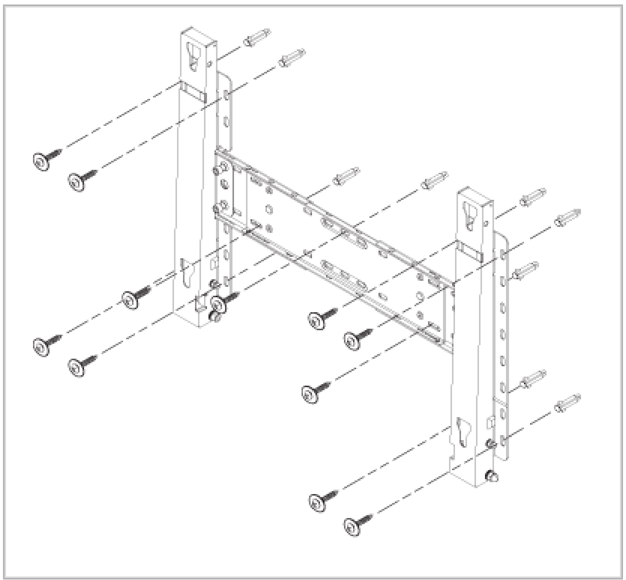
2



Trước khi khoan vào tường, kiểm tra xem chiều dài giữa hai lỗ khóa ở mặt sau của sản phẩm có đúng chưa.
Nếu chiều dài quá dài hoặc quá ngắn, thả lỏng một số hay tất cả 4 vít trên giá đỡ treo tường để điều chỉnh chiều dài.

A. Chiều dài giữa hai lỗ khóa

3

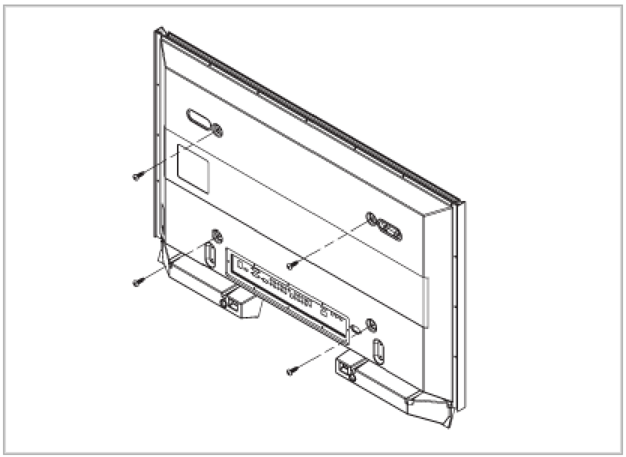


Kiểm tra sơ đồ lắp đặt và đánh dấu các điểm khoan trên tường. Dùng mũi khoan 5.0 mm để khoan các lỗ sâu hơn 35 mm. Cố định từng mỏ neo trong lỗ tương ứng.
So khớp mỗi lỗ của bản lề và giá treo với các lỗ mỏ neo tương ứng và rồi đưa vào và siết chặt 11 vít **A**.

Để gắn sản phẩm vào giá đỡ treo tường

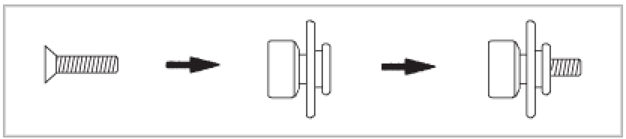
Hình dạng sản phẩm có thể thay đổi theo kiểu sản phẩm. (Thao tác lắp ráp các móc nhựa và các vít giống nhau)

1



Tháo 4 vít ở mặt sau của sản phẩm.

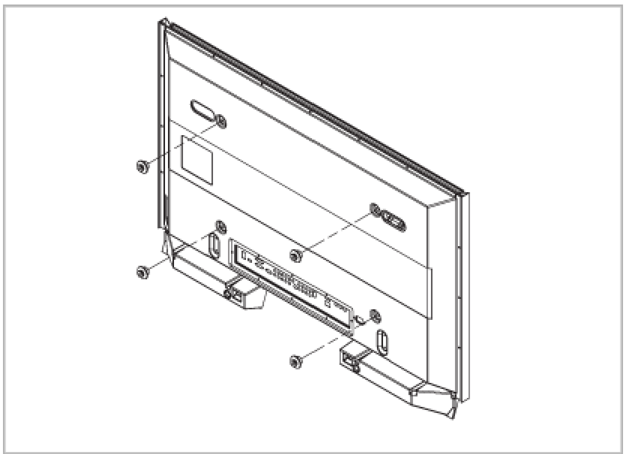
2



Đưa vít **B** vào trong móc nhựa.

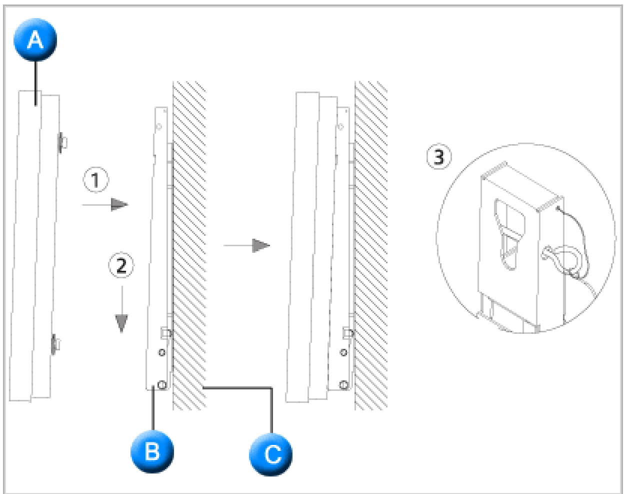
1. Gắn sản phẩm lên giá đỡ treo tường và đảm bảo nó được gắn cố định vào các móc nhựa bên trái và phải.
2. Cẩn thận khi lắp đặt sản phẩm vào giá treo vì các ngón tay có thể bị kẹt vào trong các lỗ.
3. Đảm bảo giá đỡ treo tường được gắn cố định vào tường, nếu không sản phẩm sẽ không được giữ yên sau khi lắp đặt.

3



Siết chặt 4 vít ở bước 2 (móc nhựa + vít **B**) vào các lỗ mặt trước của sản phẩm.

4

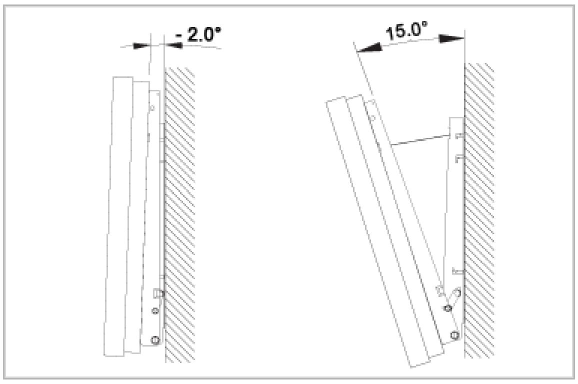


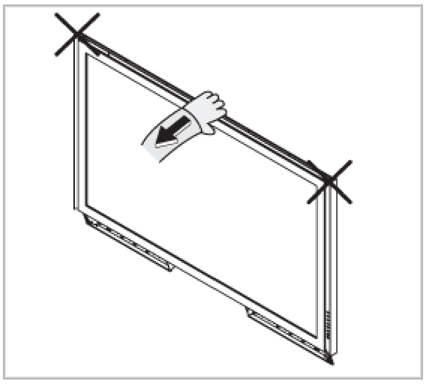
Tháo chân an toàn (**3**) và đưa 4 kẹp giữ sản phẩm vào trong các lỗ tương ứng (**1**) của giá đỡ. Sau đó, đặt sản phẩm (**2**) cố định vào giá đỡ. Đảm bảo đẩy thêm vào và siết chặt chân an toàn (**3**) để giữ chắc sản phẩm vào giá đỡ.

A. Màn hình
B. Giá đỡ treo tường
C. Tường

Điều chỉnh Góc của Giá đỡ treo tường

Điều chỉnh góc của giá đỡ sang -2° trước khi lắp nó vào tường.





1. Gắn sản phẩm vào giá đỡ treo tường.
2. Giữ sản phẩm ở phía trên phần trung tâm và kéo nó hướng về trước (theo chiều của mũi tên) để điều chỉnh góc.
3. Bạn có thể điều chỉnh góc của giá đỡ trong khoảng từ -2° đến 15°.

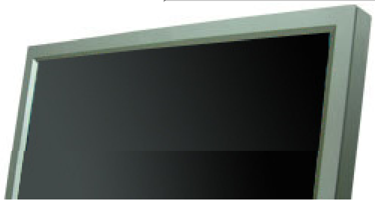
Phải chắc bạn sử dụng phần trung tâm ở phía trên, không phải là bên trái hay bên phải của sản phẩm để điều chỉnh góc.

▲ Up

Hướng dẫn sử dụng An tồn
Giới thiệu
Kết nối
Lắp đặt Bộ Chân đế
Kết nối với Màn hình
Sử dụng Phần mềm
Điều chỉnh Màn hình
Giải quyết sự cố
Đặc tính kỹ thuật
Thơng tin
Phụ lục

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Keát noái

Lắp đặt Bộ Chân đế

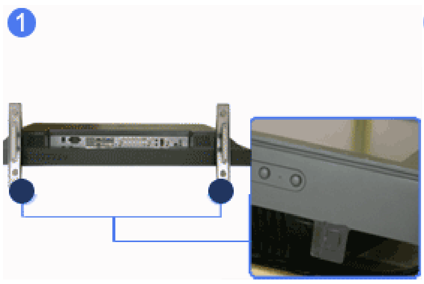
☑ Lưu ý

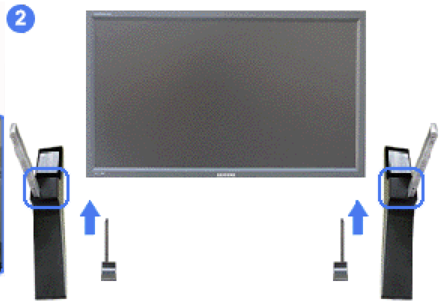
- Chỉ nên sử dụng các chốt giữ được kèm theo.

Löu yù

Samsung Electronics sẽ không chịu trách nhiệm đối với những hư hỏng xảy ra do sử dụng giá đỡ không đúng chỉ định.

Lắp đặt Chân đế Tạm





Chân đế bên trái   **Chân đế bên phải**

Löu yù

Đặt nhãn "CAUTION" ở phía sau.



1) Một "Nắp bảo vệ" được dùng để bảo vệ lỗ trống dưới đáy màn hình, nơi chân đế được cài vào. Chú ý, tháo "Nắp bảo vệ" khi lắp đặt chân đế tạm hoặc bộ chân đế đầy đủ (bán riêng), sau đó dùng " Nắp bảo vệ" để che lỗ này khi lắp giá treo tường.

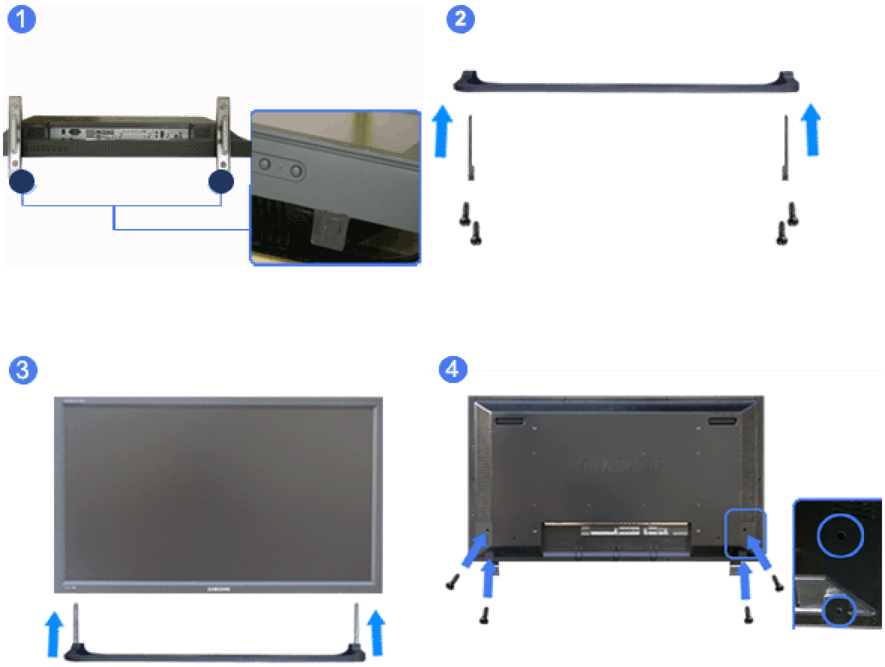
2) Tiến hành lắp đặt chân đế trái và chân đế phải theo thứ tự tương ứng.

3) Gài chân đế vào lỗ chỉ định nằm ở dưới đáy màn hình.
Sau đó bắt vít vào lỗ và vặn chặt. (M4 × L15)

Löu yù

TGiá đỡ này được thiết kế chủ yếu cho việc điều chỉnh góc của màn hình. Và công ty không chịu trách nhiệm về bất kỳ vấn đề gì gây ra bởi việc sử dụng giá đỡ này. Không bao giờ sử dụng sản phẩm như là giá đỡù.

Lắp đặt Bộ Chân đế (được bán riêng)



1) Một "Nắp bảo vệ" được dùng để bảo vệ lỗ trống dưới đáy màn hình, nơi chân đế được cài vào. Chú ý, tháo "Nắp bảo vệ" khi lắp đặt chân đế tạm hoặc bộ chân đế đầy đủ (bán riêng), sau đó dùng "Nắp bảo vệ" để che lỗ này khi lắp giá treo tường.
2) Chú ý lắp các bộ phận đúng chiều và đúng chỗ. (M4 × L15)
3) Gài chân đế vào lỗ chỉ định nằm ở dưới đáy màn hình.
4) Bắt vít vào lỗ và vặn chặt lại. (M4 × L15)

Kết nối với Màn hình

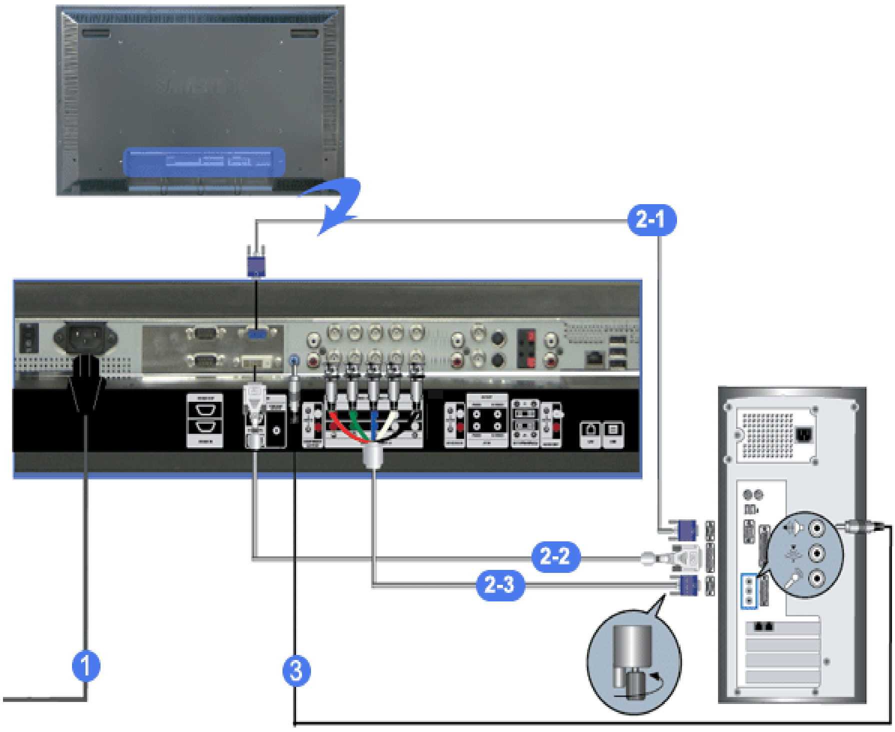
Trong tröôøng hôïp Daây ñieän nguoàn Tieáp ñaát

Neáu khoâng thöïc hieän vieäc naøy, daây tieáp ñaát coù theå gaây ñieän giaät. Haõy ñaûm baûo maéc daây tieáp ñaát ñuùng caùch, tröôùc khi caém daây ñieän vaøo oå caém ñieän. Hoaëc khi thaùo daây tieáp ñaát, haõy ñaûm baûo ñaõ thaùo daây caém ñieän ra khoûi oå caém ñieän.

☑ Lưu ý

- Các thiết bị đầu vào AV như Đầu đĩa DVD, VCR hoặc Máy quay phim cũng như máy vi tính đều có thể kết nối với màn hình. Để biết thêm thông tin chi tiết cách kết nối Các thiết bị đầu vào AV, xem phần Cài đặt của Người dùng trong mục Điều chỉnh Màn hình.

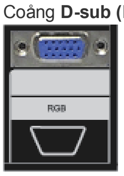
Kết nối với Máy tính



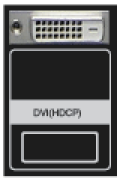
1) Gắn dây nguồn của màn hình vào cổng nguồn ở mặt sau của màn hình. Bật công tắc nguồn.

2) Có 3 cách nối cáp tín hiệu. Hãy chọn một trong các cách sau:

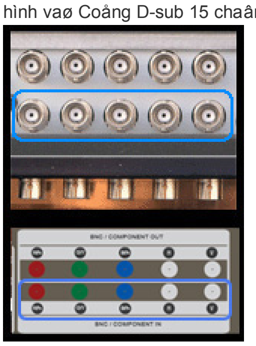
2-1) Dùng đầu nối D-sub (Tín hiệu Tương tự) trên card màn hình.
Keát noái caùp D-sub vaøo coång **RGB (RGB)** 15 chaân ôû maët sau cuûa maøn hình vaø Coång **D-sub (D-sub)** 15 chaân treân maùy tính.



2-2) Dùng đầu nối DVI (Tín hiệu số) trên card màn hình.
Keát noái caùp DVI vaøo coång **DVI(HDCP) (DVI(HDCP))** ôû maët sau cuûa maøn hình vaø coång **DVI (DVI)** treân maùy tính.



2-3) Keát noái Caùp BNC vaøo coång **BNC/COMPONENT IN - R, G, B, H, V** ôû maët sau cuûa Maøn hình vaø Coång D-sub 15 chaân treân maùy tính.



3) Kết nối cáp âm thanh vào cổng âm thanh ở mặt sau màn hình máy vi tính.

4) Bật công tắc nguồn trên cả máy tính và màn hình.

☑ Lưu ý

- Cáp DVI hoặc BNC là phần tùy chọn.
  Liên hệ với trung tâm dịch vụ Samsung Electronics tại địa phương để đặt mua các phần tùy chọn.

Kết nối vào Đầu đĩa DVD Kỹ thuật số



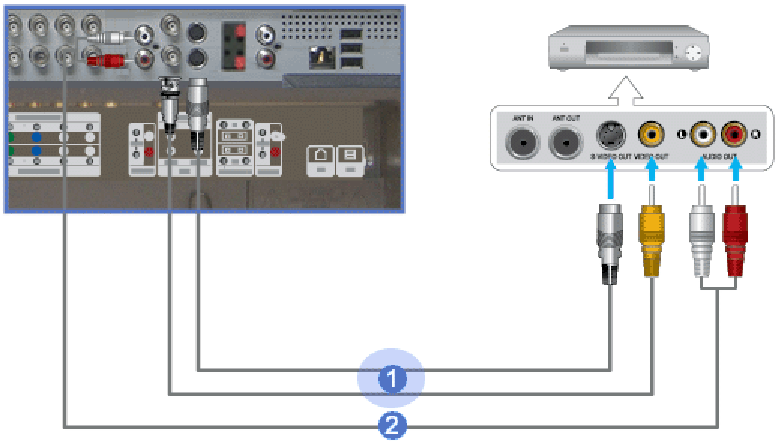
☑ Lưu ý

- Các thiết bị đầu vào như đầu phát DVD kỹ thuật số có thể nối vào cổng nhận tín hiệu **DVI IN** của màn hình bằng cáp DVI.
- Sau đó, bật Đầu đĩa DVD và đưa đĩa vào để bắt đầu phát.
- Chọn **Digital** bằng nút **SOURCE.**

☑ Lưu ý

- Màn hình được trang bị cổng nhận tín hiệu **DVI IN** để kết nối các thiết bị đầu vào DVI như đầu phát DVD kỹ thuật số.

Kết nối với Đầu máy VCR

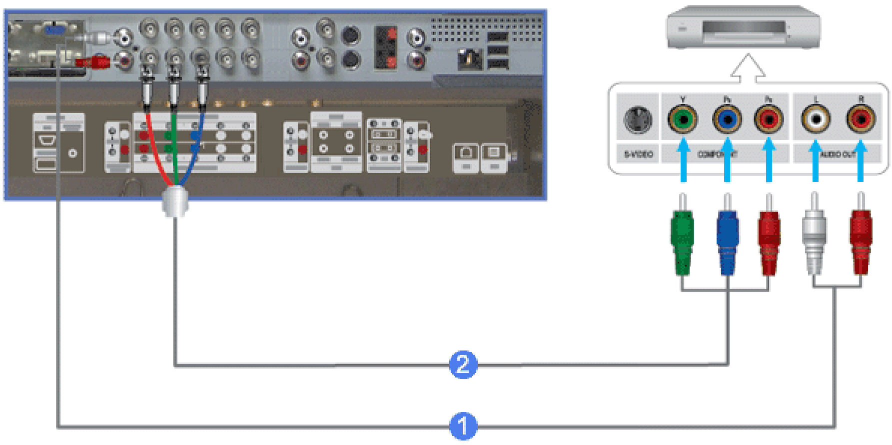


1) Các thiết bị có ngõ vào AV như VCR hay Máy quay phim được nối qua **AV IN [VIDEO]** hoặc **AV IN [S-VIDEO]** của màn hình bằng cách sử dụng cáp S-VHS hoặc BNC.
2) Duøng caùp aâm thanh ñeå keát noái coång **Audio (L) (AÂm thanh (L))** vaø coång **Audio (R) (AÂm thanh (R))** cuûa maùy VCR hoaëc Camcorder vaøo coång **AV AUDIO IN [L-AUDIO-R] (AÂM THANH VAØO AV [L-AUDIO-R])**.
3) Chọn tín hiệu **AV** hoặc **S-VIdeo** được phát từ Đầu máy VCR hoặc Máy quay phim bằng phím Nguồn trên mặt trước của màn hình hay trên bộ điều khiển từ xa.
4) Sau đó, bật Đầu máy VCR hoặc Máy quay phim và đưa băng vào để bắt đầu xem.

☑ Lưu ý

- Cáp S-VHS hoặc BNC là các phần tùy chọn.

Kết nối với Đầu đĩa DVD



1) Kết nối bộ cáp âm thanh giữa **COMPONENT AUDIO IN [L-AUDIO-R]** của Màn hình với các đầu cắm XUẤT ÂM (AUDIO OUT) của Đầu đĩa DVD.

2) Kết nối cáp Component giữa **BNC/COMPONENT IN - PR, Y, PB** của màn hình với các đầu cắm PR, Y, PB trên Đầu đĩa DVD.

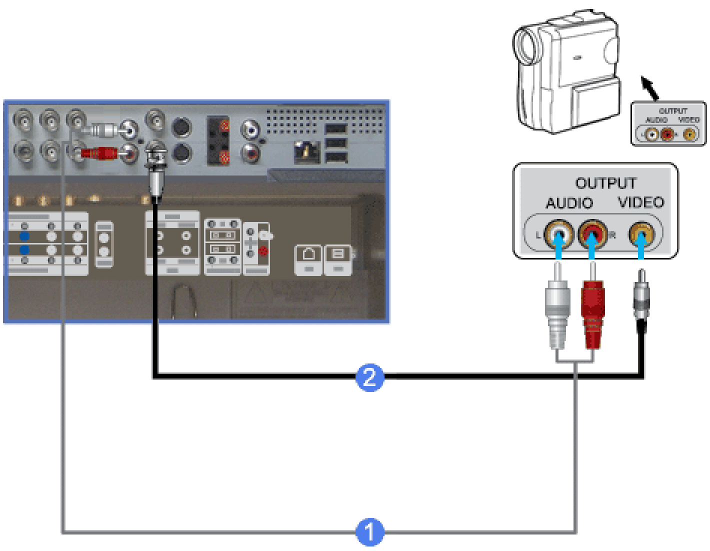
3) Chọn tín hiệu **Component** được phát từ Đầu đĩa DVD bằng phím Nguồn trên mặt trước của màn hình hay trên bộ điều khiển từ xa.

4) Sau đó, bật Đầu đĩa DVD và đưa đĩa vào để bắt đầu phát.

☑ Lưu ý

- Cáp Component là phần tùy chọn.
  Để biết thêm thông tin giải thích về Tổ hợp video, vui lòng xem trên tài liệu hướng dẫn sử dụng Đầu đĩa DVD.

Kết nối với Máy quay phim



1) Định vị các đầu ra A/V trên Máy quay phim. Thông thường, các đầu ra này nằm ở bên cạnh hay mặt sau của Máy quay phim.
Kết nối bộ cáp âm thanh giữa các đầu XUẤT ÂM (AUDIO OUTPUT) trên Máy quay phim với **AV AUDIO IN [L-AUDIO-R]** trên Màn hình.

2) Kết nối cáp hình giữa đầu XUẤT **VIDEO (VIDEO OUTPUT)** trên máy quay phim với **AV IN [VIDEO]** trên Màn hình.

3) Chọn tín hiệu **AV** được phát từ Máy quay bằng phím Nguồn trên mặt trước của màn hình hay trên bộ điều khiển từ xa.

4) Sau đó, bật Máy quay phim và đưa băng vào để bắt đầu xem.

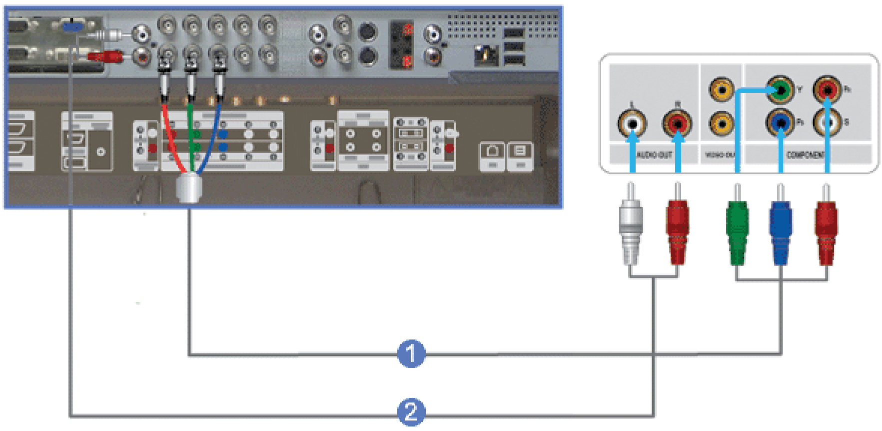
☑ Lưu ý

- Các bộ cáp âm thanh – hình đề cập ở đây thường được bán kèm với Máy quay phim.
  (Nếu không, bạn có thể tìm mua ở các cửa hàng điện tử tại địa phương).
  Nếu máy quay phim hỗ trợ âm thanh nổi, bạn cần phải sử dụng bộ cáp đôi.

Kết nối với Thiết bị Giải mã Truyền hình Kỹ thuật số (DTV Set Top Box)

☑ Lưu ý

- Sơ đồ kết nối dành cho thiết bị giải mã điển hình được trình bày như dưới đây.



1) Dùng cáp BNC kết nối giữa **BNC / COMPONENT IN - PR, Y, PB** của Màn hình với các đầu cắm PR, Y, PB của Thiết bị Giải mã.

2) Kết nối bộ cáp âm thanh giữa **COMPONENT AUDIO IN [L-AUDIO-R]** của Màn hình với đầu XUẤT ÂM (AUDIO OUT) của Thiết bị Giải mã.

3) Chọn tín hiệu **Component** được phát từ Thiết bị Giải mã Truyền hình Kỹ thuật số (DTV Set Top Box) bằng phím Nguồn trên mặt trước của màn hình hay trên bộ điều khiển từ xa.

☑ Lưu ý

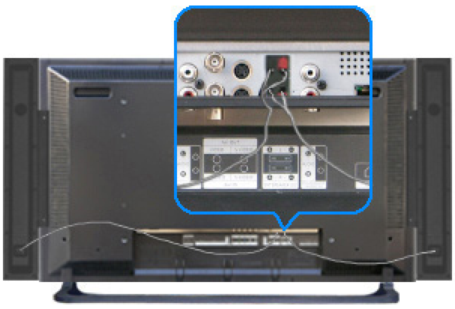
- Để biết thêm thông tin giải thích về Tổ hợp video, xem tài liệu hướng dẫn sử dụng Thiết bị Giải mã.

Kết nối với hệ thống Loa



1) Gắn chặt BỘ ĐỠ (SET) và loa vào màn hình bằng các vít.

* Lắp đặt hệ thống loa không dùng giá đỡ.

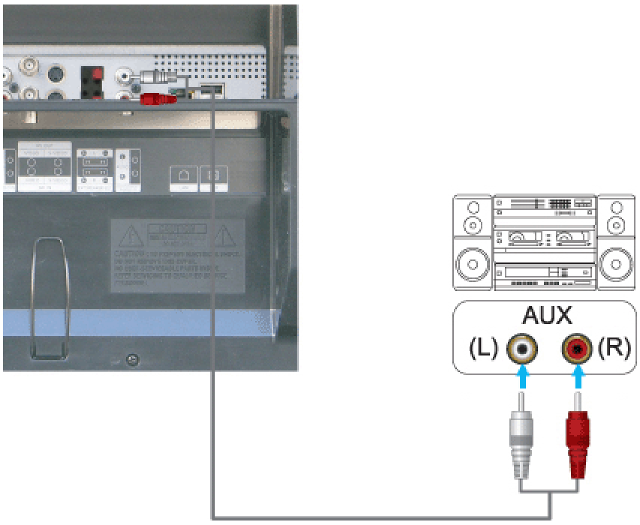


2) Kết nối dây loa giữa đầu kết nối ở cạnh bên của BỘ ĐỠ (SET) với đầu kết nối ở cạnh bên của loa.

☑ Lưu ý

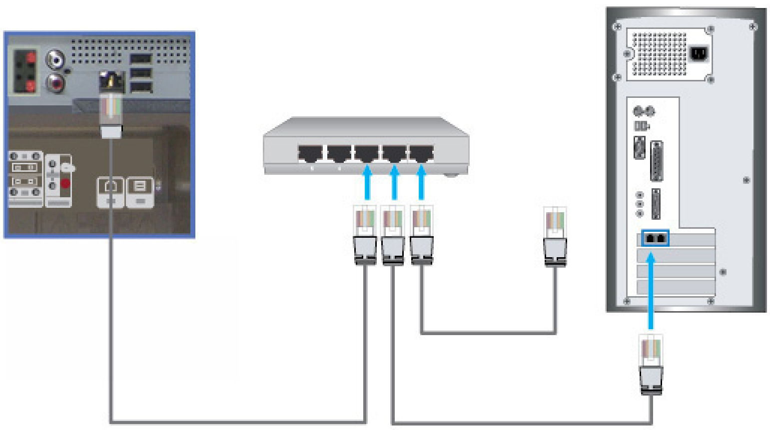
- Không nên di chuyển BỘ ĐỠ (SET) loa khi đang được kết nối với loa.
  Điều này có thể gây hư hỏng giá đỡ loa.

Kết nối với Hệ thống Âm thanh (Audio System)



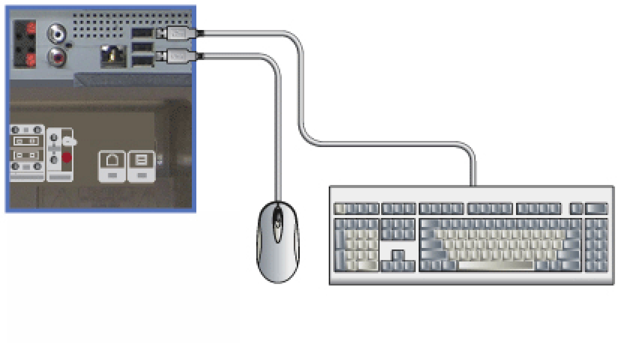
1) Kết nối bộ cáp âm thanh giữa các đầu AUX L, R trên HỆ THỐNG ÂM THANH (AUDIO SYSTEM) và các **MONITOR OUT [L-AUDIO-R]** của Màn hình.

Nối Cáp mạng LAN



1) Nối cáp mạng LAN.

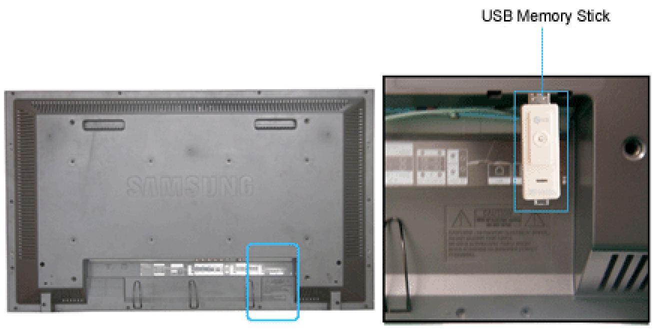
Nối với USB

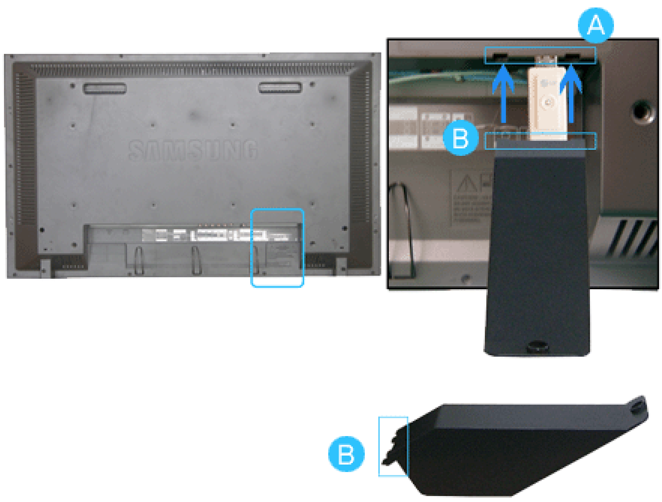


1) Bạn có thể kết nối với các thiết bị USB như chuột hoặc bàn phím.

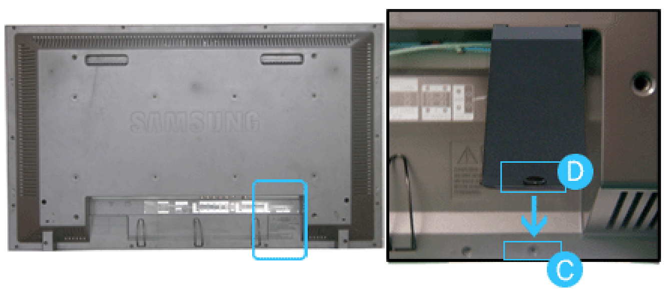
Dùng Ngăn chứa thiết bị USB

Khi dùng các thiết bị ngoại vi cỡ nhỏ như đĩa cứng di động và nối thiết bị này vào cổng USB ở phía sau màn hình, thiết bị sẽ có nguy cơ bị mất trộm. Khi lắp đặt Ngăn chứa thiết bị USB sau khi lắp đặt thiết bị ngoại vi, bạn có thể giúp tránh việc bị mất trộm hoặc thất lạc thiết bị này.

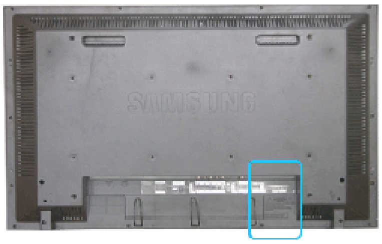
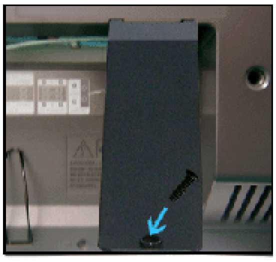




1) Lắp phần B của ngăn chứa thiết bị USB vào rãnh của phần A ở mặt sau của màn hình.



2) Chỉnh phần D của ngăn chứa thiết bị USB khớp với rãnh ở phần đáy của phần C ở mặt sau của màn hình.
Chỉnh phần D của ngăn chứa thiết bị USB khớp với đáy của phần C ở mặt sau của màn hình.

3) Gắn ốc vào rãnh đã chỉnh ở bước [2] và vặn chặt ốc.
Chỉnh C và D và dùng ốc cố định chúng cho khớp nhau.



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Keát noái

Lắp đặt Bộ Chân đế

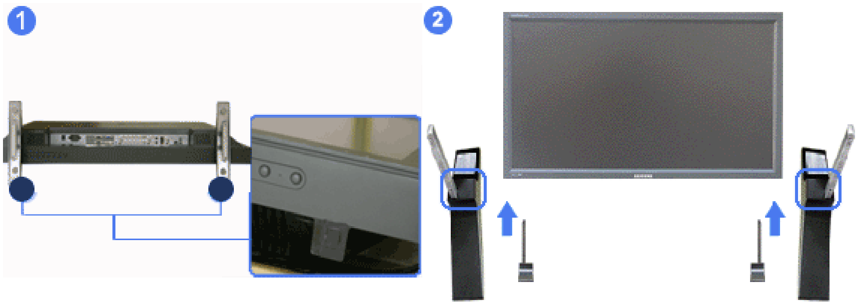
☑ Lưu ý

- Chỉ nên sử dụng các chốt giữ được kèm theo.

Löu yù

Samsung Electronics sẽ không chịu trách nhiệm đối với những hư hỏng xảy ra do sử dụng giá đỡ không đúng chỉ định.

Lắp đặt Chân đế Tạm



Löu yù

Đặt nhãn "CAUTION" ở phía sau.



1) Một "Nắp bảo vệ" được dùng để bảo vệ lỗ trống dưới đáy màn hình, nơi chân đế được cài vào. Chú ý, tháo "Nắp bảo vệ" khi lắp đặt chân đế tạm hoặc bộ chân đế đầy đủ (bán riêng), sau đó dùng " Nắp bảo vệ" để che lỗ này khi lắp giá treo tường.

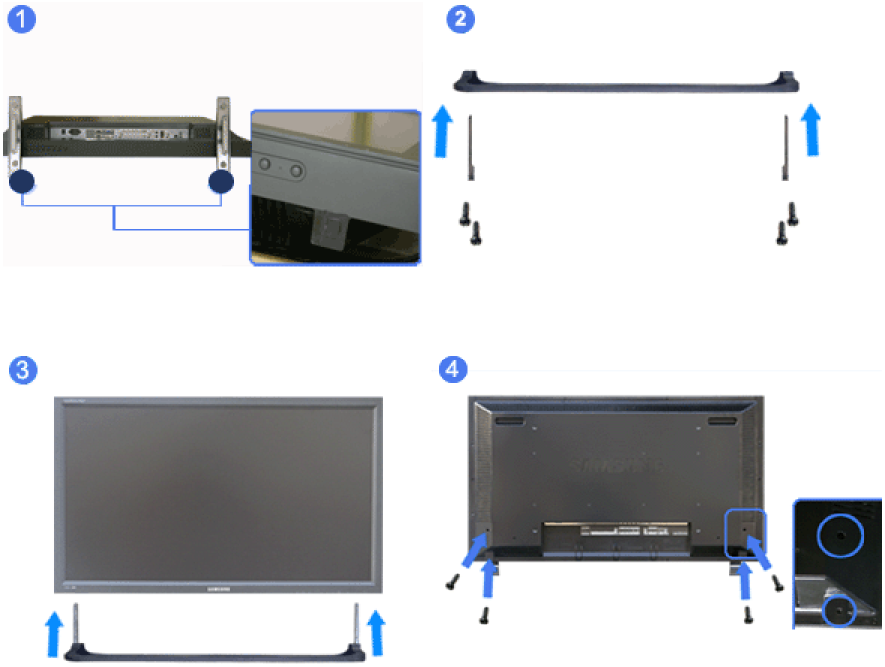
2) Tiến hành lắp đặt chân đế trái và chân đế phải theo thứ tự tương ứng.

3) Gài chân đế vào lỗ chỉ định nằm ở dưới đáy màn hình.
Sau đó bắt vít vào lỗ và vặn chặt. (M4 × L15)

Löu yù

TGiá đỡ này được thiết kế chủ yếu cho việc điều chỉnh góc của màn hình. Và công ty không chịu trách nhiệm về bất kỳ vấn đề gì gây ra bởi việc sử dụng giá đỡ này. Không bao giờ sử dụng sản phẩm như là giá đỡù.

Lắp đặt Bộ Chân đế (được bán riêng)



1) Một "Nắp bảo vệ" được dùng để bảo vệ lỗ trống dưới đáy màn hình, nơi chân đế được cài vào. Chú ý, tháo "Nắp bảo vệ" khi lắp đặt chân đế tạm hoặc bộ chân đế đầy đủ (bán riêng), sau đó dùng "Nắp bảo vệ" để che lỗ này khi lắp giá treo tường.
2) Chú ý lắp các bộ phận đúng chiều và đúng chỗ. (M4 × L15)
3) Gài chân đế vào lỗ chỉ định nằm ở dưới đáy màn hình.
4) Bắt vít vào lỗ và vặn chặt lại. (M4 × L15)

Kết nối với Màn hình

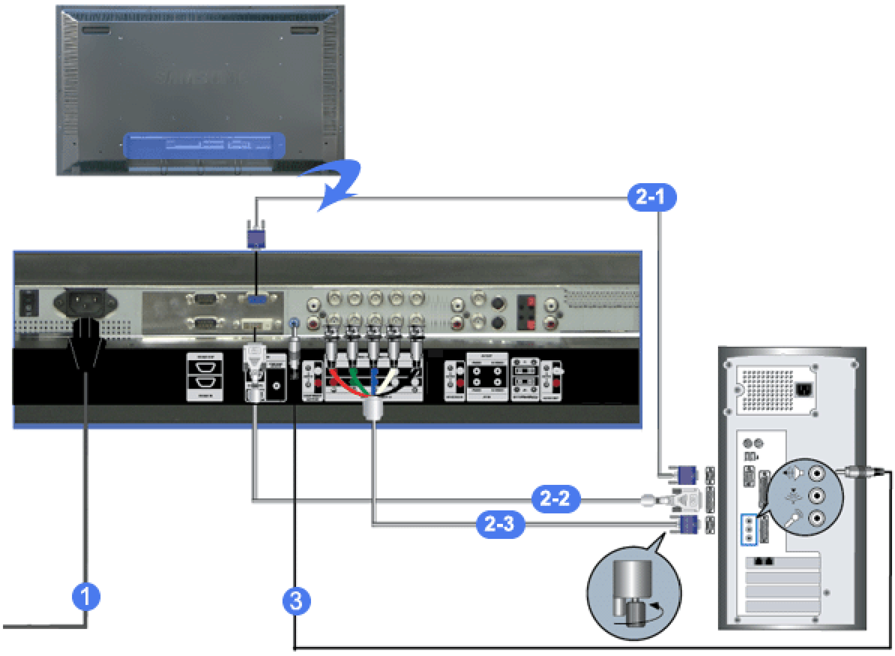
Trong tröôøng hôïp Daây ñieän nguoàn Tieáp ñaát

Neáu khoâng thöïc hieän vieäc naøy, daây tieáp ñaát coù theå gaây ñieän giaät. Haõy ñaûm baûo maéc daây tieáp ñaát ñuùng caùch, tröôùc khi caém daây ñieän vaøo oå caém ñieän. Hoaëc khi thaùo daây tieáp ñaát, haõy ñaûm baûo ñaõ thaùo daây caém ñieän ra khoûi oå caém ñieän.

☑ Lưu ý

- Các thiết bị đầu vào AV như Đầu đĩa DVD, VCR hoặc Máy quay phim cũng như máy vi tính đều có thể kết nối với màn hình. Để biết thêm thông tin chi tiết cách kết nối Các thiết bị đầu vào AV, xem phần Cài đặt của Người dùng trong mục Điều chỉnh Màn hình.

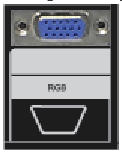
Kết nối với Máy tính



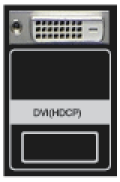
1) Gắn dây nguồn của màn hình vào cổng nguồn ở mặt sau của màn hình. Bật công tắc nguồn.

2) Có 3 cách nối cáp tín hiệu. Hãy chọn một trong các cách sau:

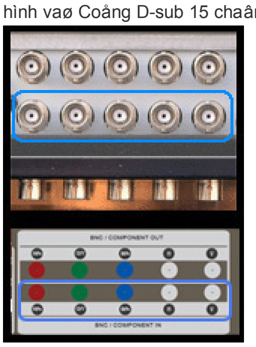
2-1) Dùng đầu nối D-sub (Tín hiệu Tương tự) trên card màn hình.
Keát noái caùp D-sub vaøo coång **RGB (RGB)** 15 chaân ôû maët sau cuûa maøn hình vaø Coång **D-sub (D-sub)** 15 chaân treân maùy tính.



2-2) Dùng đầu nối DVI (Tín hiệu số) trên card màn hình.
Keát noái caùp DVI vaøo coång **DVI(HDCP) (DVI(HDCP))** ôû maët sau cuûa maøn hình vaø coång **DVI (DVI)** treân maùy tính.



2-3) Keát noái Caùp BNC vaøo coång **BNC/COMPONENT IN - R, G, B, H, V** ôû maët sau cuûa Maøn hình vaø Coång D-sub 15 chaân treân maùy tính.



3) Kết nối cáp âm thanh vào cổng âm thanh ở mặt sau màn hình máy vi tính.

4) Bật công tắc nguồn trên cả máy tính và màn hình.

☑ Lưu ý

- Cáp DVI hoặc BNC là phần tùy chọn.
  Liên hệ với trung tâm dịch vụ Samsung Electronics tại địa phương để đặt mua các phần tùy chọn.

Kết nối vào Đầu đĩa DVD Kỹ thuật số



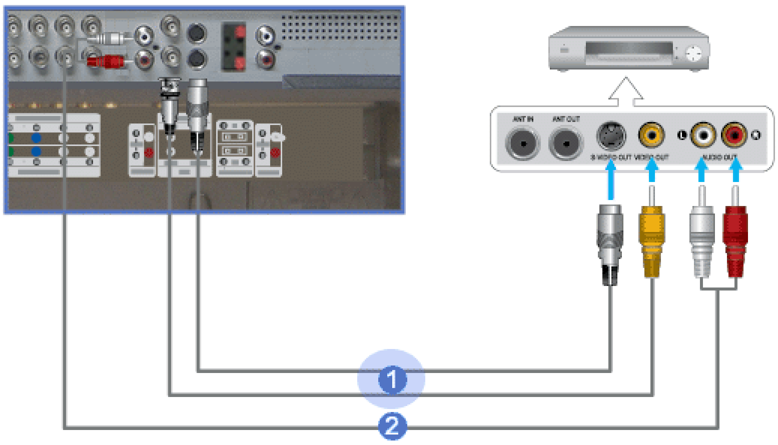
☑ Lưu ý

- Các thiết bị đầu vào như đầu phát DVD kỹ thuật số có thể nối vào cổng nhận tín hiệu **DVI IN** của màn hình bằng cáp DVI.
- Sau đó, bật Đầu đĩa DVD và đưa đĩa vào để bắt đầu phát.
- Chọn **Digital** bằng nút **SOURCE.**

☑ Lưu ý

- Màn hình được trang bị cổng nhận tín hiệu **DVI IN** để kết nối các thiết bị đầu vào DVI như đầu phát DVD kỹ thuật số.

Kết nối với Đầu máy VCR

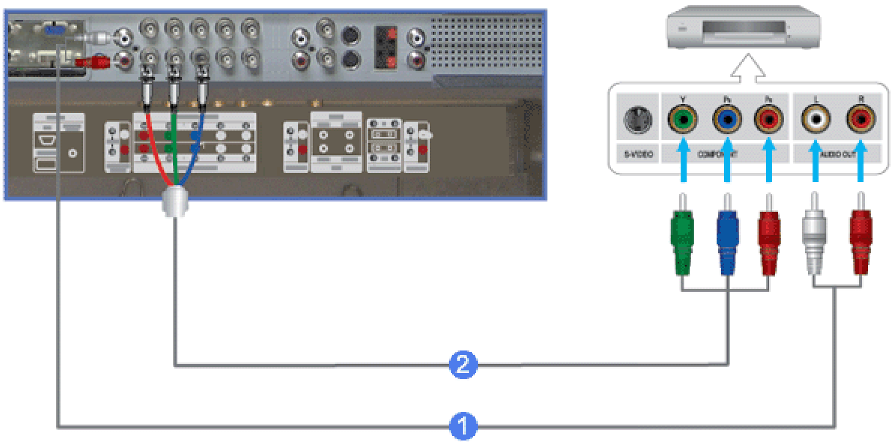


1) Các thiết bị có ngõ vào AV như VCR hay Máy quay phim được nối qua **AV IN [VIDEO]** hoặc **AV IN [S-VIDEO]** của màn hình bằng cách sử dụng cáp S-VHS hoặc BNC.
2) Duøng caùp aâm thanh ñeå keát noái coång **Audio (L) (AÂm thanh (L))** vaø coång **Audio (R) (AÂm thanh (R))** cuûa maùy VCR hoaëc Camcorder vaøo coång **AV AUDIO IN [L-AUDIO-R] (AÂM THANH VAØO AV [L-AUDIO-R])**.
3) Chọn tín hiệu **AV** hoặc **S-VIdeo** được phát từ Đầu máy VCR hoặc Máy quay phim bằng phím Nguồn trên mặt trước của màn hình hay trên bộ điều khiển từ xa.
4) Sau đó, bật Đầu máy VCR hoặc Máy quay phim và đưa băng vào để bắt đầu xem.

☑ Lưu ý

- Cáp S-VHS hoặc BNC là các phần tùy chọn.

Kết nối với Đầu đĩa DVD



1) Kết nối bộ cáp âm thanh giữa **COMPONENT AUDIO IN [L-AUDIO-R]** của Màn hình với các đầu cắm XUẤT ÂM (AUDIO OUT) của Đầu đĩa DVD.

2) Kết nối cáp Component giữa **BNC/COMPONENT IN - PR, Y, PB** của màn hình với các đầu cắm PR, Y, PB trên Đầu đĩa DVD.

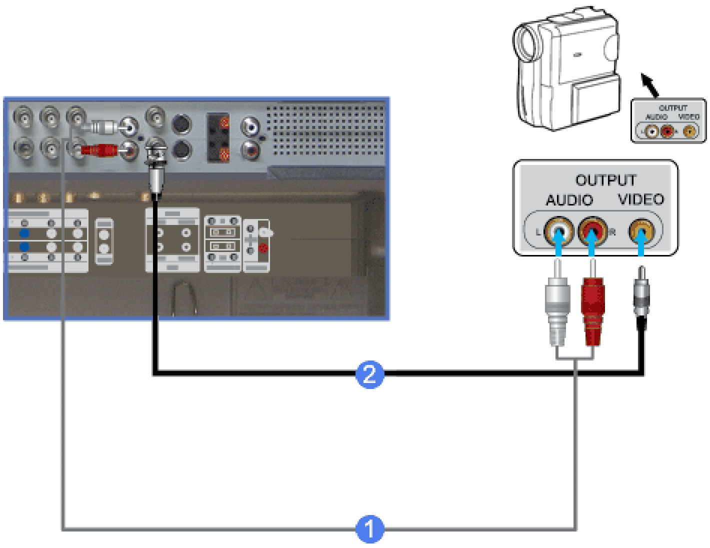
3) Chọn tín hiệu **Component** được phát từ Đầu đĩa DVD bằng phím Nguồn trên mặt trước của màn hình hay trên bộ điều khiển từ xa.

4) Sau đó, bật Đầu đĩa DVD và đưa đĩa vào để bắt đầu phát.

☑ Lưu ý

- Cáp Component là phần tùy chọn.
  Để biết thêm thông tin giải thích về Tổ hợp video, vui lòng xem trên tài liệu hướng dẫn sử dụng Đầu đĩa DVD.

Kết nối với Máy quay phim



1) Định vị các đầu ra A/V trên Máy quay phim. Thông thường, các đầu ra này nằm ở bên cạnh hay mặt sau của Máy quay phim.
   Kết nối bộ cáp âm thanh giữa các đầu XUẤT ÂM (AUDIO OUTPUT) trên Máy quay phim với **AV AUDIO IN [L-AUDIO-R]** trên Màn hình.

2) Kết nối cáp hình giữa đầu XUẤT **VIDEO (VIDEO OUTPUT)** trên máy quay phim với **AV IN [VIDEO]** trên Màn hình.

3) Chọn tín hiệu **AV** được phát từ Máy quay bằng phím Nguồn trên mặt trước của màn hình hay trên bộ điều khiển từ xa.

4) Sau đó, bật Máy quay phim và đưa băng vào để bắt đầu xem.

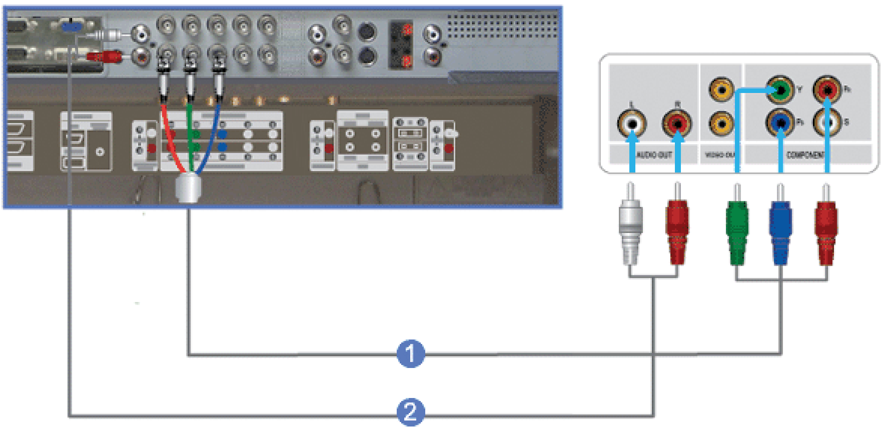
☑ Lưu ý

- Các bộ cáp âm thanh – hình đề cập ở đây thường được bán kèm với Máy quay phim.
  (Nếu không, bạn có thể tìm mua ở các cửa hàng điện tử tại địa phương).
  Nếu máy quay phim hỗ trợ âm thanh nổi, bạn cần phải sử dụng bộ cáp đôi.

Kết nối với Thiết bị Giải mã Truyền hình Kỹ thuật số (DTV Set Top Box)

☑ Lưu ý

- Sơ đồ kết nối dành cho thiết bị giải mã điển hình được trình bày như dưới đây.



1) Dùng cáp BNC kết nối giữa **BNC / COMPONENT IN - PR, Y, PB** của Màn hình với các đầu cắm PR, Y, PB của Thiết bị Giải mã.

2) Kết nối bộ cáp âm thanh giữa **COMPONENT AUDIO IN [L-AUDIO-R]** của Màn hình với đầu XUẤT ÂM (AUDIO OUT) của Thiết bị Giải mã.

3) Chọn tín hiệu **Component** được phát từ Thiết bị Giải mã Truyền hình Kỹ thuật số (DTV Set Top Box) bằng phím Nguồn trên mặt trước của màn hình hay trên bộ điều khiển từ xa.

☑ Lưu ý

- Để biết thêm thông tin giải thích về Tổ hợp video, xem tài liệu hướng dẫn sử dụng Thiết bị Giải mã.

Kết nối với hệ thống Loa



1) Gắn chặt BỘ ĐỠ (SET) và loa vào màn hình bằng các vít.

* Lắp đặt hệ thống loa không dùng giá đỡ.

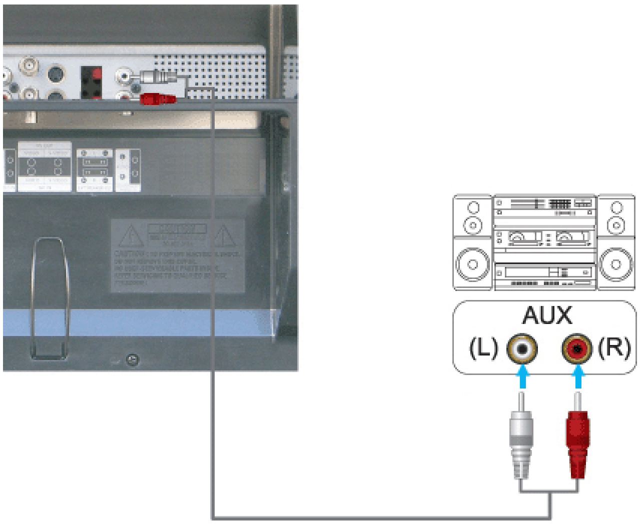


2) Kết nối dây loa giữa đầu kết nối ở cạnh bên của BỘ ĐỠ (SET) với đầu kết nối ở cạnh bên của loa.

☑ Lưu ý

- Không nên di chuyển BỘ ĐỠ (SET) loa khi đang được kết nối với loa.
  Điều này có thể gây hư hỏng giá đỡ loa.

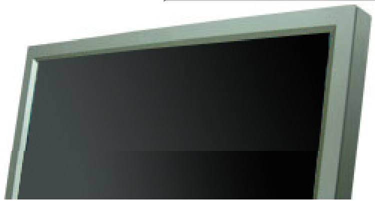
Kết nối với Hệ thống Âm thanh (Audio System)



1) Kết nối bộ cáp âm thanh giữa các đầu AUX L, R trên HỆ THỐNG ÂM THANH (AUDIO SYSTEM) và các **MONITOR OUT [L-AUDIO-R]** của Màn hình.

SyncMaster

www.samsung.com



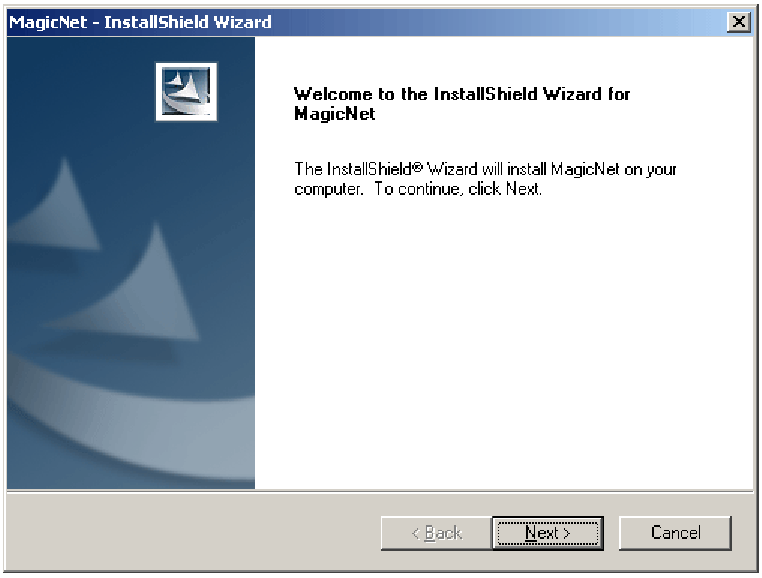
Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Sử dụng Phần mềm

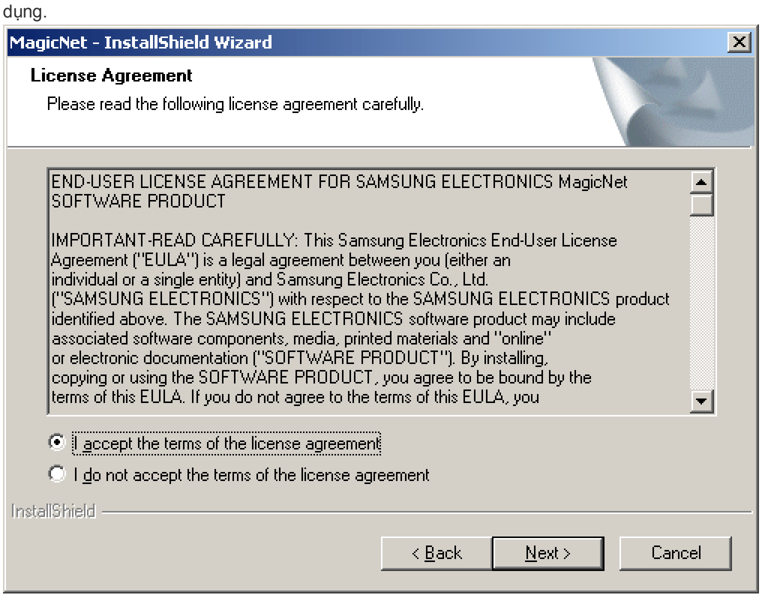
Cài đặt MagicNet

Installation

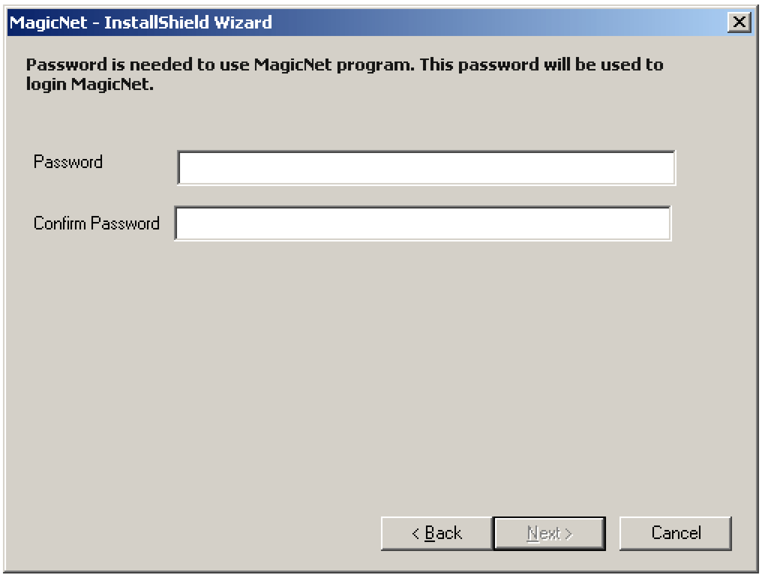
1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM
2. Nhấp vào tập tin cài đặt MagicNet.
3. Khi cửa sổ Hướng dẫn cài đặt xuất hiện, nhấp "Next" (Tiếp).



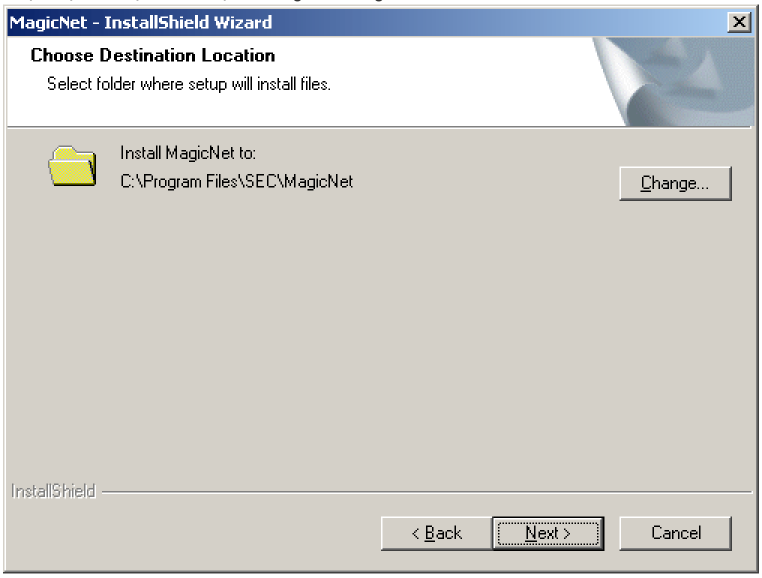
4. Chọn "Tôi đồng ý với các điều khoản trong thỏa thuận bản quyền" để chấp nhận các điều khoản sử dụng.



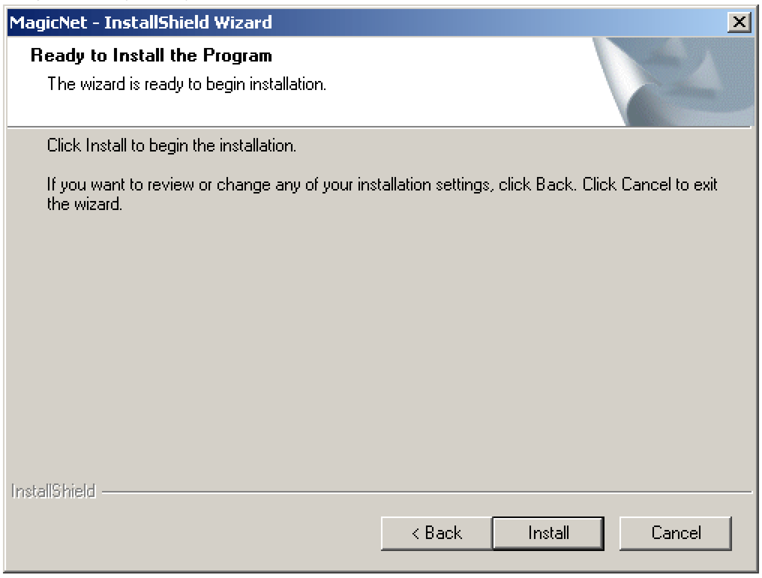
5. Bạn được yêu cầu đăng nhập vào chương trình MagicNet Server. Vui lòng nhập mật khẩu đăng nhập. Bạn không thể thay đổi mật khẩu đang đăng nhập.



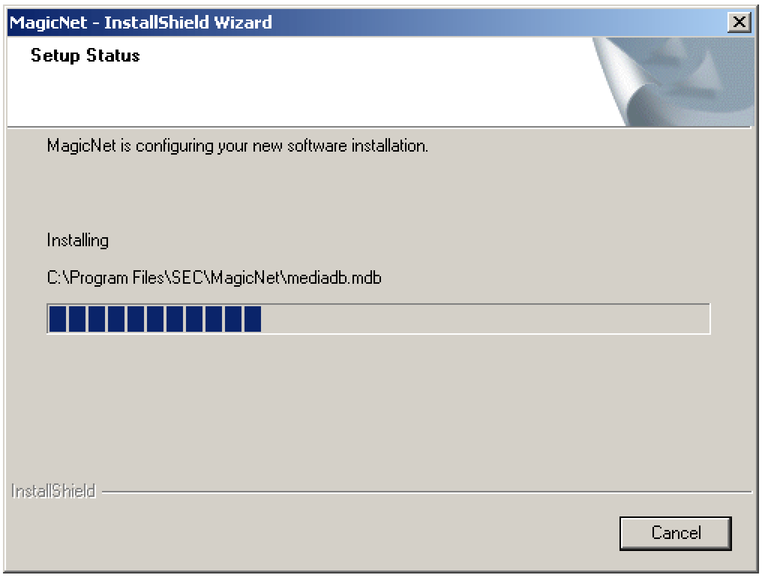
6. Chọn một thư mục để cài đặt chương trình MagicNet.



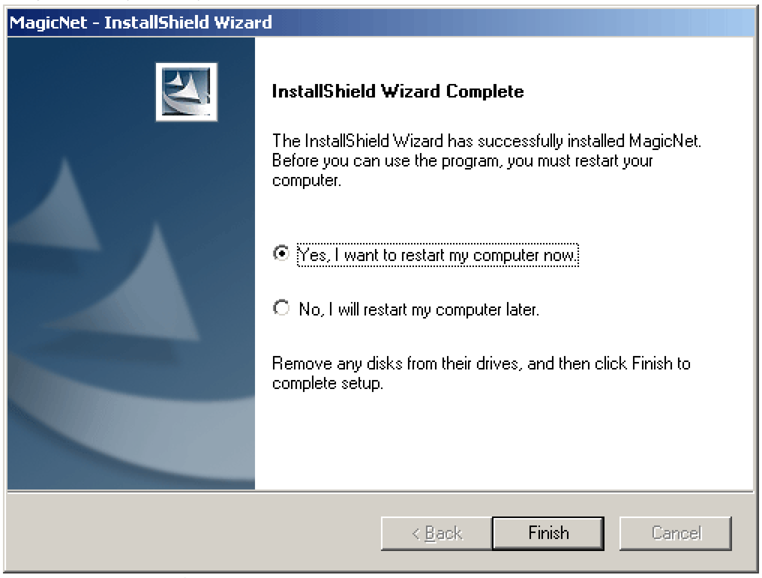
7. Nhấp “Install” (Cài đặt).



8. Cửa sổ “Installation Status” (Tình trạng cài đặt) xuất hiện.



9. Bạn được khuyên nên khởi động lại hệ thống để đảm bảo chương trình MagicNet Server hoạt động tốt. Nhấp "Finish" (Hoàn tất).



10. Khi cài đặt hoàn tất, biểu tượng thực thi MagicNet xuất hiện trên màn hình desktop của bạn.



11. Nhấp đôi vào biểu tượng để khởi chạy chương trình.

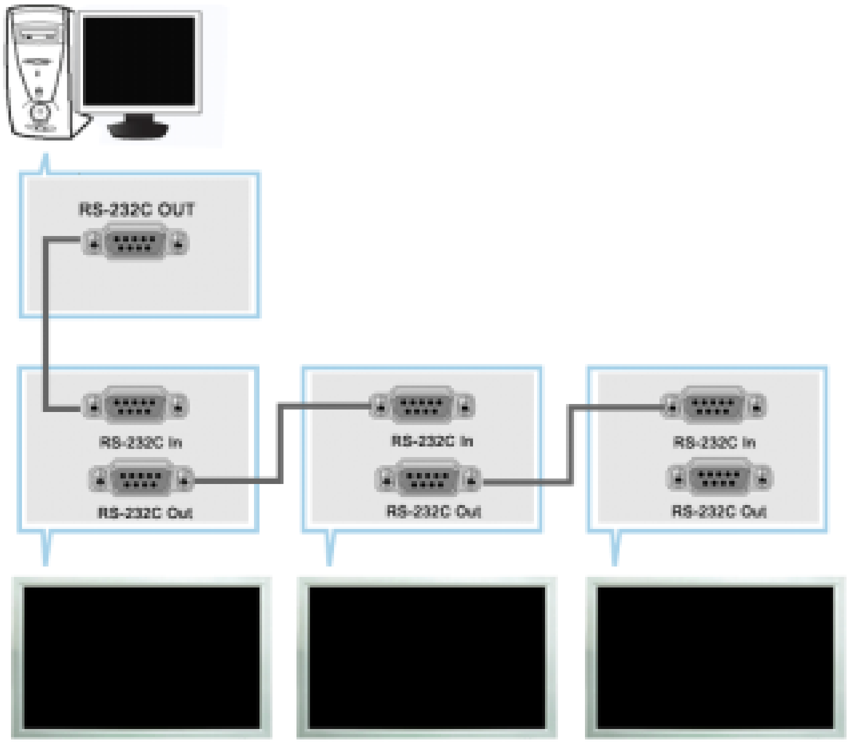
Yêu cầu Hệ thống Máy chủ

	CPU	RAM	Ethernet	OS	Application
Tối thiểu	P1,8	256M	100M/1G	Windows XP Windows 2000 (Service Pack 4)	WMP 9 hoặc cao hơn
Khuyến nghị	P3,0GHz	512M			

Multiple Display Control

MDC System

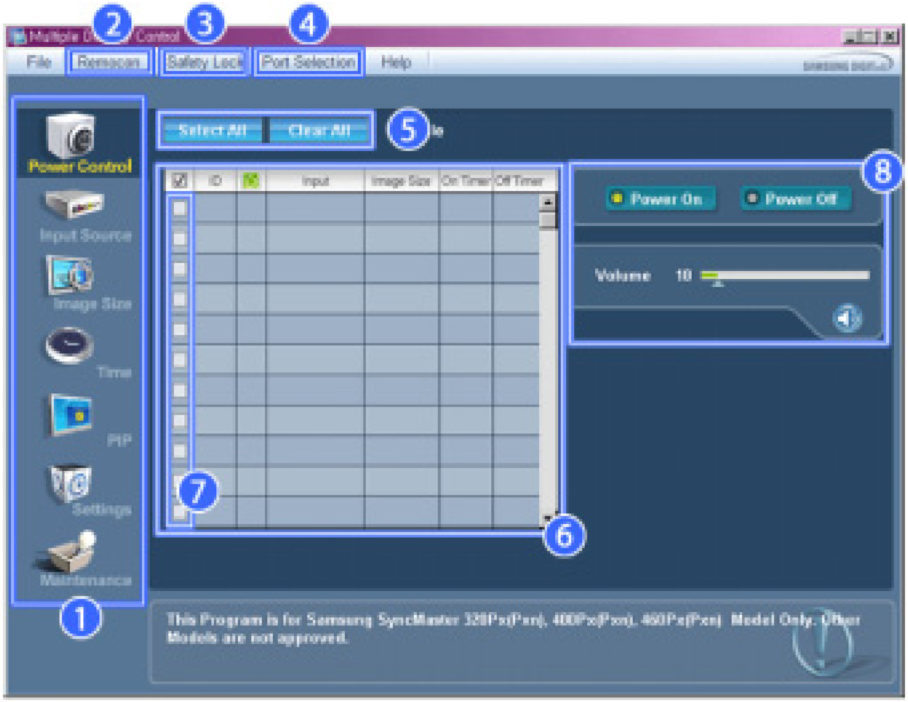
Giới thiệu



Bắt đâu – Màn hình Chính

Start > Program> Samsung > MDC System to start the program.

Chọn cài đặt để xem tập hợp các kiểu màn hình được chọn trong bản trình chiếu.



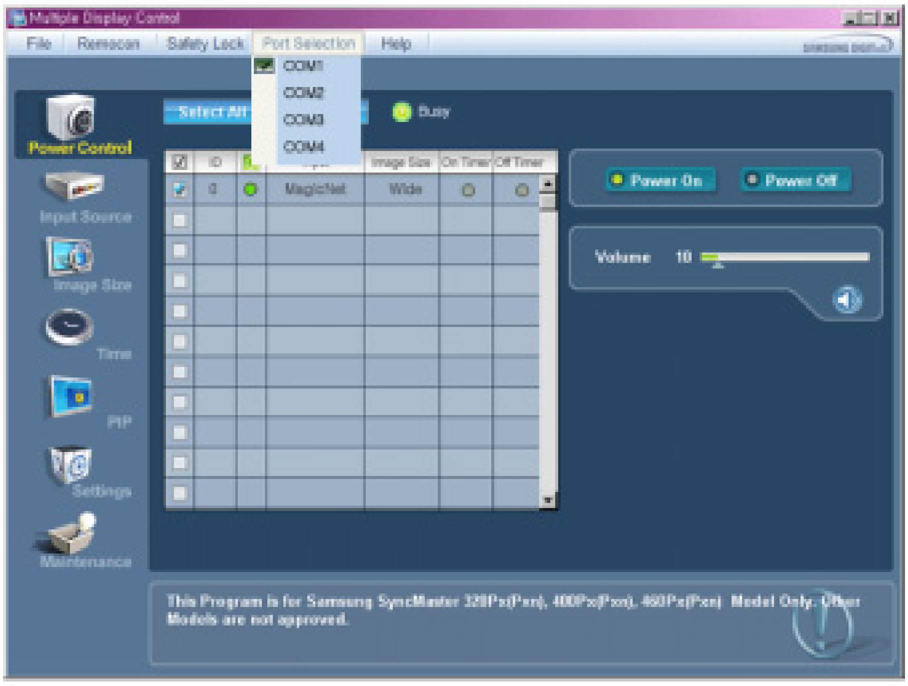
1 Các Biểu tượng Chính	5 Nút Chọn
2 Remocon	6 Sơ đồ Thông tin
3 Safety Lock	7 Chọn Hiển thị
4 Port Selection	8 Các Công cụ Điều khiển

---

1. Dùng các biểu tượng chính để chuyển sang màn hình tương ứng.
2. Cho phép bật hay tắt chức năng nhận tín hiệu điều khiển từ xa của đơn vị màn hình hiển thị.
3. Thiết lập Chức năng Khóa.
4. Cài đặt Cổng Nối tiếp máy PC (PC Serial Port) có thể thay đổi. Giá trị ban đầu là COM1.
5. Nhấp Chọn tất cả hoặc Xóa để chọn hoặc xóa tất cả màn hình hiển thị.
6. Dùng Sơ đồ để xem thông tin ngắn gọn về màn hình hiển thị được chọn.
7. Chọn màn hình hiển thị từ Chọn Hiển thị (Display Selection).
8. Sử dụng các Công cụ Điều khiển (Control Tools) để điều khiển các màn hình hiển thị.

<Lưu ý> Chức năng Bật/Tắt (Enable/Disable) điều khiển từ xa vẫn hoạt động cho dù nguồn đang Bật/Tắt (On/Off), và điều này áp dụng cho tất cả các màn hình hiển thị liên kết với các màn hình có kết nối với MDC. Tuy nhiên, bất kể trạng thái đang có vào thời điểm MDC ngưng hoạt động, chức năng nhận tín hiệu điều khiển từ xa của tất cả các màn hình hiển thị luôn được tái lập về giá trị Bật (Enable) khi MDC đóng.

Port Selection

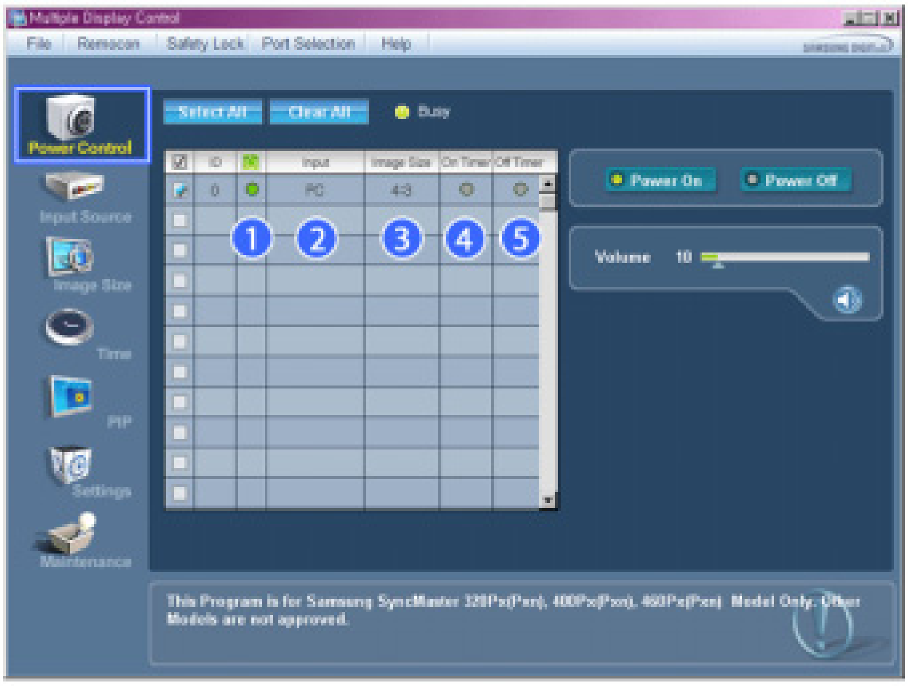


1. Điều khiển Đa Hiển thị (Multiple Display Control) được chọn mặc định cho cổng COM1
2. Nếu có bất cứ cổng nào khác ngoài cổng COM1, các giá trị từ COM1 đến COM4 có thể được chọn từ Menu Chọn Cổng (Port Selection Menu).
3. Nếu tên cổng kết nối với màn hình dùng cáp nối tiếp không được chọn chính xác, việc trao đổi tín hiệu sẽ không thể thực hiện được.
4. Cổng được chọn được sẽ lưu lại trong chương trình và được sử dụng cho chương trình sau đó.



Kiểm soát Nguồn điện

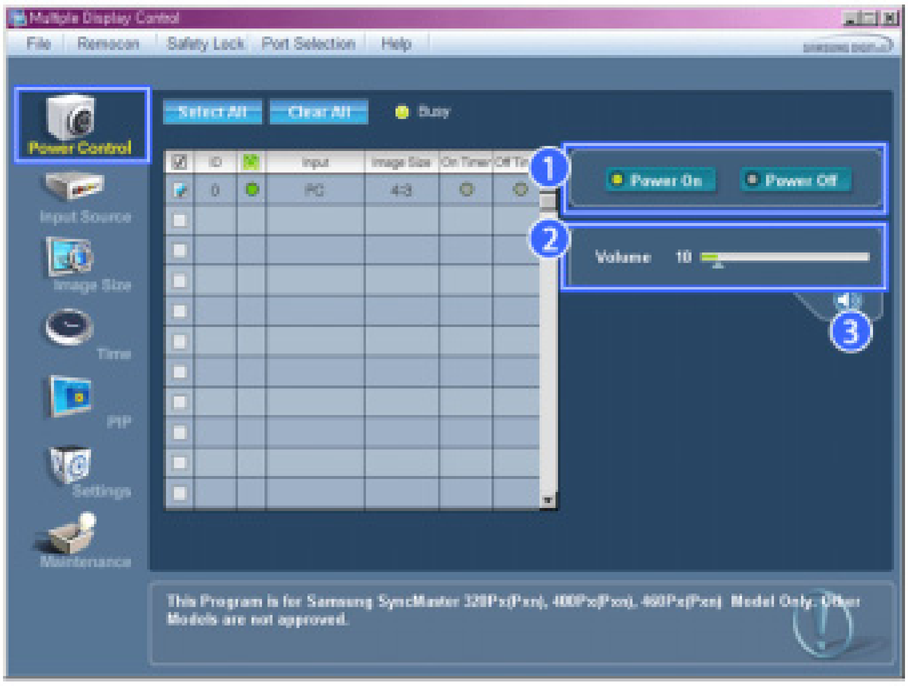
1. Nhấp vào phần Điều khiển Nguồn điện (Power Control) của các biểu tượng chính và màn hình Điều khiển Nguồn điện (Power Control) sẽ hiển thị.



★ Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Nguồn điện (Power Control).

1) Power Status(Trạng thái Nguồn)
2) Input
3) Image Size
4) On Timer
5) Off Timer

2. Dùng phím Chọn Tất cả (Select All) hay các Hộp Đánh dấu (Check Box) để chọn điều khiển một màn hình hiển thị.



★ Điều khiển Nguồn (Power Control) cho phép điều khiển một số chức năng của màn hình hiển thị được chọn.

1) Power On/Off

- On/Off nguồn của màn hình hiển thị được chọn.

2) Volume

- Điều khiển mức âm lượng của màn hình hiển thị được chọn.
  Trị số mức âm lượng nhận được từ màn hình hiển thị đã chọn trong tập hợp các màn hình sẽ hiển thị bên trong khung trình chiếu.
  (Khi bạn hủy chọn lựa hay chọn Chọn tất cả (Select All), giá trị được trả về trị số mặc định là 10)

3) Bật/Tắt Chức năng Tắt tiếng (Mute On/Off)

- **Turns on/off the Mute function of the selected display.**
  When selecting one set at a time, turn on the Mute function for the selected set.
  Chức năng Tắt tiếng (Mute) tự động hủy chọn khi bạn điều chỉnh mức âm lượng.
  (Các giá trị trở về cài đặt mặc định khi bạn hủy các chọn lựa hay chọn "Chọn Tất cả.")

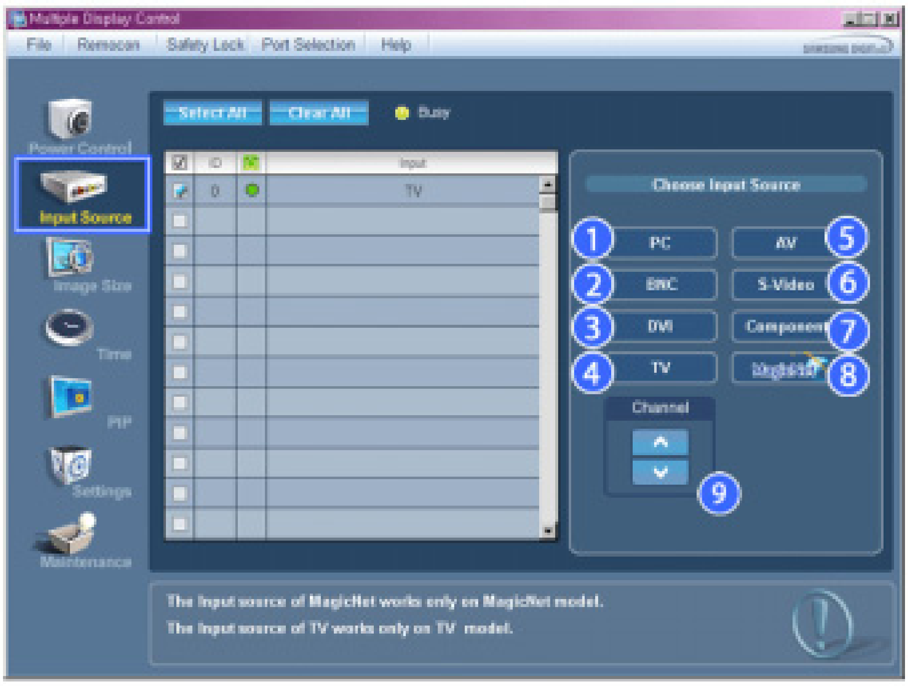
★ Chức năng Kiểm soát Nguồn điện (Power Control) có tác dụng trên tất cả các màn hình hiển thị.

★ Chức năng Kiểm soát Âm lượng (Volume Control) và Tắt tiếng (Mute) chỉ có tác dụng trên các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).

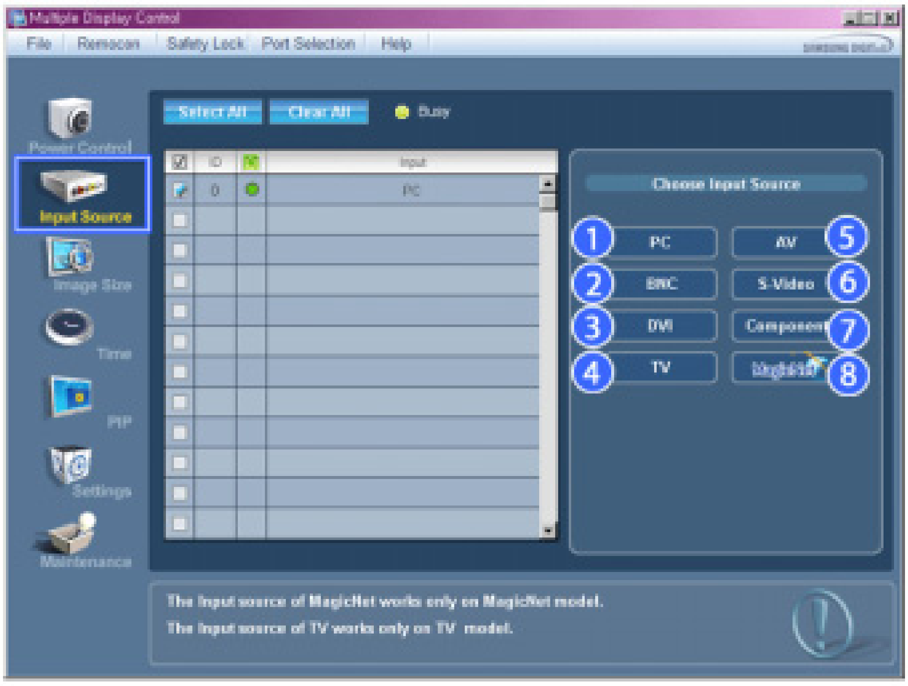
Input Source

1. Nhấp vào phần Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của các biểu tượng chính và màn hình Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) sẽ hiển thị.
   Nhấp Chọn Tất cả (Select All) hay dùng Hộp Đánh dấu (Check Box) để chọn điều khiển một màn hình hiển thị.

• **TV Mode**



• **PC Mode**



★ Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Nguồn tín hiệu Vào (Input Source Control).

1) PC
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành PC.

2) BNC
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành BNC.

3) DVI
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành DVI.

4) TV
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành TV.

5) AV
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành AV.

6) S-Video
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành S-Video.

7) Component
- Thay đổi Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) của màn hình hiển thị được chọn thành Component.

8) MagicNet
- Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

9) Channel
- M ũ i tên kênh sẽ xuất hiện khi chọn Input Source (Nguồn Tín hiệu vào) là TV.

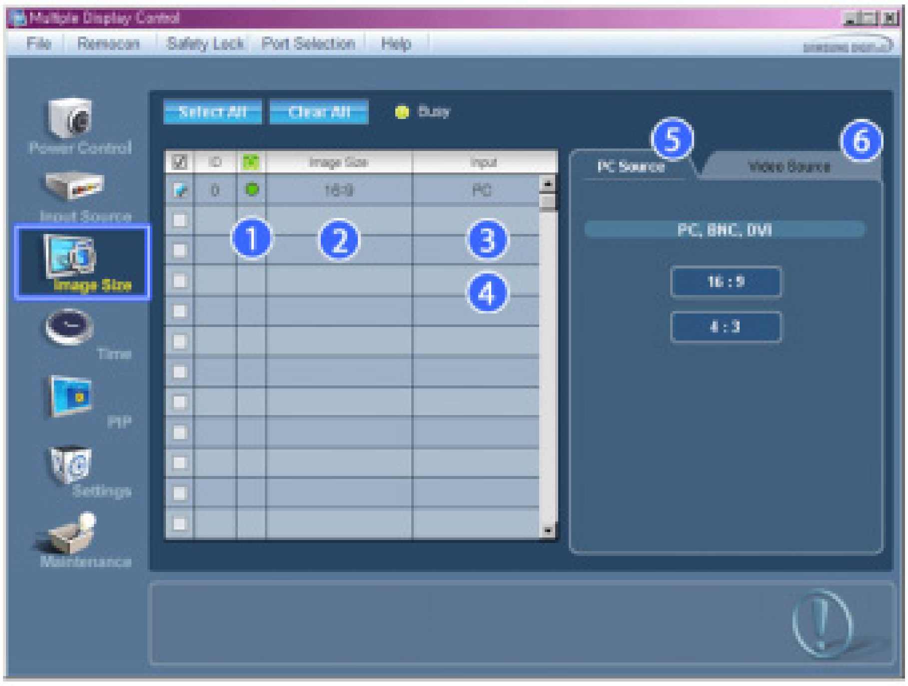
★ **Chỉ có thể chọn Nguồn TV trong các sản phẩm có tính năng TV và các kênh kiểm soát chỉ có thể dùng khi Nguồn Tín hiệu vào là TV.**

★ **Chức năng Điều khiển Nguồn tín hiệu Vào (Input Source Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).**

Image Size

PC, BNC, DVI

1. Nhấp vào phần Kích thước Hình ảnh (Image Size) của các biểu tượng chính và màn hình điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size) sẽ hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control).

1) Power Status(Trạng thái Nguồn)
   - Hiển thị trạng thái nguồn điện của màn hình hiển thị hiện tại.
2) Image Size
   - Hiển thị Kích thước Hình ảnh (Image Size) hiện tại của màn hình đang dùng.
3) Input
   - Hiển thị Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) hiện tại của màn hình đang dùng.
4) Sơ đồ Thông tin (Info Grid) chỉ hiển thị các màn hình có Nguồn tín hiệu Vào (Input Source) là PC,BNC,DVI.
5) PC Source
   Nguồn PC Khi nhấp vào thẻ Image Source (Nguồn Hình ảnh vào) khi thẻ này xuất hiện lần đầu.
   - Phím Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control) có tác dụng điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size) cho các tín hiệu PC,BNC,DVI.
6) Video Source
   - Nhấp vào thẻ Video Source (Nguồn Video) để điều chỉnh Kích thước Hình ảnh của TV, AV, S-Video, Thiết bị .

Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

Chức năng Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).



Image Size

TV, AV, S-Video, Component, DVI(HDCP)

1. Nhấp vào phần Kích thước Hình ảnh (Image Size) của các biểu tượng chính và màn hình điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size) sẽ hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control).

1) Nhấp vào thẻ Video Source (Nguồn Video) để điều chỉnh Kích thước Hình ảnh của TV, AV, S-Video, Thiết bị .
Nhấp Chọn Tất cả (Select All) hay dùng Hộp Đánh dấu (Check Box) để chọn điều khiển một màn hình hiển thị.

2) Sơ đồ Thông tin chỉ hiển thị các màn hình có nguồn tín hiệu vào TV, AV, S-Video, Tổ hợp (Component) hay DVI (HDCP).

3) Chuyển đổi Kích thước Hình ảnh (Image Size) của màn hình hiển thị một cách ngẫu nhiên.

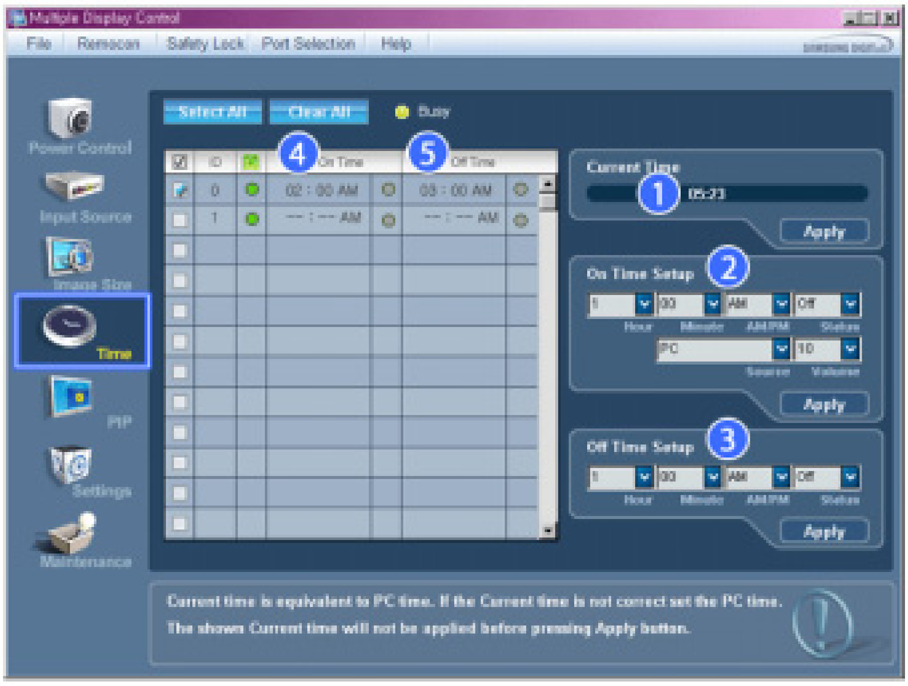
Lưu ý: Chức năng Auto Wide, Zoom1 and Zoom2 (Tự động Chỉnh chiều ngang, Thu/Phóng1 và Thu/Phóng2) không sử dụng được khi kiểu tín hiệu vào dành cho Thiết bị và DVI (HDCP) thuộc loại 720p hay 1080i.

Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

Chức năng Điều khiển Kích thước Hình ảnh (Image Size Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).

Time

1. Nhấp vào Thời gian (Time) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Thời gian (Time Control) sẽ hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Thời gian (Time Control).

1) Current Time
- Cài thời gian hiện hành cho màn hình hiển thị đã chọn (Giờ của Máy PC (PC Time)).
- Để thay đổi thời gian hiện hành, đầu tiên hãy thay đổi Giờ của Máy PC (PC Time).

2) On Time Setup
- Đặt các giá trị giờ, phút, AM/PM của Giờ Mở (On Time), Trạng thái (Status), Nguồn vào (Source), âm lượng cho màn hình hiển thị được chọn.

3) Off Time Setup
- Đặt các giá trị giờ, phút, AM/PM, Trạng thái của Giờ Tắt (Status for Off Timer) cho màn hình được chọn.

4) Hiển thị các cài đặt Giờ Mở (On Timer).

5) Hiển thị các cài đặt Giờ Tắt (Off Timer).

Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

Chức năng Điều khiển Thời gian (Time Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).

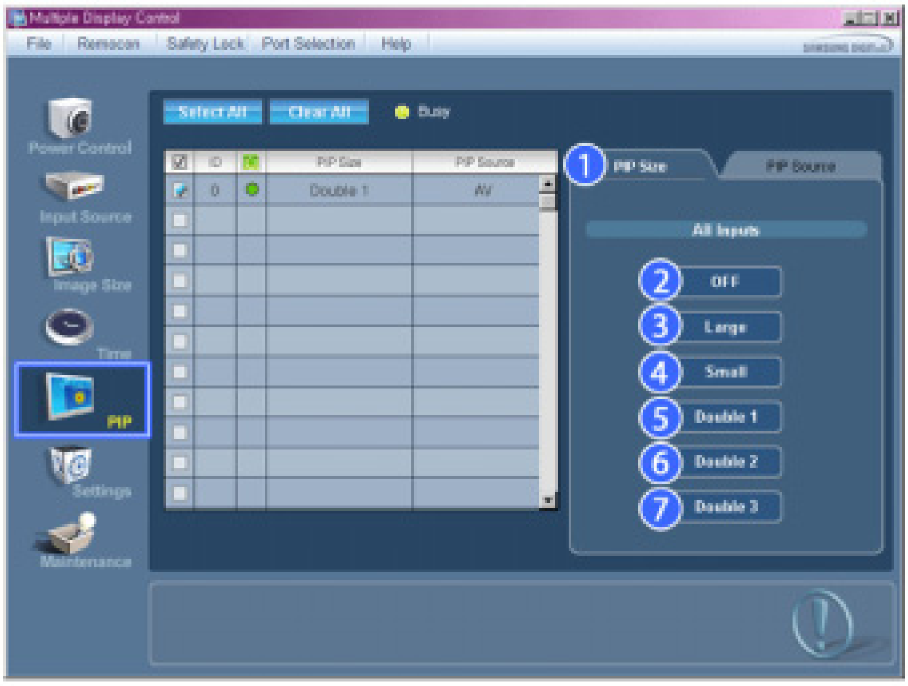
Trong phần On Time Setup (Thiết lập Thời gian Bật) , chức năng TV Source (Nguồn TV) chỉ dành cho Kiểu Màn hình TV



PIP

PIP Size

1. Nhấp vào PIP trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình điều khiển PIP sẽ hiển thị.
   Nhấp Chọn Tất cả (Select All) hay dùng Hộp Đánh dấu (Check Box) để chọn điều khiển một màn hình hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Kích thước PIP (PIP Size Control).

1) PIP Size
   - Hiển thị Kích thước PIP (PIP Size) hiện tại của màn hình đang dùng.

2) OFF
   - Tắt PIP của màn hình được chọn.

3) Large
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Cỡ Lớn (Large).

4) Small
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Cỡ nhỏ (Small).

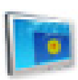
5) Double 1
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Gấp đôi 1 (Double 1).

6) Double 2
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Gấp đôi 2 (Double 2).

7) Double 3 (Picture By Picture)
   - Bật PIP của màn hình được chọn và đổi kích thước sang Gấp đôi 3 (Double 3).

Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

Bạn có thể điều khiển Kích thước PIP (PIP Size) khi bật nguồn điện của màn hình.

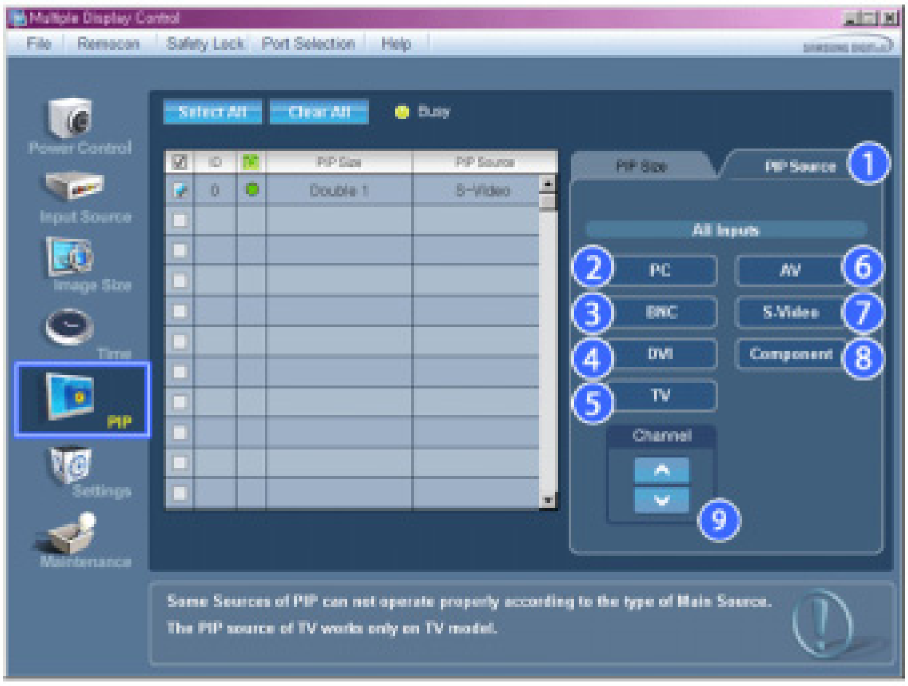


PIP

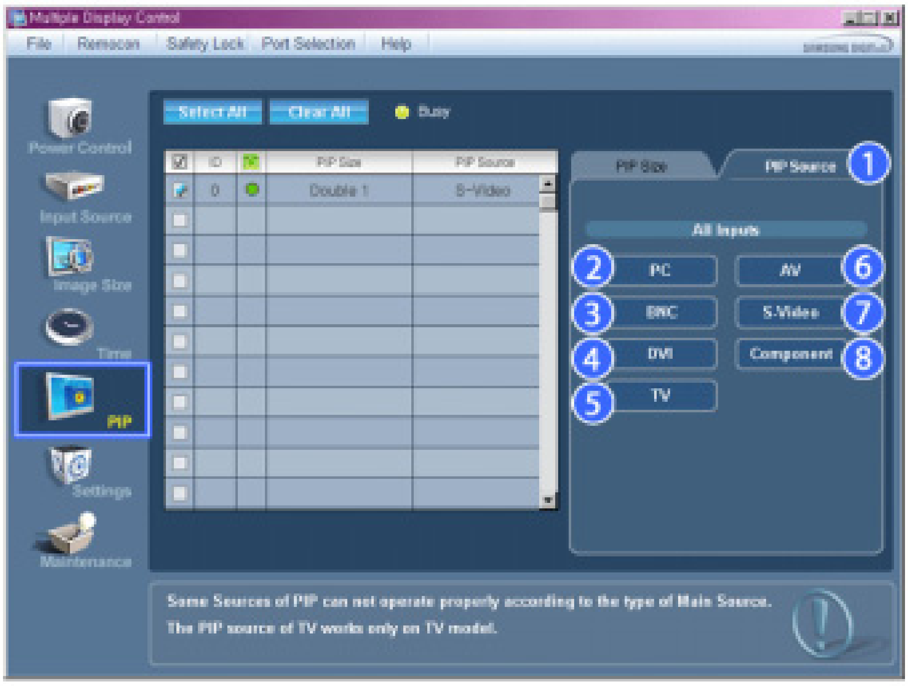
PIP Source

1. Nhấp vào PIP trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình điều khiển PIP sẽ hiển thị.

• PIP TV Mode



• PIP S-Video Mode



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Nguồn tín hiệu PIP (PIP Source Control).

1) PIP Source
 - Bạn có thể điều khiển Nguồn tín hiệu PIP (PIP Source) khi bật nguồn điện của màn hình.
2) PC
 - Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành PC.
3) BNC
 - Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành BNC.
4) DVI
 - Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành DVI.
5) TV

- Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành TV.

6) AV
   - Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành AV.
7) S-Video
   - Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành S-Video.
8) Component
   - Thay đổi nguồn tín hiệu của PIP trên màn hình hiển thị được chọn thành Tổ hợp (Component).
9) Channel
   - M ũ i tên kênh sẽ xuất hiện khi chọn Nguồn PIP là TV.

   Lưu ý: Một số Nguồn tín hiệu PIP (PIP Source) không thể chọn được tùy vào kiểu nguồn tín hiệu vào của Màn Hình Chính (Main Screen).

Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

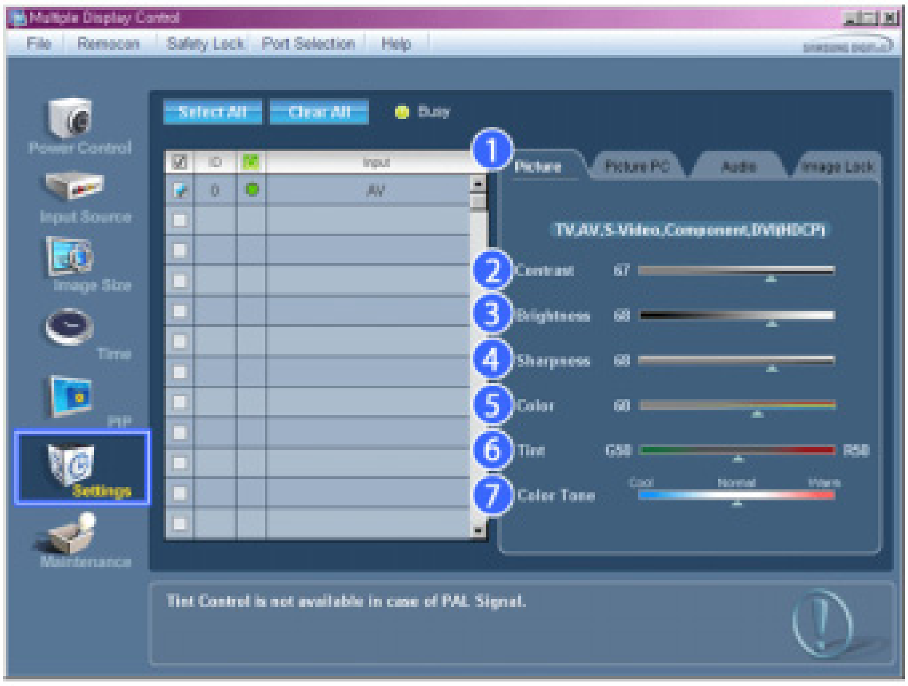
Chỉ có thể chọn Nguồn TV trong các sản phẩm có tính năng TV và các kênh kiểm soát chỉ có thể dùng khi Nguồn PIP là TV.

Chức năng Điều khiển PIP (PIP Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON) và chức năng PIP được cài là BẬT (ON).

Settings

Picture

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Cài đặt (Settings Control). Khi chọn từng chức năng, tập hợp giá trị của chức năng đó sẽ được hiển thị trong khung trình chiếu. Khi bạn chọn, từng chức năng sẽ tìm nạp giá trị cho máy và hệ thống chúng trên thanh trượt . Khi chọn mục "Select All" (Chọn Tất cả) , máy sẽ hiển thị giá trị mặc định. Việc thay đổi giá trị trong màn hình này sẽ tự động chuyển sang chế độ "TÙY CHỌN (CUSTOM)".

1) Picture
   - Chỉ sử dụng với các tín hiệu TV, AV, S-Video, Component, DVI(HDCP).
2) Contrast
   - Điều chỉnh Độ Tương phản (Contrast) của màn hình hiển thị được chọn.
3) Brightness
   - Điều chỉnh Độ sáng (Brightness) của màn hình hiển thị được chọn.
4) Sharpness
   - Điều chỉnh Độ sắc nét (Sharpness) của màn hình hiển thị được chọn.
5) Color

- Điều chỉnh Màu sắc (Color) của màn hình hiển thị được chọn.

6) Tint
   - Điều chỉnh Sắc thái (Tint) của màn hình hiển thị được chọn.

7) Color Tone
   - Điều chỉnh Tông màu (Color Tone) của màn hình hiển thị được chọn.

Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

Chức năng này chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị đang BẬT (ON) và nếu không có sự lựa chọn nào khác, giá trị mặc định gốc sẽ được hiển thị.

Settings

Picture PC

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Cài đặt (Settings Control). Khi chọn từng chức năng, tập hợp giá trị của chức năng đó sẽ được hiển thị trong khung trình chiếu. Khi bạn chọn, từng chức năng sẽ tìm nạp giá trị cho máy và hệ thống chúng trên thanh trượt. . Khi chọn mục "Select All" (Chọn Tất cả) , máy sẽ hiển thị giá trị mặc định. Việc thay đổi giá trị trong màn hình này sẽ tự động chuyển sang chế độ "TÙY CHỌN (CUSTOM)".

1) Picture PC
   - Chỉ sử dụng với các tín hiệu PC, BNC, DVI.

2) Contrast
   - Điều chỉnh Độ Tương phản (Contrast) của màn hình hiển thị được chọn.

3) Brightness
   - Điều chỉnh Độ sáng (Brightness) của màn hình hiển thị được chọn.

4) Red
   - Điều chỉnh Sắc Đỏ (Red Color) của màn hình hiển thị được chọn.

5) Green
   - Điều chỉnh Sắc Xanh lá (Green Color) của màn hình hiển thị được chọn.

6) Blue
   - Điều chỉnh Sắc Xanh dương (Blue Color) của màn hình hiển thị được chọn.

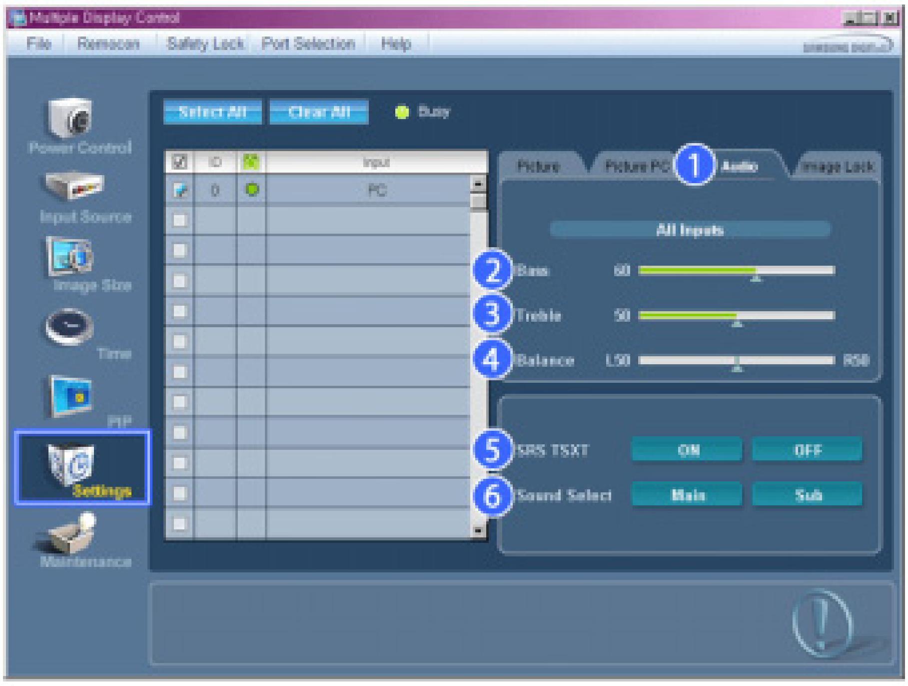
Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

Chức năng này chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị đang BẬT (ON) và nếu không có sự lựa chọn nào khác, giá trị mặc định gốc sẽ được hiển thị.

Settings

Audio

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Cài đặt (Settings Control). Khi chọn từng chức năng, tập hợp giá trị của chức năng đó sẽ được hiển thị trong khung trình chiếu. Khi bạn chọn, từng chức năng sẽ tìm nạp giá trị cho máy và hệ thống chúng trên thanh trượt. Khi chọn mục "Select All" (Chọn Tất cả) , máy sẽ hiển thị giá trị mặc định. Việc thay đổi giá trị trong màn hình này sẽ tự động chuyển sang chế độ "TÙY CHỌN (CUSTOM)".

1) Audio
   - Cài đặt Điều khiển âm thanh cho tất cả nguồn tín hiệu vào.

2) Bass
   - Điều chỉnh Aâm trầm (Bass) của màn hình hiển thị được chọn.

3) Treble
   - Điều chỉnh Âm bổng (Treble) của màn hình hiển thị được chọn.

4) Balance
   - Điều chỉnh Độ cân bằng (Balance) của màn hình hiển thị được chọn.

5) SRS TSXT
   - Bật/Tắt Âm thanh SRS TSXT của màn hình hiển thị được chọn.

6) Sound Select
   - Chọn Chính (Main) hoặc Phụ (Sub) khi màn hình PIP đang Bật (On).

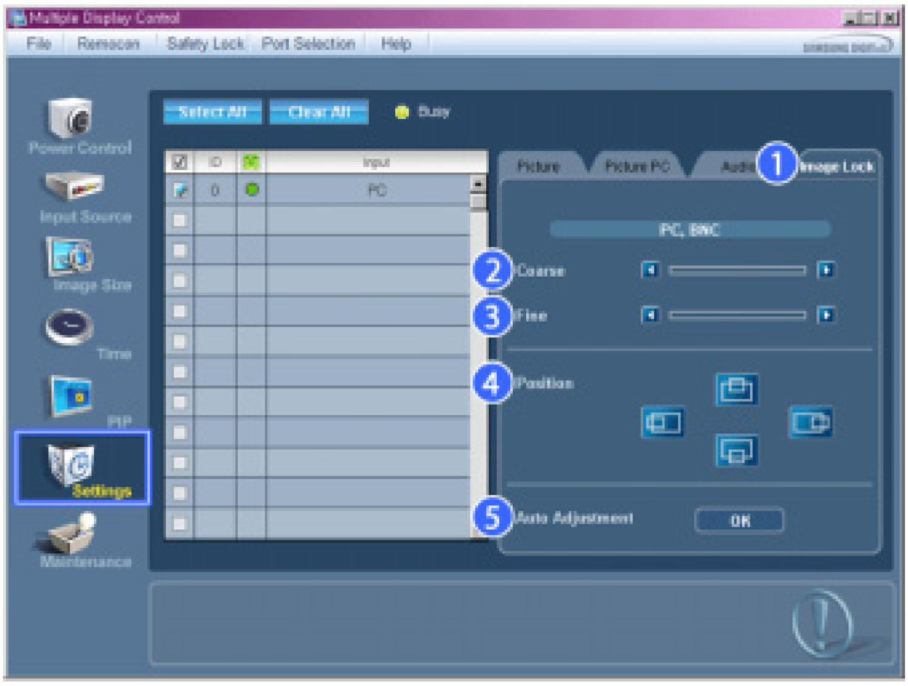
Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

Chức năng này chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị đang BẬT (ON) và nếu không có sự lựa chọn nào khác, giá trị mặc định gốc sẽ được hiển thị.

Settings

Image Lock

1. Nhấp vào Cài đặt (Settings) trên các biểu tượng chính và sau đó, màn hình Điều khiển Cài đặt (Settings Control) sẽ hiển thị.



Sơ đồ Thông tin (Info Grid) sẽ trình bày một số thông tin cơ bản của phần Điều khiển Cài đặt (Settings Control).

1) Image Lock
   - Chỉ sử dụng với các tín hiệu PC, BNC.
2) Coarse
   - Điều chỉnh Độ Kết hạt (Coarse) của màn hình hiển thị được chọn.
3) Fine
   - Điều chỉnh Độ mịn (Fine) của màn hình hiển thị được chọn.
4) Position
   - Điều chỉnh Vị trí (Position) của màn hình hiển thị được chọn.
5) Auto Adjustment
   - Tự Điều chỉnh tín hiệu vào từ PC.

Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

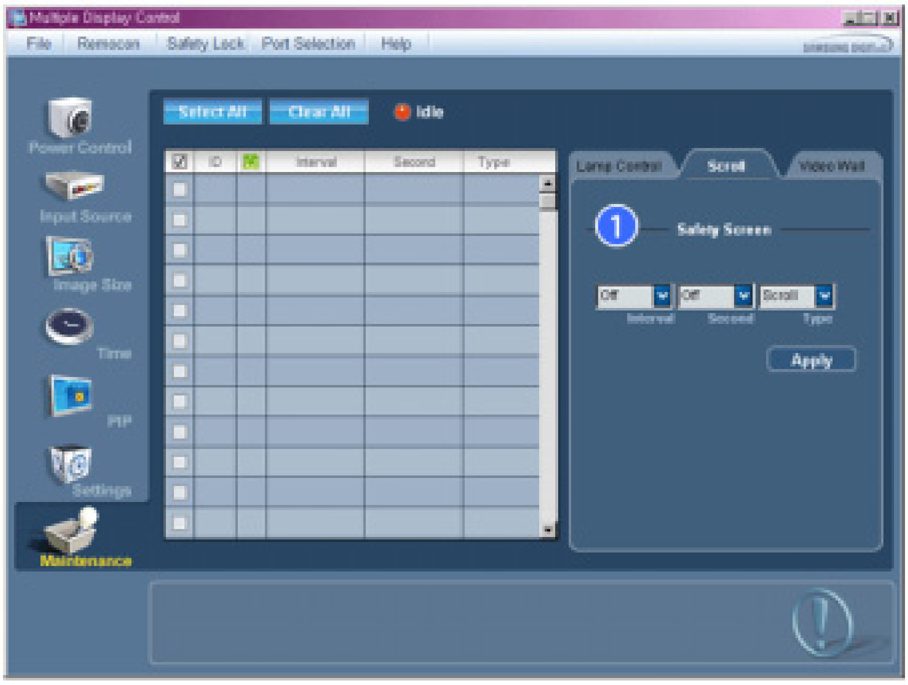
Chức năng Điều khiển Cài đặt (Settings Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn đang BẬT (ON).



Maintenance

Scroll

1. Nhấp vào “Bảo trì” trong cột Biểu tượng Chính (Main Icon)để hiển thị màn hình Bảo trì (Maintenance).



1) Safety Screen
- Loại bỏ hiện tượng lưu ảnh do màn hình hiển thị được chọn ở chế độ Dừng trong thời gian quá lâu. Bạn có thể cài đặt thời gian chu kỳ lặp bằng cách chọn “Intervalỳ” theo giờ và “Second” theo giây.

Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

Khi Cài đặt Giây, có thể cài đặt là 1, 2, 3, 4, 5 đối với Loại Cuộn và 10, 20, 30, 40, 50 đối với Loại Pixel, Vạch và Dụng cụ Xóa.

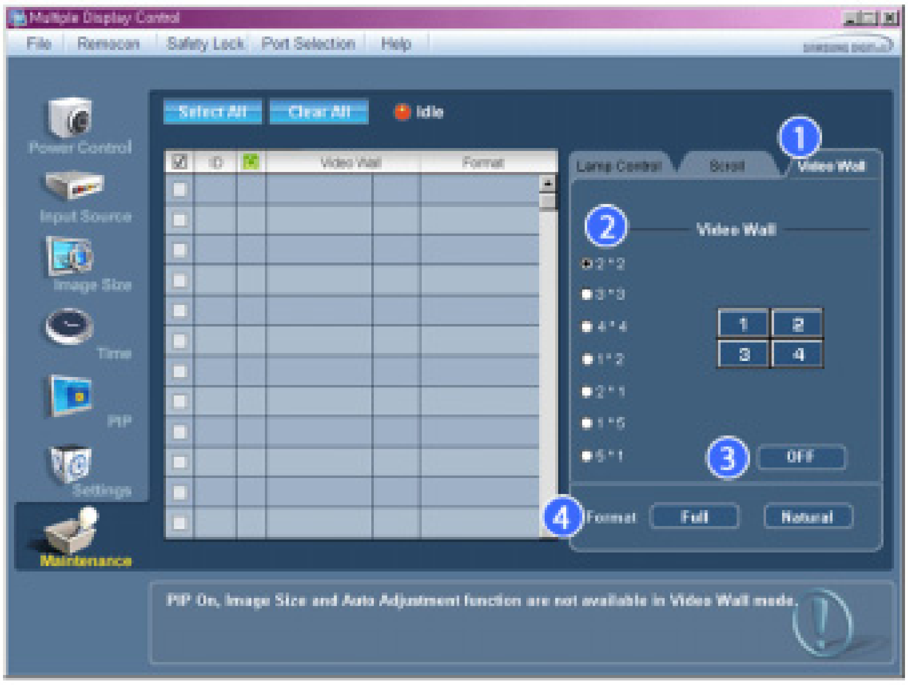
Chức năng Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).



Maintenance

Video Wall

1. Nhấp vào “Bảo trì” trong cột Biểu tượng Chính (Main Icon)để hiển thị màn hình Bảo trì (Maintenance).

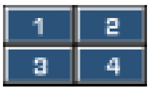
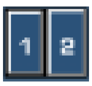


1) Video Wall

- Bức tường phim video là tập hợp các màn hình hiển thị được kết nối chung, vì thế mỗi màn hình sẽ hiển thị một phần trong bức tranh tổng thể hoặc là cùng một bức tranh được lặp lại ở mỗi màn hình.

2) Video Wall (Screen divider)

- Màn hình có thể được chia ra.
  Bạn có thể chọn một số màn hình với cách bố trí khác khi chia ra.
  - Chọn một chế độ từ mục Chia màn hình.
  - Chọn màn hình hiển thị từ Chọn Hiển thị (Display Selection).
  - Vị trí sẽ được thiết lập bằng cách bấm một con số trong chế độ đã chọn.
  - Samsung cung cấp chương trình MDC để hỗ trợ Hiển thị lên đến 4x4 màn hình LCD.

  - 2*2 
  - 3*3 
  - 4*4 
  - 1*2 
  - 2*1 
  - 1*5 
  - 5*1 

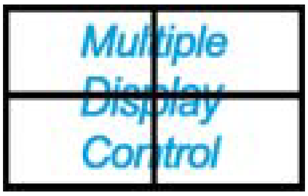
3) On / Off

- Tắt/Mở chức năng Bức tường phim video của màn hình được chọn.

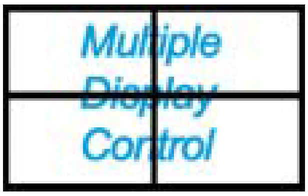
4) Format

- Bạn có thể lựa chọn định dạng để xem màn hình bị chia ra.

• Full



• Natural



Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

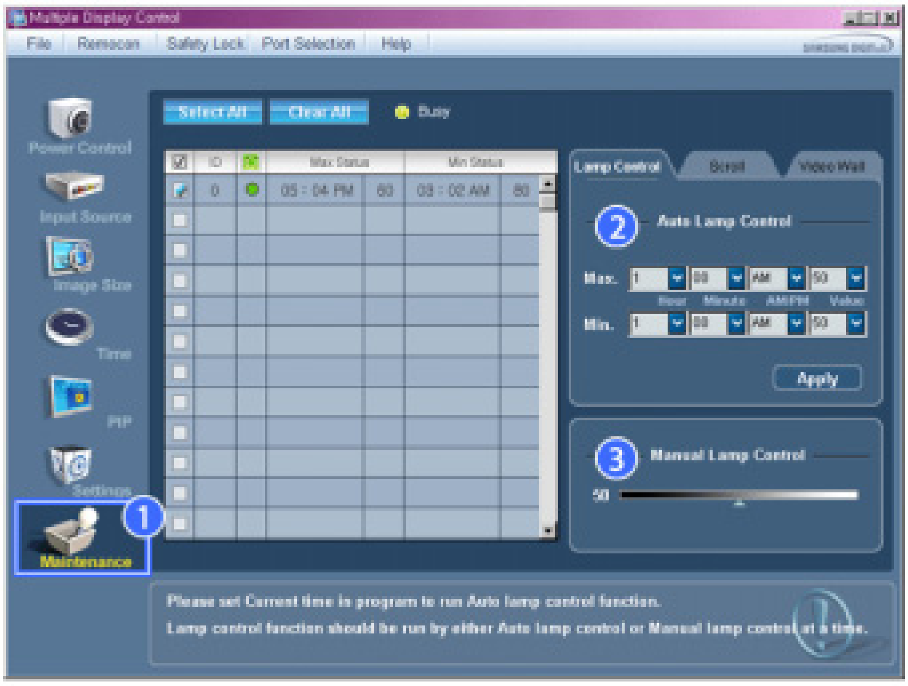
Chức năng Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).



Maintenance

Lamp Control

1. Nhấp vào "Bảo trì" trong cột Biểu tượng Chính (Main Icon)để hiển thị màn hình Bảo trì (Maintenance).



Một "Sơ đồ Thông tin" sẽ hiển thị và trình bày một số mục dữ liệu cơ bản.

1) Maintenance

- Cho phép Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) tất cả các nguồn tín hiệu vào.

2) Auto Lamp Control

- Tự động điều chỉnh ánh sáng nền của màn hình hiển thị được chọn tại một thời điểm nhất định.
  Chức năng Tự động Điều khiển Đèn hình (Auto Lamp Control) sẽ tự tắt nếu bạn dùng chức năng Điều khiển Thủ công Đèn hình (Manual Lamp Control).

3) Manual Lamp Control

- Cho phép điều chỉnh ánh sáng nền của màn hình hiển thị được chọn vào bất cứ lúc nào.
  Chức năng Tự động Điều khiển Đèn hình (Auto Lamp Control) sẽ tự tắt nếu bạn dùng chức năng Điều khiển Thủ

công Đèn hình (Manual Lamp Control).

Chức năng Kiểm soát Bảo trì (Maintenance Control) chỉ hoạt động với các màn hình hiển thị có trạng thái nguồn điện đang BẬT (ON).

Nguồn tín hiệu Vào của MagicNet chỉ hoạt động theo kiểu MagicNet.

Giải quyết Sự cố

1. Màn hình bạn muốn điều khiển không hiển thị trong Sơ đồ Thông tin Điều khiển Nguồn điện (Power Control Info Grid)
   - Kiểm tra lại kết nối qua cổng RS232C. (Kiểm tra xem đã được nối hoàn chỉnh với cổng Com1 hay chưa)
   - Kiểm tra xem có bất cứ màn hình đang kết nối nào khác với cùng ID của màn hình đang hiển thị hay không. Nếu có, các màn hình khác sẽ không được nhận dạng bởi hệ thống do lỗi xung đột dữ liệu.
   - Kiểm tra trị số ID Cài đặt Hiển thị (Display Set ID) của màn hình có nằm trong khoảng từ 0 đến 16 hay không (Điều chỉnh bằng cách dùng Menu Màn Hình)

   Lưu ý : Trị số ID Cài đặt Hiển thị (Display Set ID) của màn hình nằm trong khoảng từ 0 đến 16.

   Nếu ngoài giá trị này, hệ thống MDC không thể kiểm soát màn hình.

2. Màn hình bạn muốn điều khiển không hiển thị trong các Sơ đồ Thông tin Điều khiển (Control Info Grids) khác
   - Kiểm tra xem nguồn điện của màn hình đã được BẬT (ON) hay chưa. (Bạn có thể kiểm tra điều này trong Sơ đồ Thông tin Điều khiển Nguồn điện (Power Control Info Grid)
   - Kiểm tra xem bạn có thể thay đổi nguồn tín hiệu vào của màn hình.

3. Hộp thoại sẽ hiển thị lặp đi lặp lại.
   - Kiểm tra xem màn hình bạn muốn điều khiển đã được chọn hay chưa.

4. Cả chức năng Định giờ Mở (On Timer) và Định giờ Tắt (Off Timer) đã được cài đặt nhưng với thời gian khác nhau.
   - Áp dụng thời gian hiện hành để đồng bộ đồng hồ của màn hình.

5. Khả năng điều khiển từ xa có thể không hoạt động tốt khi tắt Chức năng điều khiển từ xa, ngắt kết nối cáp RS-232C, hay thoát khỏi chương trình một Không đúng cách. Chạy lại chương trình và kích hoạt chức năng điều khiển từ xa trở lại để Khôi phục hoạt động bình thường.

   <Lưu ý> Chương trình này có thể hoạt động sai lệch do lỗi của các mạch truyền dẫn hay hiện tượng gây nhiễu từ các thiết bị điện đặt gần đó.

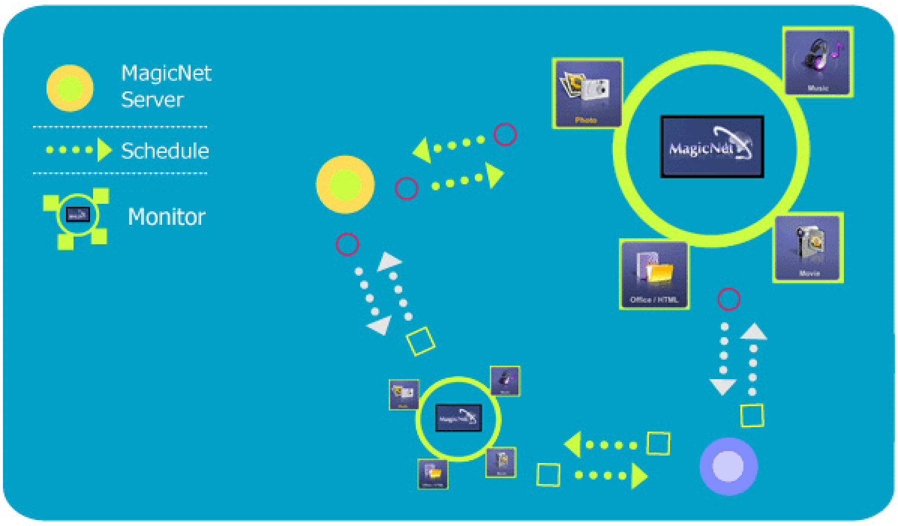


Hiển thị Giá trị Cài đặt trong Chế độ Đa Hiển thị

Khi có nhiều hơn một màn hình được kết nối, các giá trị cài đặt được trình bày như sau.

1. Không chọn: Hiển thị Giá trị Mặc định Gốc (Factory Default Value).
2. Một màn hình được chọn: Nạp và hiển thị giá trị cài đặt của màn hình được chọn.
3. Chọn một màn hình (ID1) và thêm màn hình khác (ID3): Chương trình đang hiển thị giá trị cài đặt của màn hình ID1 sẽ nạp và hiển thị giá trị cài đặt của màn hình ID3.
4. Chọn tất cả nhóm các màn hình bằng cách dùng Chọn Tất cả (Select All): Trả về Giá trị Mặc định Gốc (Factory Default Value).

Giới thiệu MagicNet



MagicNet sẽ truyền tải các tập tin media (tập tin phim ảnh, âm thanh và hình ảnh) và các tập tin dùng cho văn phòng (các tập tin dạng PowerPoint, Excel, Word, HTML và PDF) hiện có trên máy chủ đến các màn hình bằng mạng Ethernet sử dụng cấu trúc máy chủ/máy khách.
Bạn có thể kết nối nhiều màn hình vào cùng một máy chủ và bất kỳ tập tin nào cũng có thể truyền tải qua mạng đến các màn hình.
Các tập tin sẽ được truyền tải bằng hai cách: máy chủ sẽ gửi các tập tin đến màn hình sau khi đã đăng ký kế hoạch hoạt động; hoặc màn hình sẽ dò tìm các tập tin
đã đăng ký vào thư viện lưu trữ trên máy chủ, gửi các tập tin đến các màn hình khác và mở các tập tin này sau nhận chúng qua mạng.
Khi mạng kết nối vào hai máy chủ trở lên, bạn có thể dùng màn hình để chọn máy chủ để nhận kế hoạch hoạt động.
Mỗi màn hình đều có khả năng kết nối Internet.

Các máy chủ và màn hình được kết nối qua mạng và mỗi máy chủ và màn hình đều có tên riêng để xác nhận lẫn nhau.
Tuy nhiên, tên của máy chủ và các màn hình khách khi kết nối phải trùng nhau.
Điều này có nghĩa là, khi một máy chủ có tên là "MagicNet", thì chỉ có các màn hình có tên là "MagicNet" mới có thể kết nối vào máy chủ này.
Khi tên máy chủ được dùng cho các màn hình không có trên mạng, màn hình sẽ đợi đến khi máy chủ có tên trùng hợp kết nối vào mạng.
Tuy nhiên, khi bật chức năng kết nối tự động, máy sẽ thử kết nối vào các máy chủ khác và sẽ kết nối vào máy chủ nào có tín hiệu trả lời trước.

Các chức năng Bổ sung của MagicNet 2.0

1. Chức năng Điều khiển nhiều Màn hình (MDC)

Chức năng Điều khiển nhiều Màn hình (MDC) **là một chức năng mới được bổ sung vào MagicNet 2.0,** cho phép dễ dàng sử dụng một máy để điều khiển đồng thời nhiều máy tính.
MDC sẽ kiểm tra và điều khiển trạng thái của các màn hình được kết nối qua mạng theo phương thức thông thường.

2. Quản lý Tài khoản

Nhằm ngăn chặn người sử dụng tùy nghi sử dụng MagicNet, chức năng sẽ đặt ra các giới hạn về hoạt động của chức năng này tùy theo mức ưu tiên của tài khoản người sử dụng.

3. Cập nhật

Bạn có thể cập nhật ứng dụng MagicNet của màn hình qua máy chủ.
Tuy nhiên, chức năng này chỉ có tác dụng khi màn hình được kết nối vào máy chủ/màn hình có cài MagicNet phiên bản 2.0 hoặc mới hơn.

4. Kiểm soát các Thiết bị Lưu trữ Cục bộ/Trình Quản lý Tập tin trên USB của Màn hình

Bạn có thể sao chép hoặc xóa các tập tin vào thiết bị lưu trữ cục bộ của màn hình hoặc qua ổ đĩa USB được kết nối vào màn hình.

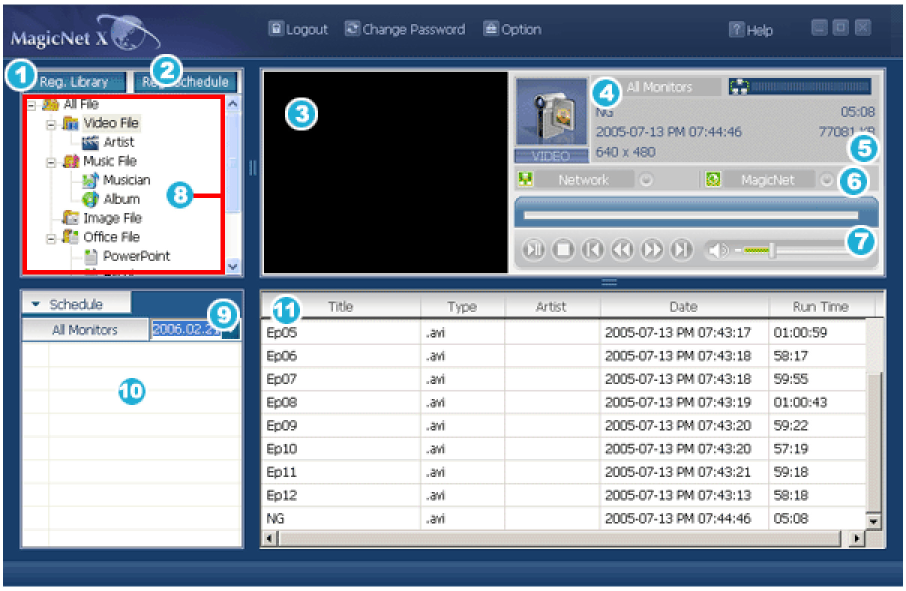
5. Tạm dừng Kế hoạch hoạt động

Chức năng này sẽ làm tạm dừng kế hoạch hoạt động hiện tại của màn hình và rất hữu ích trong trường hợp cần nhanh chóng thực hiện việc khác.

Dùng bộ điều khiển từ xa của màn hình để nhấn các phím theo thứ tự sau **[+100]-[8]-[2]-[4]-[ENTER]** và kế hoạch hoạt động sẽ được tạm thời dừng lại.
Để tiếp tục kế hoạch hoạt động hiện được tạm thời dừng lại, dùng bộ điều khiển từ xa để nhấn các phím theo thứ tự sau **[PRE-CH]-[8]-[2]-[4]-[ENTER]**.

Lịch trình OSD

Tùy chọn Power-On của chương trình trên máy chủ chỉ có tác dụng nếu màn hình đã hoàn toàn tắt nguồn. Vui lòng đảm bảo rằng bạn không sử dụng tùy chọn Power-On trong khi khởi động màn hình, vì điều này có thể gây lỗi hệ thống trên màn hình.



1. Đăng ký Library
2. Library List
3. Cửa sổ xem trước màn hình
4. Network
5. Thông tin tập tin
6. Trạng thái Power/Network On/Off hoặc Menu Chọn Hình
7. Công cụ Play Control
8. Đăng ký/Chỉnh sửa Schedule
9. Date
10. Kết nối các màn hình qua Network
11. Cửa sổ trường

❶ Đăng ký Library Up

Library là gì?

Thư viện bao gồm một tập hợp các tập tin có thể được phát lại từ một màn hình được nối với chương trình MagicNet. Màn hình chỉ có thể phát những tập tin có định dạng được hỗ trợ và được đăng ký trong library. Thư viện chỉ chấp nhận những tập tin có định dạng được hỗ trợ.

- Nhấn nútReg. Library" để chọn các tập tin có thể được đăng ký vào thư viện.
- Thư viện được thiết kế theo cách mà chỉ những tập tin có thể phát lại bởi một màn hình mới có thể đăng ký được. Những tập tin đã chọn sẽ được phân tích và kết quả sẽ được hiển thị.
- Những tập tin đã thêm vào thư viện trước tiên sẽ được tự động phân loại trong danh mục (❷) nh¬ư phim, âm nhạc, hình ảnh và các tập tin văn phòng, sau đó chúng sẽ được phân loại chi tiết hơn tùy theo loại tập tin.
- Cửa sổ Trường (⓫) sẽ hiển thị những tập tin đã đăng ký cùng với thông tin về chúng.

❷ Library List ▲Up

a

Những tập tin đã thêm vào thư viện trước tiên sẽ được tự động phân loại trong danh mục nh¬ư phim, âm nhạc, hình ảnh và các tập tin văn phòng, sau đó chúng sẽ được phân loại chi tiết hơn tùy theo thuộc tính của chúng.

- All file : Hiển thị tất cả tập tin đã được đăng ký trong thư viện.
- Video File : Được phân loại theo diễn viên (nữ diễn viên)
- Music File : Được phân loại theo nhạc sĩ và album nhạc
- Image File
- Office file : Được phân loại theo kiểu tập tin (PowerPoint, Excel, Word, PDF, HTML)

❸ Cửa sổ xem trước màn hình ▲Up

Cửa sổ này cũng được sử dụng để xem trước một tập tin (một đoạn phim hoặc tập tin hình ảnh) đã đăng ký trong danh mục thư viện (❷) và được chọn trong cửa sổ trường (⓫), hoặc để theo dõi một màn hình.

1. **Phát một tập tin đã đăng ký trong thư viện**
   Nhấp chọn một thể loại trong danh mục thư viện (❷), và những tập tin nằm trong thể loại đã chọn sẽ được hiển thị trong cửa sổ trường (⓫). Sau đó, nhấp hai lần vào một tập tin trong cửa sổ trường để phát tập tin đó. Trong khi phát, thông tin tập tin sẽ được hiển thị ở ❺. Chỉ có thể phát những tập tin nhạc, phim và hình ảnh. Đối với những tập tin văn phòng, chỉ có thông tin tập tin được hiển thị ở❺. Tuy nhiên, nếu đang trong quá trình theo dõi một màn hình, thông tin theo dõi sẽ được trình bày thay vào đó.

2. **Theo dõi màn hình được chọn (Xem trước)**

   Sau khi màn hình tương ứng được chọn theo số ❿ (tên màn hình sẽ được hiển thị trên vùng này ❹), nội dung màn hình do màn hình hiện được chọn phát sẽ được hiển thị.
   Màn hình sẽ phát các tập tin âm thanh, phim video và hiển thị nội dung các tập tin hình ảnh, trong khi chỉ hiển thị các thông tin về các tập tin văn phòng.
   (Trong trường hợp này, màn hình chỉ hiển thị các tập tin đăng ký trong thư viện trên máy chủ và chỉ hiển thị thông tin về các tập tin trên USB/vùng lưu trữ cục bộ của màn hình. Ngoài ra, khi nguồn tín hiệu ra của màn hình không thuộc quyền kiểm soát của MagicNet, màn hình sẽ hiển thị thông tin về các nguồn tín hiệu ra tương ứng.)

❹ Network ▲Up

Thanh trạng thái kế tên màn hình sẽ hiển thị trạng thái (lưu lượng) chung của mạng nối các màn hình đang vào máy chủ. Ví dụ, giả sử khả năng hệ thống mạng là 100 Mb và một bản mạch giao tiếp 100 Mb được cài đặt trong Server. Nếu không có lưu lượng nào khác chuyển tải trên mạng và với ba màn hình được kết nối, trong đó mỗi màn hình sử dụng 10 Mb lưu lượng, thanh tình trạng sẽ chỉ báo giá trị vào khoảng 30 %.

- Cấu hình Máy chủ PC: Khuyến nghị (CPU: 3GHz, RAM:512M, Ethernet: 100M)
- Cấu hình Mạng: Mạng nội bộ không kết nối từ bên ngoài
  - Bình thường: Băng thông Máy chủ PC: 50% ~ 60%
  - Tối đa: Băng thông Máy chủ PC: 90% hoặc hơn (không khuyến khích)
- Với cấu hình kết nối mạng LAN, số lượng thiết bị được kết nối có thể giảm tùy theo sự hiện hữu của các

mạng lân cận.

5 Thông tin tập tin Up

Vùng này sẽ hiển thị tên, ngày tháng tạo lập, kích thước và độ phân giải của tập tin hiện tại.

6 Trạng thái MagicNet/Network On/Off hoặc Menu Chọn Hình Up

Hiển thị trạng thái On và Off của nguồn và mạng.
Việc chọn tập tin hình ảnh sẽ làm thay đổi menu hình ảnh tương ứng.

Menu Hình ảnh Mở rộng



Slide	• Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện: Những tập tin hình ảnh đã đăng ký trong thư viện sẽ tuần tự hiển thị. • Khi thông tin theo dõi đang được phát theo một lịch trình: Hiển thị những hình ảnh đã đăng ký trong lịch trình • Khi theo dõi thông tin mà người theo dõi đang chọn và phát lại: Chức năng này sẽ bị vô hiệu hóa.
Previous	• Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện: Phát tập tin trước đó/kế tiếp trong danh mục thư viện. • Khi thông tin theo dõi đang được phát theo một lịch trình: Hiển thị tập tin trước đó. • Khi theo dõi thông tin mà người theo dõi đang chọn và phát lại: Chức năng này sẽ bị vô hiệu hóa.
Next	• Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện: Hiển thị tập tin kế tiếp. • Khi thông tin theo dõi đang được phát theo một lịch trình: Hiển thị tập tin kế tiếp. • Khi theo dõi thông tin mà người theo dõi đang chọn và phát lại: Chức năng này sẽ bị vô hiệu hóa.
Stop	• Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện: Ngưng trình chiếu. • Khi thông tin theo dõi đang được phát theo một lịch trình: Ngưng trình chiếu. • Khi theo dõi thông tin mà người theo dõi đang chọn và phát lại: Chức năng này sẽ bị vô hiệu hóa.
Full Screen	Phóng to/Cân chỉnh hình ảnh cho vừa vặn trên toàn màn hình. Nhấn hai lần trên màn hình để trở về kích thước hình ảnh ban đầu.

7 Công cụ Play Control Up

Chức năng điều khiển như phát, dừng, tập tin tiếp theo, tập tin tr¬ước đó và âm lượng khi phát lại một đoạn phim hoặc nhạc.

Play / Pause	• Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện: Phát lại các tập tin nhạc/phim đã đăng ký trong danh mục thư viện. • Khi thông tin theo dõi đang được phát theo một lịch trình: Phát các tập tin nhạc/phim đã đăng ký trong lịch trình. • Khi theo dõi thông tin mà người theo dõi đang chọn và phát lại: Chức năng này sẽ bị vô hiệu hóa.
Stop	• Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện: Ngưng phát lại tập tin nhạc/phim. • Khi thông tin theo dõi đang được phát theo một lịch trình: Chức năng này sẽ bị vô hiệu hóa. • Khi theo dõi thông tin mà người theo dõi đang chọn và phát lại: Chức năng này sẽ bị vô hiệu hóa.
Previous/Next	• Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện: Phát tập tin trước đó/kế tiếp trong danh mục thư viện. • Khi thông tin theo dõi đang được phát theo một lịch trình: Phát tập tin trước đó/kế tiếp trong danh mục lịch trình. • Khi theo dõi thông tin mà người theo dõi đang chọn và phát lại: Chức năng này sẽ bị vô hiệu hóa.
first/last 5 seconds	• Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện: Phát lại 5 giây đầu tiên/sau cùng của tập tin. • Khi thông tin theo dõi đang được phát theo một lịch trình: Phát lại 5 giây đầu tiên/sau cùng của tập tin. • Khi theo dõi thông tin mà người theo dõi đang chọn và phát lại: Chức năng này sẽ bị vô hiệu hóa.

8 Đăng ký/Chỉnh sửa Lịch trình Up

Cho phép bạn đăng ký trước các tập tin mà màn hình sẽ dùng để mở.

Menu Đăng ký Lịch trình

- **Thư viện : Đăng ký lịch trình qua thư viện**
  Trong số các tập tin trên máy chủ, bạn có thể đăng ký kế hoạch sử dụng các tập tin đã được thêm vào thư viện qua quá trình đăng ký.

  1. Khi chọn một tập tin trong số các tập tin đã được đăng ký hoặc chọn ngẫu nhiên một tập tin trong cửa sổ đăng ký kế hoạch hoạt động,
     tập tin này sẽ được chọn làm tập tin kế hoạch qua quá trình đăng ký vào thư viện.
  2. Khi chọn một tập tin hình ảnh làm tập tin lịch trình, bạn có thể thêm vào một trong số các tập tin nhạc sau để làm nhạc nền cho tập tin này. Nếu tập tin lịch trình không phải là tập tin hình ảnh, nút thêm/xóa nhạc nền sẽ không có tác dụng.

- **Lưu trữ (Vùng lưu trữ cục bộ/USB) : Đăng ký Lưu trữ (Vùng lưu trữ cục bộ/USB) cho Tập tin Lịch trình**
  Bạn có thể chọn tập tin trong vùng lưu trữ cục bộ của màn hình hoặc trên thiết bị USB đang kết nối vào màn hình để đăng ký các tập tin đã chọn vào lịch trình hoạt động.

  1. Trong danh sách màn hình, chọn màn hình sẽ dùng để đăng ký lịch trình.
     Nút thêm/xóa dành cho tập tin lịch trình chỉ có hiệu lực khi bạn chọn màn hình hiện đang kết nối vào máy chủ.
  2. Bạn có thể nhấn nút thêm thêm tập tin mới từ trên thiết bị lưu trữ cục bộ của màn hình hoặc từ thiết bị USB được kết nối vào màn hình. Trong trường hợp này, tập tin sẽ không qua quá trình đăng ký vào thư viện trên máy chủ.
  3. Khi chọn tập tin hình ảnh để làm tập tin kế hoạch, bạn có thể thêm nhạc nền vào.
     Khi tập tin kế hoạch không phải là tập tin hình ảnh, nút thêm/xóa nhạc nền sẽ không có tác dụng.

- **Nguồn tín hiệu vào/Nguồn điện : Đăng ký Lịch trình sử dụng Nguồn tín hiệu vào/Nguồn điện**
  Bạn có thể đăng ký nguồn tín hiệu vào hoặc chức năng Tắt Nguồn điện của màn hình qua kế

hoạch hoạt động.

1. Bạn có thể lên lịch trình thay đổi nguồn tín hiệu ra hoặc nguồn điện của màn hình.
2. Sau khi chọn được từ danh sách màn hình một màn hình dùng để đăng ký kế hoạch, chọn nguồn tín hiệu vào hoặc chức năng Tắt Nguồn điện trong phần Tùy chọn Nguồn tín hiệu vào/Nguồn điện.
3. Xác định thời gian hoạt động của kế hoạch và nhấn nút xác nhận.
   Máy sẽ đổi sang nguồn tín hiệu ra đã đăng ký vào thời điểm bắt đầu của kế hoạch hoạt động,
   và sau đó sẽ quay lại đúng màn hình Menu MagicNet khi lịch trình kết thúc.

1. **Chọn Màn hình**
   Bạn có thể chọn ra trong số các màn hình đang kết nối qua mạng một màn hình nhất định hoặc tất cả màn hình dùng để thêm kế hoạch hoạt động vào.

2. **Thêm/Xóa Tập tin trong Lịch trình**
   Bạn có thể chọn, thêm hoặc xóa tập tin sẽ được bổ sung vào lịch trình.

3. **Thêm/Xóa Nhạc Nền**
   Chỉ sử dụng được khi dùng các tập tin hình ảnh.
   Chọn một tập tin âm thanh dùng để làm nhạc nền trước khi xem tập tin hình ảnh đã đăng ký theo lịch trình.

4. **Lịch trình**
   - **Thời gian Khởi động**
     Đây chính là thời điểm lịch trình hoạt động sẽ bắt đầu, bạn có thể nhập vào theo dạng năm/tháng/ngày/giờ/phút.
     Bạn cũng có thể chỉnh thời điểm bắt đầu kế hoạch hoạt động trong thời gian 7 ngày kể từ ngày hiện tại,
     tuy nhiên bạn không thể chỉnh một thời điểm sau 7 ngày kể từ thời điểm hiện tại.

   - **Tổng Thời gian Hoạt động**
     Thời lượng tổng cộng sẽ dùng cho lịch trình hoạt động

   - **Chức năng Lặp lại**

     - Để lặp lại kế hoạch hoạt động sau một khoảng thời gian tính theo ngày/tuần/tháng,
       chọn khoảng thời gian chờ để lặp lại và ngày để kết thúc việc lặp lại kế hoạch.
       Bạn có thể chọn ngày trong khoảng thời gian 1 năm, tính từ ngày hiện tại, để làm ngày kết thúc việc lặp lại này.

     - Nếu bạn không chọn tùy chọn lặp lại hoặc không chọn ngày kết thúc chức năng lặp lại này,
       lịch trình sẽ được mặc định lặp lại một lần.

5. **Tùy chọn**
   - **Chèn vào giữa các Lịch trình Hiện tại**
     Điều này có nghĩa là bạn có thể chèn thêm lịch trình mới vào mà không làm ảnh hưởng đến toàn bộ thời gian hoạt động của các lịch trình hiện có. Nếu bạn chèn lịch trình mới vào,
     bắt buộc phải dựa vào thời điểm kết thúc của một lịch trình hiện có, thời điểm bắt đầu do người sử dụng chọn sẽ bị bỏ qua,
     và thời điểm bắt đầu này sẽ được đổi sang thời điểm kết thúc của lịch trình hiện có. Khi một lịch trình mới được bổ sung vào dựa trên thời điểm bắt đầu của một lịch trình hiện có khác,
     thời điểm bắt đầu của lịch trình hiện có này sẽ được đổi sang thời điểm sau thời điểm kết thúc của lịch trình mới.

   - **Bỏ qua/Ghi đè lên Lịch trình Hiện tại**
     Các lịch trình hiện có sẽ bị bỏ qua và lịch trình mới của người sử dụng sẽ ghi đè lên theo thời gian đã định.
     Nếu lịch trình mới chồng chéo với lịch trình hiện có, thời gian của lịch trình hiện có này có thể bị thay đổi hay thậm chí có thể bị xóa,
     vì chúng bị lịch trình mới ghi đè lên.

9 Date Up

Hiển thị các lịch trình đã được đăng ký trong cửa sổ Trường (11), có ngày tháng sau ngày hôm nay (

⑨).

● ●

⑩ Kết nối các Màn hình qua Mạng ▲Up

Danh sách tên các màn hình đã đăng ký qua mạng.
Khi màn hình được kết nối vào mạng, màu nền của màn hình sẽ chuyển sang màu xanh-vàng.

- **Tự động kết nối lại với máy chủ khác**

  1. Khi chọn trong danh sách màn hình một màn hình hiện đang kết nối vào máy chủ và nhấp chuột phải vào, bạn sẽ thấy mục 'Tự động kết nối lại với máy chủ khác'.

  2. Sau khi chọn 'Tự động kết nối lại với máy chủ khác', vùng ở trước mục menu này sẽ được đánh dấu chọn,
     và cũng sẽ được đánh dấu chọn trong tùy chọn Cài đặt --> 'Tự động kết nối lại với máy chủ khác' của phần Cài đặt Mạng trên màn hình.

  3. Việc chọn menu này sẽ cho phép màn hình tìm máy chủ khác và kết nối vào máy chủ được tìm thấy khi màn hình chưa kết nối vào máy chủ có tên được xác định trong quá trình Cài đặt.
     Chẳng hạn như hiện có hai máy chủ tên là S1 và S2 và có một màn hình có tên C hiện đang kết nối vào máy chủ S1. Khi việc kết nối vào S1 dừng lại hoặc không có tác dụng, màn hình C sẽ tự động kết nối vào máy chủ S2.

- **Cài đặt Mật khẩu Người sử dụng**

  1. Khi chọn trong danh sách màn hình một màn hình hiện đang kết nối vào máy chủ và nhấp chuột phải vào,
     bạn sẽ thấy mục 'Cài đặt Mật khẩu Người sử dụng'.

  2. Sau khi chọn 'Cài đặt Mật khẩu Người sử dụng', vùng ở trước mục menu này sẽ được đánh dấu chọn,
     và cũng sẽ được đánh dấu chọn trong tùy chọn Cài đặt --> 'Cài đặt Mật khẩu Người sử dụng' của phần Cài đặt Mạng trên màn hình.

  3. Điều này nhằm tránh người sử dụng tùy nghi sử dụng MagicNet.
     Nếu bạn chọn tùy chọn này, máy sẽ yêu cầu bạn nhập mật khẩu của bạn để truy cập vào các menu của MagicNet (Mạng, Hình ảnh/Phim/Âm nhạc/Văn phòng v.v⋯ của thiết bị).

- **Cập nhật**

  1. Khi chọn trong danh sách màn hình một màn hình hiện đang kết nối vào máy chủ và nhấp chuột phải vào,
     bạn sẽ thấy mục 'Cập nhật' trên menu.
     Mục này sẽ cho phép bạn cập nhật MagicNet (Tên tập tin: NK.bin) trên màn hình.

  2. Mục này sẽ không hoạt động đối với các màn hình không kết nối vào máy chủ.

  3. Nếu bạn chọn mục Cập nhật, một cửa sổ sẽ xuất hiện. Tìm đường dẫn đến tập tin NK.bin, chọn tập tin này và nhấp vào nút Cập nhật.
     Quá trình cập nhật sẽ gồm hai bước:
     Tải về (Lưu tập tin cập nhật vào màn hình) --> Cập nhật (Cài đặt MagicNet)

  4. Bạn có thể hủy chức năng này trong quá trình tải về, nhưng không thể hủy trong quá trình cập nhật.

  5. Sau khi đã hoàn tất việc cập nhật, màn hình sẽ tự khởi động lại.

  6. Nếu bạn thử cập nhật bằng một tập tin khác, màn hình sẽ hiển thị thông báo cảnh báo, và quá trình cập nhật sẽ không được thực hiện.

  7. Vui lòng đảm bảo rằng nguồn điện của màn hình không bị tắt trong quá trình cập nhật sau khi đã kết thúc giai đoạn tải về.
     Ngoài ra, nếu nguồn tín hiệu ra là máy tính, vui lòng tắt chức năng 'tắt màn hình' trong các tùy chọn kiểm soát điện năng của máy tính được kết nối trong suốt quá trình cập nhật.
     MagicNet không hoạt động bình thường.

Nếu điện bị tắt trong khi đang cập nhật, hãy liên hệ Trung tâm Dịch vụ Hậu mãi của chúng tôi.

- **Kiểm tra Lịch trình**

  1. **Chọn Tất cả Màn hình:**
     Kiểm tra tất cả các kế hoạch hoạt động của các màn hình đã đăng ký hiện có trong vùng (⓫).
     Nhấp chuột phải để BẬT hoặc TẮT nguồn điện hoặc để xóa vùng.
     Ngoài ra, bạn cũng có thể đổi tên của các màn hình.

  2. **Chọn Màn hình:**
     Các lịch trình của màn hình tương hình sẽ được xếp theo thứ tự.

- **Đổi tên**
  Gõ tên mới và nhấp xác nhận. Tên mới sẽ được máy lưu lại.

⓫ Cửa sổ trường Up

Hiển thị trạng thái của một tập tin.

- Khi chọn ALL l Monitor trong Lịch trình, bạn có thể xem tất cả lịch trình đã được đăng ký cho từng màn hình.
- điều chỉnh thời gian bằng cách nhấp chuột hai lần vào lịch trình.

1. Khi trường All | Monitor được chọn trong danh mục màn hình (❽), các lịch trình sẽ không được trình bày trong danh mục, thay vào đó là những hình ảnh của một kiểu hộp. Lịch trình của tất cả màn hình trong danh mục màn hình sẽ được trình bày ở đây. Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng cách nhấp đôi vào lịch trình kiểu hộp, kéo và thả một lịch trình để di chuyển nó đến một vị trí khác, hoặc cắt, xóa và dán một lịch trình bằng cách sử dụng các menu hiển thị khi nhấp nút chuột phải.

2. Khi bạn nhấp chọn vào một màn hình trong danh mục màn hình (❽), các lịch trình của màn hình đó sẽ được hiển thị trong danh mục. Nhấp phím chuột phải lên danh mục lịch trình để hiển thị một menu ngữ cảnh, cho phép bạn sao chép, xóa hoặc chỉnh sửa menu đó. Bằng cách sử dụng menu Edit hảo, bạn có thể thay đổi tập tin và thời gian được chọn. Bằng cách dụng menu Copy, bạn có thể chọn một màn hình để sao chép.

Hiệu chỉnh MDC

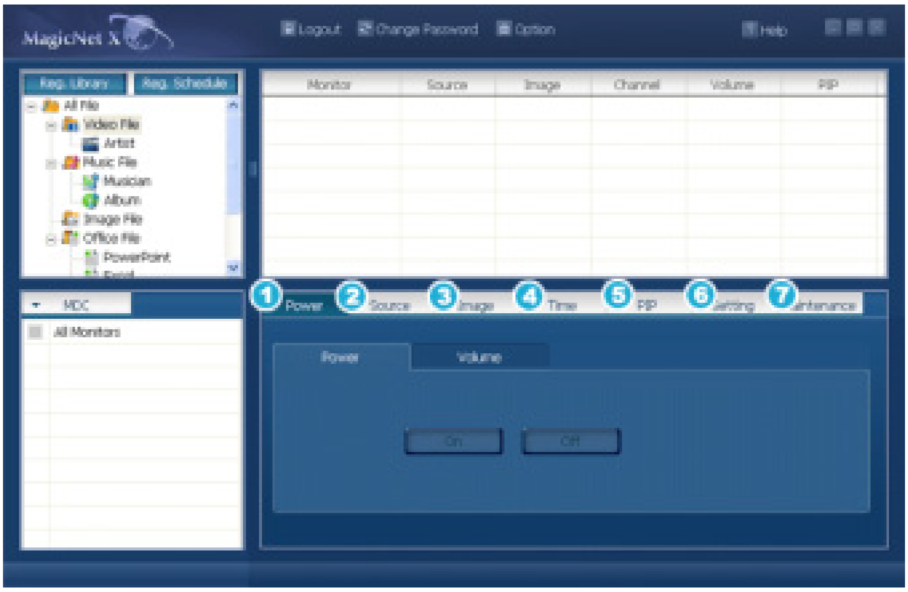
Điều khiển Nhiều Màn hình (MDC) một chức năng cho phép dễ dàng điều khiển nhiều màn hình qua cùng một máy tính.
MDC sẽ kiểm tra và điều khiển trạng thái của các màn hình được kết nối qua mạng theo phương thức thông thường.

Cách Điều khiển

1. Khi chọn chức năng MDC trong cửa sổ danh sách màn hình, cửa sổ theo dõi và cửa sổ kế hoạch sẽ đổi sang cửa sổ hiển thị trạng thái màn hình
   và cửa sổ điều khiển tương ứng.
2. Trước hết, chọn màn hình để áp dụng trong cửa sổ danh sách màn hình khách.
3. Nếu bạn chọn Tất cả Màn hình, tất cả các màn hình sẽ được chọn.
4. Nếu bạn thử dùng các chức năng chi tiết từ máy không chọn màn hình trước, máy sẽ hiển thị thông báo cảnh báo.
5. Sau khi chọn màn hình, nhấp vào từng thẻ MDC để dùng các chức năng chi tiết.
   Trong trường hợp này, khi bạn không thể hiệu chỉnh các các menu đang hoạt động dùng cho nguồn tín hiệu ra, thông báo cảnh báo 'Không thể hiệu chỉnh' sẽ xuất hiện. Ngoài ra, khi đang dùng các menu có thể hiệu chỉnh, các giá trị được chọn sẽ được áp dụng cho màn hình này và các kết quả sẽ được dùng cho cửa sổ trạng thái MDC.
   Nếu không dùng cho màn hình này, các giá trị cũng sẽ không được dùng cho cửa sổ trạng thái MDC.

Các chức năng MDC chỉ đáp ứng các thông số kỹ thuật dành cho việc vận hành màn hình.

MDC OSD



❶ Nguồn điện

❷ Nguồn

❸ Hình ảnh

4 Thời gian

5 PIP

6 Thông số cài đặt

7 Bảo trì

1 Nguồn điện Up

Chọn BẬT/TẮT Nguồn điện.

- BẬT
- TẮT

Khi thay đổi âm lượng, các chi tiết bị thay đổi sẽ hiển thị trong cửa sổ OSD trên màn hình.

- 0 ~ 100

2 Nguồn Up

Trong nguồn tín hiệu, nguồn tín hiệu ra của màn hình cũng sẽ thay đổi.
Nếu bạn chọn nguồn tín hiệu ra sau đây, màn hình sẽ tự đổi sang nguồn tín hiệu ra tương ứng.
Nếu thiết bị tương ứng chưa kết nối với màn hình, màn hình sẽ hiển thị thông báo 'Yêu cầu kết nối'.

- PC
- BNC
- DVI
- AV
- S-Video
- Tổ hợp
- MagicNet

3 Hình ảnh Up

1. **Kích thước Hình ảnh**
   Kích thước của màn hình ra hiện thời cùng các nguồn tín hiệu ra khác, ngoại trừ nguồn tín hiệu máy tính, đều có thể điều chỉnh được. Khi chọn menu bên dưới,
   màn hình sẽ đổi sang kích thước đã chọn.

- 16:9
- Ảnh tồn cảnh
- Độ phóng1
- Độ phóng2
- 4:3

2. **Kích thước Hình ảnh Máy tính**
   Điều chỉnh kích thước màn hình của nguồn tín hiệu máy tính.
   Khi bạn thử thay đổi kích thước của nguồn tín hiệu vào không thể điều chỉnh, màn hình sẽ hiển thị một thông báo cảnh báo.

- 16:9
- 4:3

❹ Thời gian ▲Up

1. **Thời gian Hiện tại**
   Xác định thời gian chuẩn cho màn hình.
   Chọn thời gian theo Giờ, Phút và AM/PM và nhấp vào nút Áp dụng.
   Thời gian chuẩn hiện tại của màn hình sẽ được xác định.
   Để kích hoạt chức năng Giờ Bật/Tắt máy vào thời điểm đã định,
   bạn phải xác định Thời gian Hiện tại.

- Giờ
- Phút
- AM/PM

2. **Định giờ Mở**
   Chọn thời gian, nguồn tín hiệu ra và âm lượng, và nhấp vào nút Áp dụng. Màn hình sẽ tự bật và sử dụng âm lượng và nguồn tín hiệu được xác định vào thời điểm đã xác định.
   Khi tùy chọn Kích hoạt đang ở trạng thái TẮT, chức năng Định giờ MỞ máy sẽ không hoạt động.

- Giờ
- Phút
- AM/PM
- Kích hoạt
- Nguồn
- Âm lượng

3. **Định Giờ Tắt**
   Chọn thời gian và nhấp vào nút Áp dụng. Màn hình sẽ tắt vào thời điểm đã xác định.
   Khi tùy chọn Kích hoạt đang ở trạng thái TẮT, chức năng Định giờ Tắt máy sẽ không hoạt động.

- Giờ
- Phút
- AM/PM
- Kích hoạt

❺ PIP ▲Up

1. **Kích thước**
   Chọn một kích thước. (Để chọn kích thước sử dụng chức năng ʽBẬTʼ)

2. **Nguồn tín hiệu**
   Khi chọn nguồn tín hiệu dùng cho nguồn tín hiệu ra PIP, nguồn tương ứng sẽ được dùng cho PIP.
   Nếu bạn thử thay đổi nguồn tín hiệu khi không thể dùng PIP hoặc việc kết hợp mục Chính/Phụ không tương thích,
   màn hình sẽ hiển thị một thông báo cảnh báo.

❻ Thông số cài đặt ▲Up

1. **Hình ảnh**
   Khi các nguồn tín hiệu vào không phải là nguồn tín hiệu máy tính,
   hãy điều chỉnh Độ tương phản, Độ sáng, Độ sắc nét, Màu sắc, Sắc thái và Tông Màu của màn hình.

- Độ tương phản
- Độ sáng
- Độ sắc nét
- Màu sắc
- Sắc thái
- Tông Màu

2. **Hình ảnh của PC**
   Khi các nguồn tín hiệu ra là nguồn tín hiệu máy tính,
   hãy điều chỉnh Độ tương phản, Độ sáng, Độ sắc nét, Màu sắc, Sắc thái và Tông màu của màn hình.

- Độ tương phản
- Độ sáng
- Đỏ
- Xanh lá cây
- Xanh dương

3. **Âm thanh**
   Điều chỉnh Âm trầm, Âm cao và Độ cân bằng âm thanh, và chỉnh mục Chính/Phụ cho Chỉnh Âm thanh của
   các chức năng BẬT/TẮT Dolby Virtual, BẬT/TẮT BBE và PIP.
   Trong quá trình điều chỉnh, các thay đổi sẽ được hiển thị dưới dạng các OSD trên màn hình.

- Âm trầm
- Âm cao
- Độ cân bằng âm thanh
- Dolby Virtual
- BBE
- Chọn Âm thanh

4. **Điều chỉnh Khóa Hình ảnh**
   Ảnh thô, Ảnh mịn và chọn Vị trí.

- Ảnh thô
- Ảnh mịn
- Vị trí
- Điều chỉnh Tự động

Bảo trì Up

1. **Điều khiển Đèn hình**
   Bạn có thể kiểm soát cường độ ánh sáng của đèn hình.
   (Có thể dùng chức năng Chỉnh tự động/Chỉnh thủ công. Khi đang dùng chức năng Chỉnh tự động, chức năng Chỉnh thủ công sẽ tắt; khi dùng chức năng Chỉnh thủ công, chức năng Chỉnh tự động sẽ tắt.)
   Khi ở chế độ Chỉnh tự động, đèn sẽ được điều chỉnh sang giá trị đã được cài trước đó vào thời điểm đã định.
   Trong chế độ Chỉnh thủ công, giá trị trước vẫn được giữ lại.

- Chỉnh tự động
- Giờ
- Phút
- AM/PM
- Giá trị

- Chỉnh thủ công

2. **Cuộn**
   Chức năng này sẽ ngăn chặn việc thay đổi trạng thái màn hình khi màn hình không thay đổi.
   Nếu bạn chọn Thời gian và Thời lượng và nhấn nút Áp dụng, màn hình

sẽ cuộn xuống với tốc độ theo thời gian được xác định trước đó trong phần Thời lượng.
Ví dụ, đối với Thời lượng 1, Thời gian 5, màn hình sẽ được tái hiện mỗi giờ với tốc độ là 5 giây.

- Thời lượng
- Thời gian

3. **Bức tường Phim video**
   Chức năng này cho phép bạn sử dụng nhiều màn hình cho cùng một màn hình hiển thị.
   Trước tiên, bạn chọn nút dùng để xác định số màn hình sẽ sử dụng và vị trí phân bố của chúng.
   Các số liệu vị trí sẽ xuất hiện dưới dạng nút cho bạn chọn ở bên cạnh.

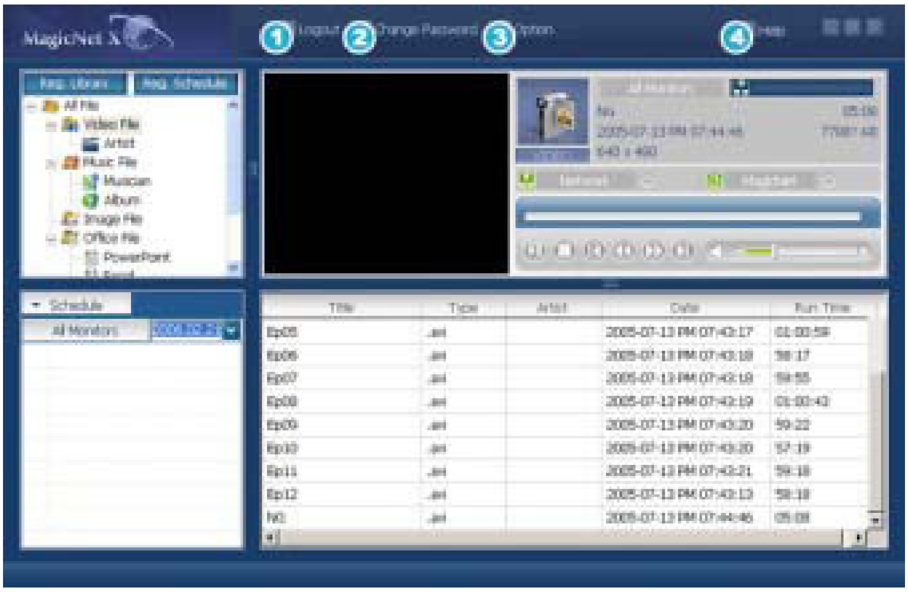
   Ví dụ như, khi bạn chọn 2*2, các nút bạn có thể chọn sẽ hiển thị dưới dạng 2 hàng và 2 cột, và nếu bạn chọn số 3 trong ma trận này, màn hình thứ ba trong số 4 màn hình được chia ra hiển thị trên màn hình sẽ xuất hiện.

   - Samsung cung cấp chương trình MDC để hỗ trợ Hiển thị lên đến 4x4 màn hình LCD.

- 2*2
- 3*3
- 4*4
- 1*5
- 5*1
- TẮT

- Định dạng

Menu Trên



❶ Đăng nhập / Thoát

❷ Đổi Mật khẩu

❸ Tùy chọn

❹ Trợ giúp

❶ Đăng nhập / Thoát Up

Trước khi sử dụng MagicNet, bạn cần phải đăng nhập vào hệ thống.
Sau khi đăng nhập thành công, nút Đăng nhập sẽ đổi thành nút Thoát. Bạn cần phải đăng nhập để sử dụng nhiều chức năng của chương trình.
Khi bạn cài đặt MagicNet lần đầu tiên, máy sẽ cấp tài khoản quản trị viên dựa trên mật khẩu mà người sử dụng đã nhập vào.
Khi bạn thêm vào một tài khoản mới, bạn có thể chọn một trong ba loại tài khoản và loại tài khoản được chọn sẽ xác định phạm vi sử dụng MagicNet. Bạn có thể hiệu chỉnh hoặc xóa các tài khoản của người sử dụng hiện tại cũng như thêm những người sử dụng mới.

Loại Tài khoản	Phạm vi
Nhà quản trị	Bạn được quyền sử dụng tất cả các chức năng của MagicNet.
Người sử dụng Nguồn điện	Bạn không được phép sử dụng menu Tùy chọn và chức năng Cập nhật của MagicNet.
Nhà điều hành	Bạn không được quyền nhấp chuột phải trong phần Đăng ký Thư viện, menu Tùy chọn, MDC và Danh sách Màn hình trong số các chức năng của MagicNet.

- Tên Người sử dụng
- Mật khẩu

Đổi Mật khẩu

Bạn có thể thay đổi mật khẩu của bạn trong phần trạng thái đăng nhập.
Nhập đúng mật khẩu của bạn trước khi đăng nhập.
Máy sẽ nhắc bạn nhập mật khẩu để cài đặt MagicNet và mật khẩu này sẽ được dùng làm mật khẩu mặc định cho tài khoản quản trị viên. Trong trường hợp quên mật khẩu, hãy gỡ bỏ chương trình và cài đặt lại.

- Mật khẩu Cũ
- Mật khẩu Mới
- Xác nhận Mật khẩu

Option

1. **Server Name**
   Tên máy chủ trong phần Tùy chọn, bạn có thể xác định tên máy chủ để làm thông tin khi kết nối. Các máy chủ và màn hình sẽ được kết nối qua mạng và đều sử dụng tên riêng để nhận dạng lẫn nhau. Đối với trường hợp kết nối thông thường, tên máy chủ giữa máy chủ và màn hình phải trùng nhau. Nói cách khác, nếu tên của máy chủ là MagicNet, thì chỉ có các màn hình có tên máy chủ được đặt là "MagicNet" mới có thể kết nối vào máy chủ này và nhận kế hoạch hoạt động. Nếu không có máy chủ nào có tên như đã đặt trên màn hình, màn hình sẽ đợi đến khi có máy chủ có tên phù hợp với tên này xuất hiện. Tuy nhiên, khi chức năng kết nối tự động đang ở trạng thái BẬT, máy sẽ thử kết nối vào bất kỳ máy chủ nào và sẽ kết nối vào máy chủ nào có tín hiệu trả lời trước.

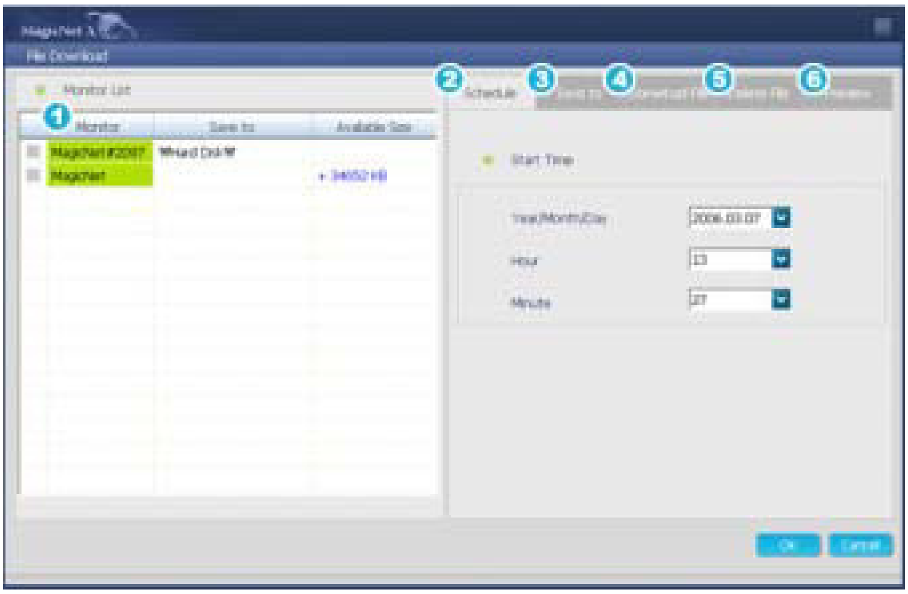
- Server Name

2. **User Account**
   Khi bạn cài đặt MagicNet lần đầu tiên, máy sẽ cung cấp tài khoản quản trị viên dựa trên mật khẩu mà người sử dụng đã nhập vào. Khi bạn thêm vào một tài khoản mới, chọn một trong ba loại tài khoản và loại tài khoản được chọn sẽ xác định phạm vi sử dụng MagicNet. Bạn có thể hiệu chỉnh hoặc xóa các tài khoản của người sử dụng hiện tại cũng như thêm những người sử dụng mới.

Loại Tài khoản	Phạm vi
Administrator	Bạn được quyền sử dụng tất cả các chức năng của MagicNet.
Power User	Bạn không được phép sử dụng menu Tùy chọn và chức năng Cập nhật trong các chức năng của MagicNet.
Operator	Bạn không được quyền nhấp chuột phải trong phần Đăng ký Thư viện, menu Tùy chọn, MDC và Danh sách Màn hình trong số các chức năng của MagicNet.

- Create
- Modify
- Delete

3. **File Download**



Nếu màn hình bị tắt vào thời gian tải đã lập lịch trình, hệ thống sẽ cố gắng kích hoạt màn hình và bắt đầu tải về nếu như màn hình được mở lại trong vòng 3 phút. Nếu không, việc tải về sẽ bị hủy bỏ.

1) Hiển thị một danh sách các thông số để tải các tập tin đến màn hình hay để xóa các tập tin.
   (Hiển thị danh sách màn hình hiện được kết nối.)
2) Cho phép cài đặt thời gian tải các tập tin đến màn hình hay xóa các tập tin.
3) Cho phép chỉ định một thiết bị và thư mục để lưu các tập tin được tải về.
4) Cho phép chọn các tập tin từ một máy chủ mà muốn tải về màn hình của mình.
5) Cho phép chọn các tập tin muốn xóa khỏi màn hình của mình.
6) Cho phép xác nhận và thay đổi các tập tin được chọn để tải về và xóa.

4. **Network Device**
   You can select a network device connected to the monitor. This is useful, especially if there are multiple devices running on the PC.

- Có thể chọn thiết bị mạng để kết nối với màn hình. Tính năng này rất hữu ích, đặc biệt là khi nhiều thiết bị cùng chạy trên máy PC.

5. **Có thể cập nhật nhiều màn hình cùng lúc. Tính năng này rất hữu ích khi cần cập nhật nhiều màn hình cùng lúc. Khi chọn tập tin để cập nhật và cập nhật tập tin tiện ích (NK.bin) và nhấp vào Update (Cập nhật), quá trình cập nhật sẽ được thực hiện theo hai bước. Download (Tải về) (lưu trữ tập tin cập nhật trên màn hình) → Update (Cập nhật) (cài đặt MagicNet). Sau khi hoàn tất, màn hình sẽ tự khởi động lại. Nếu tìm thấy lỗi (tập tin sai) trong quá trình này, thông báo cảnh báo sẽ xuất hiện và quá trình cập nhật sẽ dừng lại. Sau khi tải về xong, hãy đảm bảo rằng màn hình phải được mở trong suốt quá trình cập nhật. Và nếu nguồn tín hiệu ra của màn hình là một máy PC, hãy đảm bảo chức năng tắt màn hình, nếu có, trên máy PC hiện không được kích hoạt. Nếu không MagicNet sẽ không hoạt động đúng. Nếu màn hình bị tắt trong quá trình cập nhật, hãy liên hệ với dịch vụ khách hàng của chúng tôi.**

- Choose a monitor and file to update.

6. **Monitor Model**
   Nếu màn hình kết nối vào máy chủ được thay đổi sang SyncMaster 400Pn/460Pn hoặc một kiểu tích hợp (kiểu kết hợp), máy chủ sẽ phải được điều chỉnh cho tương ứng với kiểu màn hình này. Hãy lưu ý các dạng tập tin được hỗ trợ, chức năng MDC và các chức năng liên quan đến tin nhắn có thể khác nhau, tùy theo kiểu màn hình được chọn.

- SyncMaster 400Pn/460Pn
- SyncMaster 711ND
- SyncMaster 400TXn
- Combination

7. **Save Schedule**
   Allows you to save all the schedules registered on all monitors to a server database.
   If you shutdown and run the server again, the saved schedules will be imported.

Điều khiển Từ xa

PHOTO

Các định dạng tập tin được hỗ trợ
PHOTO : JPG, BMP

Điều khiển từ xa

- Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện



◀◀	Tập tin trước
■	Ngừng trình chiếu / xem thanh menu dưới
▶II	Slideshow
▶▶	Tập tin kế tiếp

MUSIC

Các định dạng tập tin được hỗ trợ
MUSIC : MP3, AC3

Điều khiển từ xa

- Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện



▶II	Xem tập tin tại vị trí của con trỏ Phát/Tạm ngưng trong khi đang phát lại
■	Ngưng phát
◀◀	Phát trong 5 giây
▶▶	Phát sớm hơn 5 giây
	Chuyển về đầu (khi con trỏ được đặt ở phía trên cùng, nó sẽ chỉ trở về tập tin sau cùng của trang trước)
	Chuyển xuống cuối (khi con trỏ được đặt ở dưới cùng, nó sẽ di chuyển đến tập tin đầu tiên của trang tiếp theo)
	Chuyển sang trang kế tiếp (khi trang hiện hành là trang đầu tiên, nó sẽ di chuyển đến trang cuối

	cùng)
	Chuyển sang trang trước đó (khi trang hiện hành là trang sau cùng, nó sẽ di chuyển đến trang đầu tiên)
	Xem tập tin tại vị trí của con trỏ Phát

MOVIE

Các định dạng tập tin được hỗ trợ

MOVIE : MPEG1, WMV

Điều khiển từ xa

- Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện



	Chuyển về đầu (khi con trỏ được đặt ở phía trên cùng, nó sẽ chỉ trở về tập tin sau cùng của trang trước)
	Chuyển xuống cuối (khi con trỏ được đặt ở dưới cùng, nó sẽ di chuyển đến tập tin đầu tiên của trang tiếp theo)
	Chuyển sang trang kế tiếp (khi trang hiện hành là trang đầu tiên, nó sẽ di chuyển đến trang cuối cùng)
	Chuyển sang trang trước đó (khi trang hiện hành là trang sau cùng, nó sẽ di chuyển đến trang đầu tiên)
	Xem tập tin tại vị trí của con trỏ Phát

- Play



►II	Phát/Tạm ngưng trong khi đang phát lại
■	Ngưng phát
◄◄	Phát sớm hơn 5 giây
►►	Phát trong 5 giây

OFFICE

Các định dạng tập tin được hỗ trợ

Office : Power MS Office(Word, Excel, Power Point), HTML, PDF

* Cài đặt chương trình xem phù hợp (phần mềm miễn phí) để xem các tài liệu dạng MS Office (Word, Excel, Power Point) hay dạng PDF.

Điều khiển từ xa

- Khi các tập tin được chọn trong danh mục thư viện

	Chuyển về đầu (khi con trỏ được đặt ở phía trên cùng, nó sẽ chỉ trở về tập tin sau cùng của trang trước)
	Chuyển xuống cuối (khi con trỏ được đặt ở dưới cùng, nó sẽ di chuyển đến tập tin đầu tiên của



	trang tiếp theo)
	Chuyển sang trang kế tiếp (khi trang hiện hành là trang đầu tiên, nó sẽ di chuyển đến trang cuối cùng)
	Chuyển sang trang trước đó (khi trang hiện hành là trang sau cùng, nó sẽ di chuyển đến trang đầu tiên)
	Xem tập tin tại vị trí của con trỏ

- PDF



	Chuyển về đầu
	Chuyển xuống cuối
	Chuyển sang trang kế tiếp
	Chuyển sang trang trước đó
EXIT	Thoát khỏi PDF

- Excel



	Chuyển lên một ô
	Chuyển xuống một ô
	Chuyển sang ô bên trái
	Chuyển sang ô bên phải
	Chuyển sang trang kế tiếp
	Chuyển sang trang trước đó
	Chuyển sang bảng tính bên phải
	Chuyển sang bảng tính bên trái
EXIT	Thoát khỏi Excel

- Hiện trạng Bình thường của Power point

	Chuyển về đầu
	Chuyển sang trang trước đó
	Chuyển sang trang kế tiếp
	Chuyển sang trang trước đó
	Slideshow



EXIT	Thoát khỏi Power point

- Power point Slideshow



■	Ngừng trình chiếu
	Chuyển về đầu
	Chuyển xuống cuối
	Chuyển sang trang kế tiếp
	Chuyển sang trang trước đó
EXIT	Thoát khỏi Power point

- Word



	Chuyển về đầu
	Chuyển xuống cuối
	Chuyển sang trang kế tiếp
	Chuyển sang trang trước đó
EXIT	Thoát khỏi Word

- Html



	Chuyển về đầu
	Chuyển xuống cuối
	Chuyển sang trang kế tiếp
	Chuyển sang trang trước đó
EXIT	Thoát khỏi Html

- Ineternet



Nút	Chức năng
	Di chuyển con trỏ lên
	Di chuyển con trỏ xuống
	Di chuyển con trỏ sang trái
	Di chuyển con trỏ sang phải
	Nhấp chuột khi nó được đặt trên một địa chỉ liên kết (để di chuyển đến địa chỉ liên kết đó)
	Thoát khỏi the Internet

Giải quyết Sự cố

Trong chế độ Xem trước, bạn chỉ có thể xem thông tin tập tin, không xem được hình ảnh.

Các tập tin của ứng dụng văn phịng sẽ khơng hiển thị. Kiểm tra định dạng tập tin.
Khi máy chủ khơng cĩ sẵn phần giải mã codec, khơng cĩ tập tin nào được hiển thị. Kiểm tra mã codec trước.
các tập tin MPEG2, AC3 thường chỉ phát được khi server cĩ cài đặt sẵn phần giải mã codec t¬ương ứng. Vui lịng cài đặt phần giải mã codec t¬ương ứng.

cĩ thể xảy ra xung đột giữa các codec một khi cĩ nhiều loại codec được cài đặt trong máy PC, sẽ dẫn đến ch¬ương trình bị lỗi. Mặt khác cài đặt khơng đầy đủ codec cĩ thể dẫn đến sai lệch trong khi thực thi chương trình hoặc lỗi khi phát lại tập tin.

Ở màn hình Preview, ch¬ương trình sẽ khơng hoạt động

khi bạn phát một đoạn phim hoặc tập tin nhạc trong màn hình Preview, ứng dụng sẽ khơng hoạt động và ngừng lại, hãy kiểm tra xem codec tương ứng với tập tin đã cĩ chưa. Lưu ý cĩ thể xảy ra xung đột giữa các codec một khi cĩ nhiều loại codec được cài đặt trong máy PC, sẽ làm chương trình bị lỗi. Mặt khác, việc khơng hồn tất quá trình cài đặt codec cĩ thể dẫn đến sai lệch trong khi thực thi chương trình hoặc lỗi khi phát lại tập tin.

Khi lịch trình không hoạt động vào đúng thời gian dự kiến:

Vui lòng kiểm tra trạng thái chương trình MagicNet của màn hình và của mạng.
Ngoài ra, vui lòng kiểm tra lại xem chức năng tạm dừng lịch trình của màn hình có đang bật hay không.
Các lịch trình chỉ hoạt động khi chương trình MagicNet và Mạng đang ở trạng thái BẬT, và không hoạt động khi lịch trình của màn hình bị tạm dừng. mạng là On.

Khi nguồn bị tắt và bật trở lại hoặc mạng bị mất kết nối và được kết nối lại, lịch trình hiện tại sẽ trở về điểm khởi đầu.à On.

Khi biểu tượng màn hình hiển thị bằng màu xanh da trời mà khơng phải là màu xanh lục (hoạt động bình th¬ường)

Điều này cĩ thể xảy ra khi cấu hình mạng bình thường nhưng kết nối giữa server và màn hình khơng đúng. Điều này cĩ thể xảy ra khi màn hình được nối với một server khác, khơng phải là server t¬ương ứng hoặc tình trạng mạng khơng bình thường.
Vui lịng kiểm tra kết nối mạng của màn hình.

Mật khẩu/Đăng nhập

Mật khẩu được người sử dụng nhập vào khi cài đặt MagicNet sẽ trở thành mật khẩu mặc định của tài khoản quản trị viên.

Nếu bạn quên mật khẩu của bạn, vui lòng xóa chương trình và cài đặt lại.

Gỡ bỏ ứng dụng

Bạn có thể xóa MagicNet bằng các Tùy chọn Cài đặt/Gỡ cài đặt trong các Chương trình của Windows hoặc dùng menu xóa chương trình hiện có khi cài đặt chương trình này.

Để xóa MagicNet, bạn hãy thực hiện các bước sau.

1. Chọn [**Start**]->[**Settings**]->[**Control Panel**].
2. Đối với Windows XP, Chọn [**Start**]->[**Control Panel**].
3. Nhấn chuột hai lần lên biểu tượng [**Program Add/Remove**] trong Bảng điều khiển.
4. Nhấp vào MagicNet trong cửa sổ[**Program Add/Remove**] window to highlight it.
5. Nhấp [**Change/Remove**] để gỡ bỏ chương trình này.

6. Nhấp OK để bắt đầu gỡ bỏ MagicNet.
7. Hãy chờ cho đến khi cửa sổ hiển thị thông báo việc gỡ bỏ ứng dụng đã hoàn tất.

Các đặc điểm kỹ thuật

Định dạng Tập tin được Hỗ trợ

	Định dạng tập tin	Độ phân giải	Tốc độ Bit		Tốc độ lấy mẫu âm thanh
			CBR	VBR	
Video	MPEG1	1280x720 hoặc thấp hơn	12Mbps hoặc thấp hơn	Tốc độ bit đỉnh 12Mbsp hoặc thấp hơn	
	MPEG2 (PS)				-
Audio	MP3	-	Áp dụng	Không áp dụng	16kHz hoặc cao hơn
Photo	JPEG	2274 x 1704 hoặc thấp hơn	-	-	-
	BMP		-	-	-

Với chuẩn MPEG2, chỉ hỗ trợ Chương trình Trực tuyến PS (Program Stream), không hỗ trợ nguồn chuyển tải TS (Transport Stream).

Dạng JPEG, EXIF (Máy ảnh Kỹ thuật số) không được hỗ trợ.
(Tuy nhiên, máy ảnh kỹ thuật số của Samsung có hỗ trợ.)

Cấu hình mạng (Số Thiết bị)

	Tốc độ Bit	Bình thường	Tối đa
Video	4Mbps	10	20
	6Mbps	8	16
	12Mbps	5	9
Audio, Photo	-	20 hoặc hơn	-

Cấu hình Máy chủ PC: Khuyến nghị (CPU: 3GHz, RAM:512M, Ethernet: 100M)

Cấu hình Mạng: Mạng nội bộ không kết nối từ bên ngoài
- Bình thường: Băng thông Máy chủ PC: 50% ~ 60%
- Tối đa: Băng thông Máy chủ PC: 90% hoặc hơn (không khuyến khích)

Với cấu hình kết nối mạng LAN, số lượng thiết bị được kết nối có thể giảm tùy theo sự hiện hữu của các mạng lân cận.

Yêu cầu Hệ thống Máy chủ

	CPU	RAM	Ethernet	HĐH	Ứng dụng
Tối thiểu	P1.8GHz	256M	100M/1G	Windows XP Windows 2000 (Service Pack 4)	WMP 9 hoặc cao hơn
Khuyến nghị	P3.0GHz	512M			

Tốc độ Kết nối Thiết bị (USB) tại chỗ

- Đối với thiết bị lưu trữ dung lượng lớn nh¬ư đĩa cứng USB, mỗi 1GB cần khoảng 3 - 4 giây để tải.
- Khi ng¬ười dùng tác động trên MagicNet trong thời gian tải tập tin, một ghi chú cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khả năng tương thích với Thiết bị Cục bộ (USB)

- HID (Các Thiết bị Giao tiếp với Con người)
  : Bàn phím, Chuột
- MSC (Bộ lưu trữ dung lượng lớn)
  : Các thiết bị dùng tập lệnh SCSI (Giao tiếp với Hệ thống Máy tính Nhỏ)

Ngoại lệ

: Một số nhà sản xuất đã xác định sai rằng thiết bị của họ tương thích với chuẩn USB.
Sản phẩm của chúng tôi có các thủ tục xử lý về trường hợp ngoại lệ.
Nhưng một số thiết bị sẽ hoạt động không đúng.

: Một số nhà sản xuất đã xác định sai rằng thiết bị của họ tương thích với chuẩn SCSI.
Những thiết bị như vậy sẽ hoạt động không đúng.

: Bạn được khuyến nghị chỉ nên mua các thiết bị USB sau khi chúng đã được thử nghiệm và được công nhận là có tính tương thích.

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Điều chỉnh Màn hình

Input



Các Chế độ Có sẵn

- P PC / BNC / DVI
- A AV
- S S-Video
- C Component
- D DVI-Video
- M MagicNet

Source List P A S C D M

[MENU] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Sử dụng để chọn máy PC, BNC hay nguồn tín hiệu khác từ nguồn bên ngoài được kết nối với Màn hình.
Sử dụng để chọn màn hình theo ý muốn của bạn.

1) **PC**
2) **BNC**
3) **DVI**
4) **AV**
5) **S-Video**
6) **Component**
7) **MagicNet**

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SOURCE'.]

Lưu ý

- PIP sẽ tắt khi chuyển kết nối màn hình sang nguồn ngoài.

PIP

Khi các thiết bị A/V bên ngoài như VCR hay DVD được kết nối với màn hình, PIP cho phép bạn xem video từ các thiết bị đó trong một cửa sổ nhỏ được đặt chồng lên trên tín hiệu PC Video.(Off/On)

Lưu ý

- Không thể chồng nhiều PIP lên nhau trên màn hình vì BNC và thành phần đang sử dụng cùng đầu cắm.

1) **PIP**

[MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bật hay tắt Màn hình PIP.

- Off

- On

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'PIP'.]

2) **Source**

[MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Chọn nguồn tín hiệu nhập cho PIP.

- PC / DVI: AV / S-Video / Component
- BNC: AV / S-Video
- DVI: AV / S-Video / Component
- AV / S-Video: PC / BNC / DVI
- Component: PC / DVI

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SOURCE'.]

3) **Swap**

[MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Hoán chuyển hình ảnh trong cửa sổ PIP và màn hình chính.

Hình ảnh trên cửa sổ PIP sẽ xuất hiện trên màn hình chính, trong khi đó hình ảnh trên màn hình chính sẽ được chuyển sang cửa sổ PIP.

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SWAP'.]

4) **Size**

[MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Thay đổi Kích thước của cửa sổ PIP.

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SOURCE'.]

5) **Position**

[MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Thay đổi Vị trí của cửa sổ PIP.

6) **Transparency**

[MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Điều chỉnh Độ trong suốt của các cửa sổ PIP.

- High

- Medium

- Low

- Opaque

Löu yù

- Nếu bạn chọn , , trong Size, Position và Transparency sẽ không được kích hoạt.

Các Chế độ Có sẵn: PIP

Edit Name

[MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Đặt tên thiết bị nhập được kết nối với các ngõ cắm vào để bạn lựa chọn nguồn nhập dễ dàng hơn.

1) **PC**

2) **BNC**
3) **DVI**
4) **AV**
5) **S-Video**
6) **Component**

Lưu ý

- Không thể đổi tên MagicNet.

Picture [PC / BNC /DVI Mode]



Các Chế độ Có sẵn

PC / BNC / DVI

AV

S-Video

Component

DVI-Video

MagicNet

MagicBright™

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

MagicBright™ là tính năng mới mang lại môi trường xem hình ảnh tối ưu tùy theo từng nội dung hình ảnh mà bạn đang xem. Hiện tại có 4 chế độ khác nhau: Text, Internet, Entertain và Custom. Mỗi chế độ có thông số độ sáng cài sẵn riêng. Bạn có thể dễ dàng chọn một trong 4 thông số cài đặt bằng cách đơn giản nhấn vào nút 'M/B'.

1) **Entertain**
   Độ sáng Cao
   Để xem hình ảnh động như DVD hoặc VCD.
2) **Internet**
   Độ sáng trung bình
   Để làm việc với một tổ hợp hình ảnh như văn bản và đồ họa
3) **Text**
   Độ sáng bình thường
   Cho các tài liệu hay các công việc có văn bản có khối lượng lớn.
4) **Custom**
   Mặc dù các giá trị đã được các kỹ sư chọn lựa cẩn thận, nhưng các giá trị được cấu hình trước này có thể không làm bạn thoải mái do không hợp thị hiếu của bạn. Nếu vậy, hãy chỉnh Độ sáng và Độ tương phản bằng việc sử dụng trình đơn OSD.

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'M/B'.]

Custom PM

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] / [< / >] → [ENTER]

Bạn có thể sử dụng các menu trên màn hình để thay đổi contrast và brightness tùy theo sở thích cá nhân.

1) **Contrast**
   Điều chỉnh Độ Độ sáng phản.
2) **Brightness**
   Điều chỉnh Độ tương phản.

Lưu ý

- Nếu bạn điều chỉnh hình ảnh bằng chức năng Custom, MagicBright sẽ chuyển sang chế độ Custom.

Color Tone PM

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Tông màu có thể thay đổi.

1) **Cool**
2) **Normal**
3) **Warm**
4) **Custom**
   (Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC.)

Color Control PM

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Điều chỉnh các màu kiểm soát R, G, B riêng biệt.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC.)

1) **Red**
2) **Green**
3) **Blue**

Lưu ý

- Nếu bạn điều chỉnh hình ảnh bằng chức năng Custom, Color Tone sẽ chuyển sang chế độ Color Control.

Image Lock P

Chức năng Image Lock dùng để tinh chỉnh hình ảnh để đạt chất lượng hình tốt nhất bằng cách loại bỏ các tín hiệu nhiễu làm hình ảnh không ổn định vì có vết mờ và răng cưa. Nếu chưa đạt được kết quả như ý bằng chức năng Fine (Tinh chỉnh), hãy dùng chức năng Coarse (Chỉnh thô), sau đó dùng lại chức năng Fine.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC.)

1) **Coarse**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]
   Loại trừ sự nhiễu hạt như các vạch dọc. Việc điều chỉnh độ kết hạt sẽ di chuyển các vùng hình ảnh trên màn hình. Bạn có thể tái định vị chúng vào giữa bằng cách dùng menu Điều khiển theo Hướng ngang.
2) **Fine**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] →[ENTER] → [< / >] → [ENTER]
   Loại bỏ nhiễu chẳng hạn như các đường sọc ngang. Nếu nhiễu vẫn còn sau khi đã Tinh chỉnh, hãy chỉnh lại sau khi điều chỉnh tần số (tốc độ đồng hồ).
3) **Position**

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] →[ENTER] → [< / >] / [∧ / ∨]→ [ENTER]
Điều chỉnh màn hình theo chiều ngang và chiều dọc.

Auto Adjustment

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Các thông số về Fine, Coarse, position được điều chỉnh tự động.
Nếu bạn thay đổi độ phân giải trong bảng điều khiển, chức năng AUTO sẽ được thực hiện.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC.)

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'AUTO'.]

Signal Balance

Được sử dụng để nâng cao tín hiệu RGB bị suy hao khi dây dẫn tín hiệu quá dài.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC.)

1) **Signal Balance**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Bạn có thể chọn khi signal control (kiểm soát tín hiệu) On (Bật) hoặc Off (Tắt).
2) **Signal Control**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [< / >] → [ENTER]
   Bạn có thể điều chỉnh R Phase (Gam màu đỏ), G Phase (Gam màu xanh lá cây), B Phase (Gam màu xanh dương), Gain and Sharpness (Độ sắc nét và độ hấp thụ màu) theo cách thủ công.

Size

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể thay đổi Kích thước (Size).

1) **16:9**
2) **4:3**

PIP Picture

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Bạn có thể điều chỉnh Các Cài đặt Màn hình PIP.

1) **Contrast**
   Điều chỉnh Độ tương phản của cửa sổ PIP trên màn hình.
2) **Brightness**
   Điều chỉnh Độ sáng của cửa sổ PIP trên màn hình.
3) **Sharpness**
   Sử dụng để điều chỉnh sự khác biệt giữa các vùng sáng nhất và tối nhất của cửa sổ PIP.
4) **Color**
   Điều chỉnh Màu (màu) trên cửa sổ PIP.
5) **Tint**
   Chỉ hoạt động trong Chế độ Analog.
   Bạn có thể xem hình ảnh qua AV, S-Video trên màn hình PIP ở chế độ PC, BNC. Chỉ hoạt động nếu tín hiệu video là NTSC.

Các Chế độ Có sẵn: PIP

Picture [AV / S-Video / Component / DVI-Video Mode]



Các Chế độ Có sẵn

- PC / BNC / DVI
- AV
- S-Video
- Component
- DVI-Video
- MagicNet

Mode

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Màn hình có bốn cài đặt hình ảnh tự động ("Dynamic", "Standard", "Movie" and "Custom") được nhà sản xuất cài đặt sẵn.
Bạn có thể kích hoạt hoặc Dynamic, Standard, Movie, hoặc Custom.

1) **Dynamic**
2) **Standard**
3) **Movie**
4) **Custom**

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'P.MODE'.]

Custom

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Bạn có thể sử dụng các menu trên màn hình để thay đổi contrast và brightness tùy theo sở thích cá nhân.

1) **Contrast**
   Điều chỉnh Độ Độ sáng phản.
2) **Brightness**
   Điều chỉnh Độ tương phản.
3) **Sharpness**
   Điều chỉnh độ sắc nét của hình ảnh.
4) **Color**
   Điều chỉnh màu sắc của hình ảnh.
5) **Tint**
   Thêm sắc màu tự nhiên vào màn hình hiển thị.
   Chæ coù vaän haønh cho cheá ñoä AV, S-Video vaø Component. Chỉ hoạt động nếu tín hiệu video là NTSC.

Color Tone

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Tông màu có thể thay đổi.

1) **Cool 2**
2) **Cool 1**
3) **Normal**
4) **Warm1**
5) **Warm2**

Size A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể chuyển Kích thước.

1)16:9
2)Zoom 1
3)Zoom 2
4)4:3

[Chế độ ZOOM1, ZOOM2, Panorama không có sẵn ở mẫu 1080i (hay toàn bộ 720p) của DTV.]

Digital NR (Giảm Nhiễu Số.) A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể Off/On tính năng Loại trừ Nhiễu.
Tính năng Loại trừ Nhiễu cho phép bạn tận hưởng các hình ảnh trong sáng và sinh động hơn

1) **Off**
2) **On**

Film Mode A S C

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể Film Mode Off/On.
Chế độ Phim ảnh mang đến cho bạn một cảm giác như đang xem phim trên màn ảnh thật.
(Không hoạt động trong Chế độ DVI-Video.)

1) **Off**
2) **On**

PIP Picture A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] →[< / >] → [ENTER]

Bạn có thể điều chỉnh Thông số Cài đặt Màn hình PIP (PIP Screen Settings).

1) **Contrast**
   Điều chỉnh Độ tương phản (Contrast) của cửa sổ PIP trên màn hình.
2) **Brightness**
   Điều chỉnh Độ sáng (Brightness) của cửa sổ PIP trên màn hình.

Các Chế độ Có sẵn: PIP

Sound



Các Chế độ Có sẵn

P PC / BNC / DVI

A AV

S S-Video

C Component

D DVI-Video

M MagicNet

Mode PASCDM

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Màn hình có một bộ khuếch đại âm thanh nổi stereo hi-fi tích hợp.

1) **Standard**
   Chọn Chuẩn cho các cài đặt chuẩn khi xuất xưởng.
2) **Music**
   Chọn chế độ Âm nhạc khi xem các video ca nhạc hay xem buổi hòa nhạc.
3) **Movie**
   Chọn chế độ Phim ảnh khi xem phim.
4) **Speech**
   Chọn Đối thoại khi xem một chương trình chủ yếu là đối thoại (ví dụ như tin tức).
5) **Custom**
   Chọn Tùy chỉnh nếu bạn muốn điều chỉnh các cài đặt tùy theo sở thích cá nhân.

Custom PASCDM

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Bạn có thể điều chỉnh các mục thông số sao cho phù hợp với các sở thích của mình.

1) **Bass**
   Làm tập trung âm thanh tần số thấp.
2) **Treble**
   Làm tập trung âm thanh tần số cao.
3) **Balance**
   Cho phép bạn điều chỉnh độ cân bằng âm thanh giữa các loa trái và phải.

[Bạn có thể nghe được âm thanh ngay cả khi âm thanh được cài ở mức 0.]

Löu yù

- Neáu chænh hình aûnh baèng chöùc naêng Sound Custom (Tuøy chænh AÂm thanh), Sound Mode (Cheá ñoä AÂm thanh) seõ chuyeån thaønh Custom Mode (Cheá ñoä Tuøy chænh).

Auto Volume

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Giảm sự khác biệt mức âm lượng giữa những người nói.

1) **Off**
2) **On**

SRS TSXT

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

SRS TSXT (VAÊN BAÛN SRS) laø coâng ngheä SRS (SRS) ñaõ ñaêng kyù baèng saùng cheá, giuùp giaûi quyeát vaán ñeà khi phaùt noäi dung ña keânh 5.1 baèng hai loa. Tính naêng TruSurround (TruSurround) mang laïi caûm nhaän aâm thanh voøm ñaày loâi cuoán khi söû duïng moïi heä thoáng aâm thanh hai loa, keå caû loa TV gaén trong.
Tính naêng naøy hoaøn toaøn töông thích vôùi taát caû caùc daïng keânh tín hieäu.

1) **Off**
2) **On**

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SRS'.]

Sound Select

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể chọn hoäïc Chính hoặc Phụ khi PIP Bật.

1) **Main**
2) **Sub**

[Các Chế độ Có sẵn: PIP]

Setup



Các Chế độ Có sẵn

PC / BNC / DVI

AV

S-Video

Component
DVI-Video
MagicNet

Language PASCDM

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Coù theå choïn moät trong 11 ngoân ngöõ.

Lưu ý

- Ngôn ngữ được chọn chỉ ảnh hưởng trên ngôn ngữ của OSD.
  Nó không ảnh hưởng đến bất cứ phần mềm nào chạy trên máy tính.

- English, Deutsch, Español, Français, Italiano, Svenska, 日本語, 中国语, Русский, 한국어, Português

Time PASCDM

Chọn một trong 4 thông số cài đặt thời gian: Đồng hồ (Clock Set), Thời gian Nghỉ (Sleep Timer), Thời gian Bật (On Timer) và Thời gian Tắt (Off Timer).

1) **Clock Set**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]
   Cài đặt Thời gian Hiện tại.
2) **Sleep Timer**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] →[< / >] → [∧ / ∨] → [ENTER] →[< / >] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Định thời gian Màn hình tự động tắt theo phút. (Off(Tắt), 30, 60, 90, 120, 150, 180)
3) **On Timer**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Cài thời gian Màn hình tự động mở.
   Dùng để kiểm soát chế độ, mức âm lượng tại thời điểm màn hình tự động tắt.
4) **Off Timer**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] →[< / >] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Cài thời gian Màn hình tự động tắt, mức âm lượng, chế độ.

Lưu ý

- Nếu bạn chọn Yes trong On Timer, Off Timer mà chưa cài đặt Clock Set, thông báo "Set the clock first." sẽ xuất hiện..

Menu Transparency PASCDM

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Các thay đổi độ mờ đục của hình nền OSD.

1) **High**
2) **Medium**
3) **Low**
4) **Opaque**

Safety Lock PIN PASCDM

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [0~9] → [0~9] → [0~9] → [0~9]

Bạn có thể thay đổi mật khẩu truy nhập

Energy Saving

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [MENU]

Tính năng này cho phép điều chỉnh năng lượng tiêu thụ của thiết bị để tiết kiệm năng lượng.

1) **On**
2) **Off**

Video Wall

Bức tường phim video là tập hợp các màn hình hiển thị được kết nối chung, vì thế mỗi màn hình sẽ hiển thị một phần trong bức tranh tổng thể hoặc là cùng một bức tranh được lặp lại ở mỗi màn hình.
Khi bật Video Wall lên, người sử dụng có thể điều chỉnh các thông số cài đặt màn hình Video Wall.

1) **Video Wall**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Tắt/Mở chức năng Bức tường phim video của màn hình được chọn.
   - **Off**
   - **On**
2) **Format**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] →[ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Bạn có thể lựa chọn định dạng để xem màn hình bị chia ra.
   - **Full**
     Cho phép xem toàn màn hình mà không giới hạn lề.
   - **Natural**
     Hiển thị hình ảnh trung thực mà không làm thay đổi tỉ lệ khung hình gốc.
3) **Screen Divider**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Màn hình có thể được chia ra.
   Bạn có thể chọn một số màn hình với cách bố trí khác khi chia ra.
   • Chọn một chế độ từ mục Chia màn hình.
   • Chọn màn hình hiển thị từ Chọn Hiển thị (Display Selection).
   • Vị trí sẽ được thiết lập bằng cách bấm một con số trong chế độ đã chọn.
   - **2 x 2**
   - **3 x 3**
   - **4 x 4**
   - **5 x 5**
   - **1 x 2**
   - **2 x 1**
   - **1 x 5**
   - **5 x 1**

Lưu ý

• Khi Video Wall (Video Wall) đang hoạt động, PIP (PIP), Auto Adjustment (Hiệu chỉnh Tự động), Image Lock (Khóa Ảnh), và các tính năng Size (Kích thước) sẽ không có tác dụng. Việc dùng tính năng Video Wall (Video Wall) trong khi đang chạy chế độ PIP (PIP) sẽ làm PIP Off (Tắt PIP). Video Wall không hoạt động trong chế độ MagicNet.

Safety Screen

Chöùc naêng Safety Screen (Maøn hình Baûo veä) ñöôïc duøng ñeå ngaên chaën hieän töôïng dö aûnh coù theå xaûy ra khi maøn hình hieån thò moät aûnh tónh trong suoát moät khoaûng thôøi gian daøi.

- Chức nănSafety Screen (Maøn hình Baûo veä) sẽ giúp cuộn màn hình trong một khoảng thời gian nhất định.
- Chức năng này mất tác dụng nếu máy đã tắt nguồn điện.

1) **Safety Screen**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Xác định khi nào nên Bật (On) hoặc Tắt (Off) chức năng Safety Screen.
   - **Off**

- On

2) **Interval**

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨]→ [ENTER] →[∧ / ∨] → [ENTER]

Xác định khoảng thời gian chờ trước khi kích hoạt chức năng Safety Screen. (1~10 Giờ)
Khoảng thời gian này được tính dựa trên thời gian tính từ khi bật nguồn điện.
Theo mặc định, khoảng thời gian này là 10 giờ.

- **1~10 Hour**

3) **Second**

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨]→ [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Xác định khoảng thời gian chờ trước khi kích hoạt chức năng Safety Screen.(1~5 Giây)
Theo mặc định, khoảng thời gian này là 5 giây.

- **Type-Scroll : 1~5 Second**
- **Type-Pixel, Bar, Eraser : 10~50 Second**

4) **Type**

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Có thể thay đổi Safety Screen Type (Kiểu Màn hình Bảo vệ).

- **Scroll**
- **Pixel**
- **Bar**
- **Eraser**

Resolution Select

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨]→ [ENTER]

Nếu hình ảnh trên màn hình hiển thị sai sau khi đã cài đặt độ phân giải card đồ họa của máy tính sang mức 1024 x 768 @ 60Hz, 1280 x 768 @ 60Hz, 1360 x 768 @ 60Hz hoặc 1366 x768 @ 60Hz, bạn có thể dùng lại chức năng này (Resolution Select) để chuyển hình ảnh hiển thị trên màn hình sang một độ phân giải đã được xác định.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC.)

1) **Off**
2) **1024 X 768**
3) **1280 X 768**
4) **1360 X 768**
5) **1366 X 768**

Lưu ý

- Bạn chỉ có thể chọn menu trong trường hợp độ phân giải của màn hình đồ họa được chỉnh ở mức 1024 x 768 @ 60Hz, 1280 x 768 @ 60Hz, 1360 x 768 @ 60Hz hoặc 1366 x768 @ 60Hz.

Lamp Control

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Điều chỉnh Ánh sáng nền (Backlight) để tiết kiệm năng lượng tiêu thụ.

Power On Adjustment

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨]→ [ENTER]

Điều chỉnh Power On time (Thời gian Bật Nguồn) cho màn hình.
*** Lưu ý: Cài đặt Power On time (Thời gian Bật Nguồn) dài hơn để tránh trường hợp điện thế tăng bất thường.**

Reset

Các tham số hình ảnh sẽ được thay bằng các giá trị mặc định khi xuất xưởng.

1) **Image Reset**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >]→ [ENTER]

   (Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC.)

2) **Color Reset**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >]→ [ENTER]

Multi Control



Các Chế độ Có sẵn

P PC / BNC / DVI

A AV

S S-Video

C Component

D DVI-Video

M MagicNet

Multi Control

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [0~9]

Gán Chỉ số cá nhân cho MÁY.

1) **ID Setup**

   Gán các Chỉ số riêng cho MÁY.

2) **ID Input**

   Chọn các chức năng của bộ phát cho một MÁY riêng biệt. Chỉ MÁY có Chỉ số tương ứng với chức năng phát mới được kích hoạt.

Các tính năng Điều chỉnh Trực tiếp



Các Chế độ Có sẵn

P PC / BNC / DVI

A AV

S S-Video

C Component

D DVI-Video

M MagicNet

MAGICNET P A S C D M

Di chuyển đến màn hình OSD của MagicNet

MDC P A S C D M

Di chuyển đến màn hình OSD Đa Điều khiển

LOCK P A S C D M

Cài đặt chức năng Safety Lock (Khóa an toàn)

1) **Lock On**

   Nó sẽ được khóa.

2) **Lock Off**

   Nó sẽ được mở khóa.

Lưu ý

- Khi cài đặt Lock function (Khóa chức năng), chỉ có thể sử dụng và cài đặt bằng các nút Lock trên bộ điều khiển từ xa.

  Password (Mật khẩu) cài sẵn của màn hình là "0000".

Lưu ý

- Thiết lập lại mật khẩu cho phím chức năng lock.
  Nhấn MUTE → 1 → 8 → 6 → On. Mật khẩu sẽ trở về ‘0000’. Yêu cầu điều khiển từ xa khi thiết lập lại mật khẩu.

MagicNet



Các Chế độ Có sẵn

P PC / BNC / DVI

A AV

S S-Video

C Component

D DVI-Video

M MagicNet

Lưu ý

- Hệ điều hành dùng trong sản phẩm này chỉ hỗ trợ tiếng Anh, vì vậy các ngôn ngữ khác có thể bị hiển thị sai lệch.
- Với MagicNet, chức năng điều khiển từ xa được trang bị sẵn sàng để sử dụng. Tuy nhiên, lời khuyên là nên sử dụng một bàn phím USB riêng biệt.
- Lỗi có thể xảy ra khi bạn tách rời bất kỳ thiết bị ngoại vi nào trong thời gian khởi động chế độ Device. Bạn phải chắc rằng bạn chỉ tách rời thiết bị ngoại vi khi đã tắt nguồn hoặc ứng dụng hoạt động trong điều kiện bình thường.
- Không gỡ cáp LAN dùng cho mạng (thí dụ: màn hình hiển thị). Trái lại, chương trình (MagicNet) có thể bị dừng. Nếu bạn gỡ cáp, hãy khởi động lại hệ thống.
- Không gỡ cáp LAN dùng bởi thiết bị USB (thí dụ: màn hình hiển thị). Trái lại, chương trình (MagicNet) có thể bị dừng.
- Nhấn nút SOURCE [NGUỒN] trong MagicNet sẽ thoát ra các nguồn khác. 00000".
- Password (Mật khẩu) cài sẵn của màn hình là "000000".
- Tùy chọn Power-On của chương trình trên máy chủ chỉ có tác dụng nếu màn hình đã hoàn toàn tắt nguồn. Vui lòng đảm bảo rằng bạn không sử dụng tùy chọn Power-On trong khi khởi động màn hình, vì điều này có thể gây lỗi hệ thống trên màn hình.
- Màn hình OSD của MagicNet tương tự như của Mạng và Thiết bị.
- Khi sử dụng MagicNet với chương trình MagicNet Server: hoạt động trong chế độ
- Khi sử dụng MagicNet bằng một thiết bị nối trực tiếp vào màn hình: hoạt động trong chế độ

Photo

Dạng tập tin JPEG, BMP được hỗ trợ.

1) **Auto**
   Tự động điều chỉnh hình cho vừa với cửa sổ.
   Original

Hiển thị đúng các đặc tính của tập tin gốc.

2) **Slide Show**
   Hiển thị từng tập tin hình ảnh đã đăng ký trong thư viện.
3) **Interval**
   Kiểm soát khoảng thời gian ngừng giữa các tập tin hình ảnh cho một phiên trình chiếu.

   (5 Sec, 10 Sec, 20 Sec, 30 Sec, 60 Sec)
4) **Rotation**
   Hiển thị một tập tin hình ảnh bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ 90°.
5) **Zoom**
   Hiển thị hình được phóng to.
6) **Close**
   Đóng cửa sổ Xem Tập tin Hình ảnh và thoát ra.

Music

Dạng tập tin MP3, AC3 được hỗ trợ.

Movie

Dạng tập tin MPEG1, WMV được hỗ trợ.

1) **Play**
   Phát một đoạn phim.
2) **Full Size**
   Phát một đoạn phim toàn màn hình.

OFFICE / HTML

Dạng tập tin PPT(Power Point), DOC(MS Word), XLS(MS Excel), PDF, HTML, HTM được hỗ trợ.
* Caøi ñaët chöông trình xem phuø hôïp (phaàn meàm mieãn phí) ñeå xem caùc taøi lieäu daïng MS Office (Word, Excel, Power Point) hay daïng PDF.

Internet

Kết nối Internet.

Setup

Bạn có thể thiết lập nhiều chức năng khác nhau trong chế độ MagicNet.
Bạn phải nhập mật mã để truy cập vào chế độ Setup.

1) **Schedule View**
   Hiển thị thời gian biểu.
2) **TCP/IP**
   Bạn có thể thay đổi thông số cài đặt TCP/IP.
3) **Connection**
   Bạn có thể chỉnh sửa thông số cài đặt mạng.
4) **Password**
   Bạn có thể thay đổi mật khẩu truy nhập
   - Mật mã phải dài từ 6 đến 12 ký tự chữ và số.
     (Bạn nên nhập mật mã dài từ 6 đến 12 ký tự chữ và số)
   - Nếu bạn nhập sai mật mã 3 lần, quá trình cấu hình cài đặt sẽ bị khởi động lại và trên máy chủ sẽ xuất hiện tin cảnh báo.
   - Nếu bạn quên mật mã, nhập vào Info, 8, 2 và 4 trên bản điều khiển từ xa để tạo mật mã mới. Thao tác này sẽ khởi động lại các thông số cài đặt trước đó của chế độ Setup.
5) **File**

Coù theå xoùa hoaëc sao cheùp caùc taäp tin treân caû ñóa trong maùy vaø di ñoäng.

6) **Play Option**

Coù theå caøi ñaët phaùt laïi vaø thieát laäp maøn hình.

Laëp laïi : Xaùc ñònh tuøy choïn laëp laïi ñeå phaùt nhaïc vaø phim.

- Khoâng: Chæ choïn Khoâng Laëp laïi moät laàn ñeå phaùt nhaïc hoaëc phim trong danh saùch.
- Taäp tin Laëp laïi: Choïn Taäp tin Laëp laïi ñeå phaùt nhaïc hoaëc phim trong trong danh saùch laëp laïi.
- Danh saùch Laëp laïi: Choïn Danh saùch Laëp laïi ñeå phaùt nhaïc hoaëc phim trong danh saùch trình töï laëp laïi.

Xoay: Caøi ñaët höôùng cuûa hình aûnh.

- Ngang: Caøi ñaët ñoä phaân giaûi maøn hình laø 1366x768 pixel
- Doïc: Caøi ñaët ñoä phaân giaûi maøn hình laø 768x1366 pixel.

EWF(Enhanced Write Filter) : Ngăn chặn sự thay đổi và mất dữ liệu đã lưu trên ổ đĩa.

- Disable - Tắt EWF (EWF) để cho phép thay đổi dữ liệu đã lưu trên ổ đĩa được bảo vệ (ổ đĩa C:). Khi chuyển từ trạng thái Enable (Bật) sang Disable (Tắt), bạn có thể chọn Commit (Chuyển).
- Enable - Bật EWF (EWF) để ngăn chặn thay đổi dữ liệu đã lưu trên ổ đĩa được bảo vệ (ổ đĩa C:).
- Commit - Commit (Chuyển) dữ liệu đã thay đổi đến ổ đĩa được bảo vệ (ổ đĩa C:) khi EWF (EWF) ở trạng thái Enable (Bật). Commit (Chuyển) sẽ không có sẵn nếu EWF (EWF) ở trạng thái Disable (Tắt).

Lưu ý

- Đặc biệt khuyến cáo không được tắt nguồn điện trong khi hoạt động.

Lưu ý

- Đối với các màn hình xoay, không hỗ trợ làm trong suốt phần trung tâm.
- Với các màn hình xoay, hỗ trợ độ phân giải màn hình chiếu phim lên đến 720*480(SD).

Lưu ý

- Đối với ổ đĩa D:, không áp dụng EWF (EWF).
- Khi nội dung của Setup (Cài đặt) đã bị thay đổi lúc EWF (EWF) ở trạng thái Enable (Bật), để lưu các thay đổi vào đĩa, bạn phải Commit (Chuyển) chúng.
- Bằng cách chọn Disable (Tắt), Enable (Bật) hay Commit (Chuyển), hệ thống sẽ được khởi động lại.

kiểu



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Điều chỉnh Màn hình

Input



Các Chế độ Có sẵn

- P PC / BNC / DVI
- A AV
- S S-Video
- C Component
- D DVI-Video

Source List P A S C D

[MENU] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Sử dụng để chọn máy PC, BNC hay nguồn tín hiệu khác từ nguồn bên ngoài được kết nối với Màn hình.
Sử dụng để chọn màn hình theo ý muốn của bạn.

1) **PC**
2) **BNC**
3) **DVI**
4) **AV**
5) **S-Video**
6) **Component**

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SOURCE'.]

Lưu ý

- PIP sẽ tắt khi chuyển kết nối màn hình sang nguồn ngoài.

PIP P A S C D

Khi các thiết bị A/V bên ngoài như VCR hay DVD được kết nối với màn hình, PIP cho phép bạn xem video từ các thiết bị đó trong một cửa sổ nhỏ được đặt chồng lên trên tín hiệu PC Video.(Off/On)

Lưu ý

- Không thể chồng nhiều PIP lên nhau trên màn hình vì BNC và thành phần đang sử dụng cùng đầu cắm.

1) **PIP**

   [MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Bật hay tắt Màn hình PIP.
   - Off
   - On
   [Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'PIP'.]

2) **Source**

   [MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Chọn nguồn tín hiệu nhập cho PIP.
   - PC / DVI: AV / S-Video / Component
   - BNC: AV / S-Video
   - DVI: AV / S-Video / Component
   - AV / S-Video: PC / BNC / DVI
   - Component: PC / DVI
   [Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SOURCE'.]

3) **Swap**

   [MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Hoán chuyển hình ảnh trong cửa sổ PIP và màn hình chính.
   Hình ảnh trên cửa sổ PIP sẽ xuất hiện trên màn hình chính, trong khi đó hình ảnh trên màn hình chính sẽ được chuyển sang cửa sổ PIP.
   [Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SWAP'.]

4) **Size**

   [MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Thay đổi Kích thước của cửa sổ PIP.
   [Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SOURCE'.]

5) **Position**

   [MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Thay đổi Vị trí của cửa sổ PIP.

6) **Transparency**

   [MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Điều chỉnh Độ trong suốt của các cửa sổ PIP.
   - High
   - Medium
   - Low
   - Opaque

Löu yù

- Nếu bạn chọn , , trong Size, Position và Transparency sẽ không được kích hoạt.

Các Chế độ Có sẵn: PIP

Edit Name P A S C D

[MENU] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Đặt tên thiết bị nhập được kết nối với các ngõ cắm vào để bạn lựa chọn nguồn nhập dễ dàng hơn.

1) **PC**
2) **BNC**
3) **DVI**
4) **AV**

5) **S-Video**
6) **Component**

Picture [PC / BNC /DVI Mode]



Các Chế độ Có sẵn

- PC / BNC / DVI
- AV
- S-Video
- Component
- DVI-Video

MagicBright™

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

MagicBright™ là tính năng mới mang lại môi trường xem hình ảnh tối ưu tùy theo từng nội dung hình ảnh mà bạn đang xem. Hiện tại có 4 chế độ khác nhau: Text, Internet, Entertain và Custom. Mỗi chế độ có thông số độ sáng cài sẵn riêng. Bạn có thể dễ dàng chọn một trong 4 thông số cài đặt bằng cách đơn giản nhấn vào nút 'M/B'.

1) **Entertain**
   Độ sáng Cao
   Để xem hình ảnh động như DVD hoặc VCD.
2) **Internet**
   Độ sáng trung bình
   Để làm việc với một tổ hợp hình ảnh như văn bản và đồ họa
3) **Text**
   Độ sáng bình thường
   Cho các tài liệu hay các công việc có văn bản có khối lượng lớn.
4) **Custom**
   Mặc dù các giá trị đã được các kỹ sư chọn lựa cẩn thận, nhưng các giá trị được cấu hình trước này có thể không làm bạn thoải mái do không hợp thị hiếu của bạn. Nếu vậy, hãy chỉnh Độ sáng và Độ tương phản bằng việc sử dụng trình đơn OSD.

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'M/B'.]

Custom

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] / [< / >] → [ENTER]

Bạn có thể sử dụng các menu trên màn hình để thay đổi contrast và brightness tùy theo sở thích cá nhân.

1) **Contrast**
Điều chỉnh Độ Độ sáng phản.
2) **Brightness**
Điều chỉnh Độ tương phản.

Lưu ý

- Nếu bạn điều chỉnh hình ảnh bằng chức năng Custom, MagicBright sẽ chuyển sang chế độ Custom.

Color Tone

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Tông màu có thể thay đổi.

1) **Cool**
2) **Normal**
3) **Warm**
4) **Custom**
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC)

Color Control

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Điều chỉnh các màu kiểm soát R, G, B riêng biệt.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC)

1) **Red**
2) **Green**
3) **Blue**

Lưu ý

- Nếu bạn điều chỉnh hình ảnh bằng chức năng Custom, Color Tone sẽ chuyển sang chế độ Color Control.

Image Lock

Chức năng Image Lock dùng để tinh chỉnh hình ảnh để đạt chất lượng hình tốt nhất bằng cách loại bỏ các tín hiệu nhiễu làm hình ảnh không ổn định vì có vết mờ và răng cưa. Nếu chưa đạt được kết quả như ý bằng chức năng Fine (Tinh chỉnh), hãy dùng chức năng Coarse (Chỉnh thô), sau đó dùng lại chức năng Fine.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC)

1) **Coarse**
[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]
Loại trừ sự nhiễu hạt như các vạch dọc. Việc điều chỉnh độ kết hạt sẽ di chuyển các vùng hình ảnh trên màn hình. Bạn có thể tái định vị chúng vào giữa bằng cách dùng menu Điều khiển theo Hướng ngang.
2) **Fine**
[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] →[ENTER] → [< / >] → [ENTER]
Loại bỏ nhiễu chẳng hạn như các đường sọc ngang. Nếu nhiễu vẫn còn sau khi đã Tinh chỉnh, hãy chỉnh lại sau khi điều chỉnh tần số (tốc độ đồng hồ).
3) **Position**
[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] →[ENTER] → [< / >] / [∧ / ∨]→ [ENTER]
Điều chỉnh màn hình theo chiều ngang và chiều dọc.

Auto Adjustment

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Các thông số về Fine, Coarse, position được điều chỉnh tự động.
Nếu bạn thay đổi độ phân giải trong bảng điều khiển, chức năng AUTO sẽ được thực hiện.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC)

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'AUTO'.]

Signal Balance

Được sử dụng để nâng cao tín hiệu RGB bị suy hao khi dây dẫn tín hiệu quá dài.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC)

1) **Signal Balance**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Bạn có thể chọn khi signal control (kiểm soát tín hiệu) On (Bật) hoặc Off (Tắt).
2) **Signal Control**
   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [< / >] → [ENTER]
   Bạn có thể điều chỉnh R Phase (Gam màu đỏ), G Phase (Gam màu xanh lá cây), B Phase (Gam màu xanh dương), Gain and Sharpness (Độ sắc nét và độ hấp thụ màu) theo cách thủ công.

Size

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể thay đổi Kích thước (Size).

1) **16:9**
2) **4:3**

PIP Picture

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Bạn có thể điều chỉnh Các Cài đặt Màn hình PIP.

1) **Contrast**
   Điều chỉnh Độ tương phản của cửa sổ PIP trên màn hình.
2) **Brightness**
   Điều chỉnh Độ sáng của cửa sổ PIP trên màn hình.
3) **Sharpness**
   Sử dụng để điều chỉnh sự khác biệt giữa các vùng sáng nhất và tối nhất của cửa sổ PIP.
4) **Color**
   Điều chỉnh Màu (màu) trên cửa sổ PIP.
5) **Tint**
   Chỉ hoạt động trong Chế độ Analog.
   Bạn có thể xem hình ảnh qua AV, S-Video trên màn hình PIP ở chế độ PC, BNC. Chỉ hoạt động nếu tín hiệu video là NTSC.

Các Chế độ Có sẵn: PIP

Picture [AV / S-Video / Component / DVI-Video Mode]



Các Chế độ Có sẵn

P PC / BNC / DVI

A AV

S S-Video

C Component

D DVI-Video

Mode A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Màn hình có bốn cài đặt hình ảnh tự động ("Dynamic", "Standard", "Movie" and "Custom") được nhà sản xuất cài đặt sẵn.
Bạn có thể kích hoạt hoặc Dynamic, Standard, Movie, hoặc Custom.

1) **Dynamic**
2) **Standard**
3) **Movie**
4) **Custom**

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'P.MODE'.]

Custom A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Bạn có thể sử dụng các menu trên màn hình để thay đổi contrast và brightness tùy theo sở thích cá nhân.

1) **Contrast**
   Điều chỉnh Độ Độ sáng phản.
2) **Brightness**
   Điều chỉnh Độ tương phản.
3) **Sharpness**
   Điều chỉnh độ sắc nét của hình ảnh.
4) **Color**
   Điều chỉnh màu sắc của hình ảnh.
5) **Tint**
   Thêm sắc màu tự nhiên vào màn hình hiển thị.
   Chæ coù vaän haønh cho cheá ñoä AV, S-Video vaø Component. Chỉ hoạt động nếu tín hiệu video là NTSC.

Color Tone A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Tông màu có thể thay đổi.

1) **Cool 2**
2) **Cool 1**
3) **Normal**
4) **Warm1**
5) **Warm2**

Size

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể chuyển Kích thước.

1)16:9
2)Zoom 1
3)Zoom 2
4)4:3

[Chế độ ZOOM1, ZOOM2, Panorama không có sẵn ở mẫu 1080i (hay toàn bộ 720p) của DTV.]

Digital NR (Giảm Nhiễu Số.)

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể Off/On tính năng Loại trừ Nhiễu.
Tính năng Loại trừ Nhiễu cho phép bạn tận hưởng các hình ảnh trong sáng và sinh động hơn

1) **Off**
2) **On**

Film Mode

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể Film Mode Off/On.
Chế độ Phim ảnh mang đến cho bạn một cảm giác như đang xem phim trên màn ảnh thật.
(Không hoạt động trong Chế độ DVI-Video)

1) **Off**
2) **On**

PIP Picture

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] →[< / >] → [ENTER]

Bạn có thể điều chỉnh Thông số Cài đặt Màn hình PIP (PIP Screen Settings).

1) **Contrast**
   Điều chỉnh Độ tương phản (Contrast) của cửa sổ PIP trên màn hình.
2) **Brightness**
   Điều chỉnh Độ sáng (Brightness) của cửa sổ PIP trên màn hình.

Các Chế độ Có sẵn: PIP

Sound



Các Chế độ Có sẵn

P PC / BNC / DVI

A AV

S S-Video

C Component

D DVI-Video

Mode P A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Màn hình có một bộ khuếch đại âm thanh nổi stereo hi-fi tích hợp.

1) **Standard**
   Chọn Chuẩn cho các cài đặt chuẩn khi xuất xưởng.
2) **Music**
   Chọn chế độ Âm nhạc khi xem các video ca nhạc hay xem buổi hòa nhạc.
3) **Movie**
   Chọn chế độ Phim ảnh khi xem phim.
4) **Speech**
   Chọn Đối thoại khi xem một chương trình chủ yếu là đối thoại (ví dụ như tin tức).
5) **Custom**
   Chọn Tùy chỉnh nếu bạn muốn điều chỉnh các cài đặt tùy theo sở thích cá nhân.

Custom P A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Bạn có thể điều chỉnh các mục thông số sao cho phù hợp với các sở thích của mình.

1) **Bass**
   Làm tập trung âm thanh tần số thấp.
2) **Treble**
   Làm tập trung âm thanh tần số cao.
3) **Balance**
   Cho phép bạn điều chỉnh độ cân bằng âm thanh giữa các loa trái và phải.

[Bạn có thể nghe được âm thanh ngay cả khi âm thanh được cài ở mức 0.]

Löu yù

- Neáu chænh hình aûnh baèng chöùc naêng Sound Custom (Tuøy chænh AÂm thanh), Sound Mode (Cheá ñoä AÂm thanh) seõ chuyeån thaønh Custom Mode (Cheá ñoä Tuøy chænh).

Auto Volume P A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Giảm sự khác biệt mức âm lượng giữa những người nói.

1) Off
2) On

SRS TSXT

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

SRS TSXT (VAÊN BAÛN SRS) laø coâng ngheä SRS (SRS) ñaõ ñaêng kyù baèng saùng cheá, giuùp giaûi quyeát vaán ñeà khi phaùt noäi dung ña keânh 5.1 baèng hai loa. Tính naêng TruSurround (TruSurround) mang laïi caûm nhaän aâm thanh voøm ñaày loâi cuoán khi söû duïng moïi heä thoáng aâm thanh hai loa, keå caû loa TV gaén trong.
Tính naêng naøy hoaøn toaøn töông thích vôùi taát caû caùc daïng keânh tín hieäu.

1) Off
2) On

[Nút trực tiếp trên bộ điều khiển từ xa là nút 'SRS'.]

Sound Select

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Bạn có thể chọn hoäïc Chính hoặc Phụ khi PIP Bật.

1) Main
2) Sub

[Các Chế độ Có sẵn: PIP]

Setup



Các Chế độ Có sẵn

P PC / BNC / DVI

A AV

S S-Video

C Component

DVI-Video

Language PASCD

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Coù theå choïn moät trong 11 ngoân ngöõ.

Lưu ý

- Ngôn ngữ được chọn chỉ ảnh hưởng trên ngôn ngữ của OSD.
  Nó không ảnh hưởng đến bất cứ phần mềm nào chạy trên máy tính.

- English, Deutsch, Español, Français, Italiano, Svenska, 日本語, 中国语, Русский, 한국어, Português

Time PASCD

Chọn một trong 4 thông số cài đặt thời gian: Đồng hồ (Clock Set), Thời gian Nghỉ (Sleep Timer), Thời gian Bật (On Timer) và Thời gian Tắt (Off Timer).

1) **Clock Set**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]
   Cài đặt Thời gian Hiện tại.

2) **Sleep Timer**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] →[< / >] → [∧ / ∨] → [ENTER] →[< / >] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Định thời gian Màn hình tự động tắt theo phút. (Off(Tắt), 30, 60, 90, 120, 150, 180)

3) **On Timer**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Cài thời gian Màn hình tự động mở.
   Dùng để kiểm soát chế độ, mức âm lượng tại thời điểm màn hình tự động tắt.

4) **Off Timer**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] →[< / >] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Cài thời gian Màn hình tự động tắt, mức âm lượng, chế độ.

Lưu ý

- Nếu bạn chọn Yes trong On Timer, Off Timer mà chưa cài đặt Clock Set, thông báo "Set the clock first." sẽ xuất hiện..

Menu Transparency PASCD

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]

Các thay đổi độ mờ đục của hình nền OSD.

1) **High**
2) **Medium**
3) **Low**
4) **Opaque**

Safety Lock PIN PASCD

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [0~9] → [0~9] → [0~9]

Bạn có thể thay đổi mật khẩu truy nhập

Energy Saving PASCD

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [MENU]

Tính năng này cho phép điều chỉnh năng lượng tiêu thụ của thiết bị để tiết kiệm năng lượng.

1) **On**
2) **Off**

Video Wall P A S C D

Bức tường phim video là tập hợp các màn hình hiển thị được kết nối chung, vì thế mỗi màn hình sẽ hiển thị một phần trong bức tranh tổng thể hoặc là cùng một bức tranh được lặp lại ở mỗi màn hình.
Khi bật Video Wall lên, người sử dụng có thể điều chỉnh các thông số cài đặt màn hình Video Wall.

1) **Video Wall**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Tắt/Mở chức năng Bức tường phim video của màn hình được chọn.
   - **Off**
   - **On**
2) **Format**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] →[ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Bạn có thể lựa chọn định dạng để xem màn hình bị chia ra.
   - **Full**
     Cho phép xem toàn màn hình mà không giới hạn lề.
   - **Natural**
     Hiển thị hình ảnh trung thực mà không làm thay đổi tỉ lệ khung hình gốc.
3) **Screen Divider**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Màn hình có thể được chia ra.
   Bạn có thể chọn một số màn hình với cách bố trí khác khi chia ra.
   - Chọn một chế độ từ mục Chia màn hình.
   - Chọn màn hình hiển thị từ Chọn Hiển thị (Display Selection).
   - Vị trí sẽ được thiết lập bằng cách bấm một con số trong chế độ đã chọn.
   - **2 x 2**
   - **3 x 3**
   - **4 x 4**
   - **5 x 5**
   - **1 x 2**
   - **2 x 1**
   - **1 x 5**
   - **5 x 1**

☑ Lưu ý

- Khi Video Wall (Video Wall) đang hoạt động, PIP (PIP), Auto Adjustment (Hiệu chỉnh Tự động), Image Lock (Khóa Ảnh), và các tính năng Size (Kích thước) sẽ không có tác dụng. Việc dùng tính năng Video Wall (Video Wall) trong khi đang chạy chế độ PIP (PIP) sẽ làm PIP Off (Tắt PIP). Video Wall không hoạt động trong chế độ MagicNet.

Safety Screen P A S C D

Chöùc naêng Safety Screen (Maøn hình Baûo veä) ñöôïc duøng ñeå ngaên chaën hieän töôïng dö aûnh coù theå xaûy ra khi maøn hình hieån thò moät aûnh tónh trong suoát moät khoaûng thôøi gian daøi.

- Chức nănSafety Screen (Maøn hình Baûo veä) sẽ giúp cuộn màn hình trong một khoảng thời gian nhất định.
- Chức năng này mất tác dụng nếu máy đã tắt nguồn điện.

1) **Safety Screen**

   [MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
   Xác định khi nào nên Bật (On) hoặc Tắt (Off) chức năng Safety Screen.
   - **Off**
   - **On**
2) **Interval**

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨]→ [ENTER] →[∧ / ∨] → [ENTER]
Xác định khoảng thời gian chờ trước khi kích hoạt chức năng Safety Screen. (1~10 Giờ)
Khoảng thời gian này được tính dựa trên thời gian tính từ khi bật nguồn điện.
Theo mặc định, khoảng thời gian này là 10 giờ.

- **1~10 Hour**

3) **Second**

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨]→ [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
Xác định khoảng thời gian chờ trước khi kích hoạt chức năng Safety Screen.(1~5 Giây)
Theo mặc định, khoảng thời gian này là 5 giây.

- **Type-Scroll : 1~5 Second**
- **Type-Pixel, Bar, Eraser : 10~50 Second**

4) **Type**

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER]
Có thể thay đổi Safety Screen Type (Kiểu Màn hình Bảo vệ).

- **Scroll**
- **Pixel**
- **Bar**
- **Eraser**

Resolution Select

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨]→ [ENTER]

Nếu hình ảnh trên màn hình hiển thị sai sau khi đã cài đặt độ phân giải card đồ họa của máy tính sang mức 1024 x 768 @ 60Hz, 1280 x 768 @ 60Hz, 1360 x 768 @ 60Hz hoặc 1366 x768 @ 60Hz, bạn có thể dùng lại chức năng này (Resolution Select) để chuyển hình ảnh hiển thị trên màn hình sang một độ phân giải đã được xác định.
(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC)

1) **Off**
2) **1024 X 768**
3) **1280 X 768**
4) **1360 X 768**
5) **1366 X 768**

Lưu ý

- Bạn chỉ có thể chọn menu trong trường hợp độ phân giải của màn hình đồ họa được chỉnh ở mức 1024 x 768 @ 60Hz, 1280 x 768 @ 60Hz, 1360 x 768 @ 60Hz hoặc 1366 x768 @ 60Hz.

Lamp Control

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >] → [ENTER]

Điều chỉnh Ánh sáng nền (Backlight) để tiết kiệm năng lượng tiêu thụ.

Power On Adjustment

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [∧ / ∨]→ [ENTER]

Điều chỉnh Power On time (Thời gian Bật Nguồn) cho màn hình.
*** Lưu ý: Cài đặt Power On time (Thời gian Bật Nguồn) dài hơn để tránh trường hợp điện thế tăng bất thường.**

Reset

Các tham số hình ảnh sẽ được thay bằng các giá trị mặc định khi xuất xưởng.

1) **Image Reset**

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [< / >]→ [ENTER]

(Chỉ hoạt động trong Chế độ PC/BNC)

2) **Color Reset**

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [< / >]→ [ENTER]

Multi Control



Các Chế độ Có sẵn

P PC / BNC / DVI

A AV

S S-Video

C Component

D DVI-Video

Multi Control P A S C D

[MENU] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [∧ / ∨] → [ENTER] → [ENTER] → [0~9]

Gán Chỉ số cá nhân cho MÁY.

1) **ID Setup**
Gán các Chỉ số riêng cho MÁY.

2) **ID Input**
Chọn các chức năng của bộ phát cho một MÁY riêng biệt. Chỉ MÁY có Chỉ số tương ứng với chức năng phát mới được kích hoạt.

Các tính năng Điều chỉnh Trực tiếp



Các Chế độ Có sẵn

P PC / BNC / DVI

A AV

S S-Video

C Component

D DVI-Video

MDC P A S C D

Di chuyển đến màn hình OSD Đa Điều khiển

LOCK P A S C D

Cài đặt chức năng Safety Lock (Khóa an toàn)

1) **Lock On**

   Nó sẽ được khóa.

2) **Lock Off**

   Nó sẽ được mở khóa.

☑ Lưu ý

- Khi cài đặt Lock function (Khóa chức năng), chỉ có thể sử dụng và cài đặt bằng các nút Lock trên bộ điều khiển từ xa.

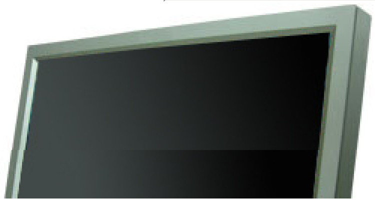
  Password (Mật khẩu) cài sẵn của màn hình là "0000".

☑ Lưu ý

- Thiết lập lại mật khẩu cho phím chức năng lock.
  Nhấn MUTE → 1 → 8 → 6 → On. Mật khẩu sẽ trở về '0000'. Yêu cầu điều khiển từ xa khi thiết lập lại mật khẩu.

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Giải quyết sự cố

Tự Kiểm tra Tính năng

☑ Lưu ý

- Tự kiểm tra các mục sau đây trước khi gọi dịch vụ hỗ trợ. Hãy liên hệ với trung tâm dịch vụ đối với các trục trặc bạn không thể tự mình giải quyết.

Tự Kiểm tra Tính năng

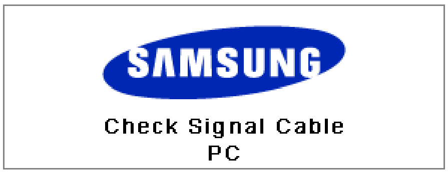
Màn hình của bạn có chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra màn hình có hoạt động bình thường hay không.

1) Tắt máy tính và màn hình.

2) Rút dây cáp video ra khỏi mặt sau máy tính.

3) Bật màn hình lên.

Hình trình bày dưới đây ("Kiểm tra Cáp Tín hiệu") xuất hiện trên một nền đen khi màn hình đang trong điều kiện hoạt động bình thường mặt dù không nhận thấy tín hiệu video nào: Khi đang ở chế đôï Tự Kiểm tra, đèn LED chỉ báo nguồn vẫn sáng màu xanh lá cây và hình di chuyển xung quanh màn hình.



4) Tắt màn hình và gắn lại dây cáp video; rồi khởi động lại máy tính và màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn không có dấu hiệu gì sau các thao tác trên, hãy kiểm tra bộ phận điều khiển video và hệ thống máy tính; màn hình của bạn đang hoạt động bình thường.

Check Cooling System

Khi hệ thống quạt làm mát bị trục trặc, trên màn hình sẽ hiển thị thông báo "**Check Cooling System (Kiểm tra Hệ thống Làm mát)**". Liên hệ với trung tâm dịch vụ để sửa chữa hoặc thay thế quạt.

Không phải Chế độ Tối ưu

Bạn có thể xem màn hình ở độ phân giải thậm chí lớn hơn 1360 x 768. Tuy nhiên trong vòng một phút bạn sẽ nhận được thông điệp sau; Bạn có thể chọn thay đổi độ phân giaûi màn hình hoặc giữ nguyên ở chế độ hiện tại trong suốt thời gian đó. Và nếu tỉ lệ làm tươi lớn hơn 85Hz, bạn sẽ thấy màn hình đen vì màn hình không hỗ trợ tỉ lệ làm tươi trên 85Hz.

Not Optimum Mode

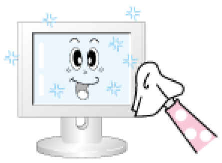
Recommended Mode
1360 x 768 60Hz

☑ Lưu ý

- **Tham khảo Specifications (Các đặc tính) > Preset Timing Modes (Các chế độ Định thời Cài sẵn) để biết những độ phân giải và tần số được màn hình hỗ trợ.**

Bảo dưỡng và Làm vệ sinh

1) Bảo dưỡng Vỏ Màn hình Lau chùi bằng vải mềm sau khi đã ngắt dây cắm điện.



- Không sử dụng benzen, dung dịch tẩy rửa, các hóa chất dễ cháy khác, hay khăn ướt.
- Chúng tôi khuyến nghị sử dụng loại hóa chất vệ sinh máy của Samsung để tránh gây hư hỏng cho màn hình.

2) Bảo dưỡng Màn hình Phẳng Lau nhẹ nhàng bằng khăn mềm (vải cotton flanen).



- Đừng bao giờ sử dụng aceton, benzen hay dung dịch tẩy rửa. (Chúng có thể gây rạn nứt hay biến dạng bề mặt màn hình.)
- Người sử dụng phải trả phí và những phí tổn có liên quan khác để sửa chữa các hư hỏng do chính mình gây ra.

Tình trạng và Các Hành động Được khuyến nghị

☑ Lưu ý

- Màn hình sẽ tái tạo lại các tín hiệu hình ảnh nhận từ máy tính. Vì thế, nếu máy tính hoặc card video gặp sự cố, nó sẽ làm cho màn hình mất tín hiệu, màu xấu, tiếng ồn, Chế độ video không được hỗ trợ, v.v... Trong trường hợp này, trước hết kiểm tra nguyên nhân gây ra sự cố, sau đó liên hệ với trung tâm bảo hành hoặc người bán hàng cho bạn..

1) Kiểm tra xem bộ dây nguồn và cáp có kết nối đúng với máy vi tính không.

2) Kiểm tra xem máy vi tính có phát ra tiếng bíp bíp hơn 3 lần khi bật máy không.
(Nếu đúng như vậy, hãy gọi dịch vụ bảo hành main board của máy vi tính).

3) Nếu bạn đã lắp một card video mới hoặc tự lắp ráp PC, hãy kiểm tra trình điều khiển của bộ điều hợp (video) và màn hình.

4) Kiểm tra xem tỉ lệ quét màn hình video có được cài ở 50 Hz ~ 85 Hz không.
(Không được vượt quá 60Hz khi sử dụng độ phân giải cực đại).

5) Nếu bạn gặp sự cố trong việc lắp đặt trình điều khiển bộ điều hợp (video), hãy để máy ở Safe Mode, vào "**Control Panel, System, Device Administrator**" để bỏ Display Adapter; sau đó khởi động máy lại và lắp đặt lại trình điều khiển bộ điều hợp (video).

Danh sách Kiểm tra

☑ Lưu ý

- Bảng sau liệt kê các sự cố có thể gặp phải và các giải pháp. Trước khi gọi điện đến dịch vụ hỗ trợ, hãy đọc lại thông tin trong phần này để xem bạn có thể tự khắc phục được sự cố nào không. Nếu bạn cần trợ giúp, vui lòng gọi số điện thoại trong phần Thông tin hay liên hệ với đại lý của bạn .
- Để biết thêm thông tin chi tiết liên quan đến mạng lưới, hãy tham khảo phần Giải quyết sự cố MagicNet.

Các sự cố liên quan đến Cài đặt (PC Mode)

☑ Lưu ý

- Các sự cố liên quan đến cài đặt màn hình và các giải pháp được liệt kê.

Các s	Các giải pháp
Màn hình bị rung	● Kiểm tra xem cáp tín hiệu giữa máy tính và màn hình có được cắm và xiết chặt chưa. (Tham khảo phần Kết nối với Máy tính)

Các sự cố liên quan đến Màn hình

☑ Lưu ý

- Các sự cố liên quan đến màn hình và các giải pháp được liệt kê.

Các s	Các giải pháp
Màn hình trống và đèn chỉ báo nguồn tắt	● Bảo đảm rằng dây điện nguồn được cắm chặt và màn hình LCD bật. (Tham khảo Kết nối Màn hình)
Xuất hiện thông báo "Check Signal Cable"	● Đảm bảo cáp tín hiệu được kết nối tốt với PC hoặc các nguồn video. (Tham khảo phần Kết nối Màn hình của bạn) ● Đảm bảo rằng PC hoặc các nguồn video đã được bật.
Xuất hiện thông báo "Not Optimum Mode"	● Kiểm tra độ phân giải tối đa và tần số của bộ điều hợp video. ● So sánh những giá trị này với dữ liệu trong Biểu đồ Chế độ Định thời Cài sẵn
Hình ảnh cuộn theo chiều dọc.	● Kiểm tra cáp tín hiệu đã cắm chặt chưa. Hãy cắm chặt lại. (Tham khảo Kết nối đến Máy tính)
Ảnh không rõ. Hình ảnh bị mờ.	● Chạy chỉnh Coarse và Fine. ● Bật lại sau khi gỡ mọi phụ kiện (cáp mở rộng video, v.v…)
Hình ảnh không ổn định và rung. **Có bóng mờ xuất hiện trên hình.**	● Kiểm tra cài đặt độ phân giải và tần số cho card video máy tính có nằm trong khoảng được màn hình hỗ trợ không. Nếu không, hãy cài lại chúng, tham khảo Thông tin hiện hành trong menu màn hình và Các chế độ Định thời Cài sẵn.
Hình ảnh quá sáng hay quá tối	● Điều chỉnh Brightness và Contrast. (Tham khảo phần Brightness, Contrast)
Màu sắc màn hình không nhất quán. **Hình màu bị lệch do các bóng đen gây ra.** **Màu trắng kém.**	● Điều chỉnh màu bằng Custom trong menu Điều chỉnh Màu OSD.
Đèn chỉ báo Nguồn nhấp nháy màu xanh lá cây.	● Màn hình đang lưu các thay đổi được tạo ra trong các cài đặt vào bộ nhớ OSD.
Màn hình ở trạng thái trống và đèn báo điện sáng xanh hoặc nhấp nháy mỗi 0,5 giây hoặc 1 giây	● Màn hình đang sử dụng hệ thống quản lý nguồn của nó.
Màn hình trống và nhấp nháy.	● Nếu bạn thấy thông báo "TEST GOOD" trên màn hình khi bạn nhấn nút MENU, hãy kiểm tra kết nối cáp giữa màn hình và máy

tính để đảm bảo chúng đã được kết nối đúng cách.

Các sự cố liên quan đến Âm thanh

☑ Lưu ý

- Các sự cố liên quan đến tín hiệu âm thanh và các giải pháp được liệt kê dưới đây.

Các s	Các giải pháp
Không có âm thanh	● Phải đảm bảo cáp âm thanh đã được cắm chặt vào cả cổng âm thanh vào trên màn hình và cổng âm thanh ra trên card âm thanh của bạn. (Tham khảo phần Kết nối Màn hình của bạn) ● Kiểm tra mức âm lượng.
Mức âm thanh quá nhỏ.	● Kiểm tra mức âm lượng. ● Nếu âm lượng vẫn còn quá nhỏ sau khi đã điều chỉnh lên mức tối đa, hãy kiểm tra bộ điều chỉnh âm lượng trên card âm thanh máy tính hay chương trình phần mềm.
Âm thanh có cao độ quá cao hay quá thấp	● Điều chỉnh Cao và Trầm đến mức thích hợp.

Các sự cố liên quan đến bộ Điều khiển Từ xa

☑ Lưu ý

- Các sự cố liên quan đến bộ điều khiển từ xa và các giải pháp được liệt kê.

Các s	Các giải pháp
Các nút điều khiển từ xa không đáp ứng.	● Kiểm tra các cực tính (+/-) của pin. ● Kiểm tra pin có hết điện hay không. ● Kiểm tra nguồn có bật không. ● Kiểm tra dây điện nguồn đã cắm chặt chưa. ● Kiểm tra có đèn huỳnh quang hay neon sáng ở xung quanh không.

Caùc truïc traëc lieân quan ñeán MagicNet

☑ Lưu ý

- Tạo Đĩa Flash USB Khởi động

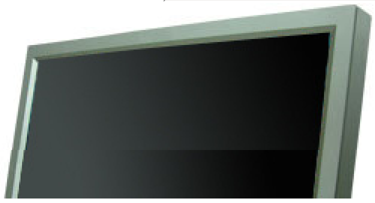
Các s	Các giải pháp
Tạo Đĩa Flash USB Khởi động	1. Có thể chuyển phương tiện lưu trữ 512MB thông thường hoặc USB lớn hơn thành đĩa khởi động bằng cách sử dụng công cụ tạo đĩa khởi động USB. (Ví dụ, Công cụ Định dạng Lưu trữ Đĩa USB HP) 2. Sao chép tập tin hình ảnh ghost Hệ điều hành và có thể thực hiện được trên đĩa USB. 3. Nhập menu BIOS trên máy bằng cách nhấn phím F2 trong màn hình biểu tượng BIOS. Sau đó, chọn tùy chọn Khởi động USB Đầu tiên bằng cách nhấn phím Nhập trong menu Khởi động. 4. Mở nguồn máy khi đã lắp đĩa USB và khởi động trong chế độ DOS. 5. Chạy C:\ghost.exe và chọn Local → Partition → From Image từ trên menu. Chọn hình ảnh ghost để cập nhật cho đĩa USB và chọn đĩa đích. 6. Khi kết thúc phần cập nhật hình ảnh ghost, máy sẽ tự động khởi động lại.

Q & A

Hỏi	Đáp
Tôi có thể thay đổi tần số bằng cách nào?	Có thể thay đổi tần số bằng cách cài đặt lại cấu hình của thẻ video. Nên nhớ rằng sự hỗ trợ thẻ video có khác nhau, tùy theo phiên bản của chương trình điều khiển được sử dụng. (Xem Hướng dẫn sử dụng card hình ảnh hoặc máy vi tính để biết thêm chi tiết.)
Làm thế nào điều chỉnh độ phân giải?	• Hệ điều hành Windows XP: Vào **Control Panel, Display, Appearance và Themes, Settings** để cài đặt độ phân giải. • Hệ điều hành Windows ME/2000: Vào **Control Panel, Display, Settings** để cài đặt độ phân giải. * Liên hệ với nhà sản xuất card hình ảnh để biết thêm chi tiết.
Làm thế nào cài đặt chức năng Tiết kiệm Điện năng?	• Windows XP: Cài đặt chức năng ở BIOS-SETUP của máy vi tính hoặc trên screen saver. (Tham khảo Windows/Computer Manual). • Windows ME/2000: Cài đặt chức năng ở BIOS-SETUP của máy vi tính hoặc trên screen saver. (Tham khảo Windows/Computer Manual).
Tôi có thể lau vỏ ngoài/Màn hình LCD không?	Ngắt dây nguồn, sau đó lau màn hình bằng vải mềm, có thể dùng dung Dịch tẩy hoặc nước đơn thuần. Không được để lại bất cứ dung Dịch nào hoặc gây vết trầy xước. Không đ ể cho dung Dịch len vào bên trong màn hình.
Laøm theá naøo ñeå xem ñöôïc video?	Chæ hoã trôï codec MPEG1 vaø WMV. Phaûi caøi ñaët codec töông öùng ñeå phaùt video. Löu yù moät soá codec coù theå khoâng töông thích.

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Giải quyết sự cố

Tự Kiểm tra Tính năng

☑ Lưu ý

- Tự kiểm tra các mục sau đây trước khi gọi dịch vụ hỗ trợ. Hãy liên hệ với trung tâm dịch vụ đối với các trục trặc bạn không thể tự mình giải quyết.

Tự Kiểm tra Tính năng

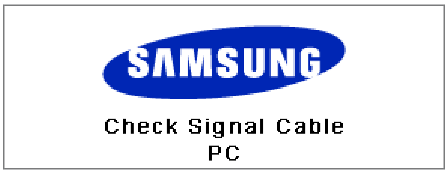
Màn hình của bạn có chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra màn hình có hoạt động bình thường hay không.

1) Tắt máy tính và màn hình.

2) Rút dây cáp video ra khỏi mặt sau máy tính.

3) Bật màn hình lên.

Hình trình bày dưới đây ("Kiểm tra Cáp Tín hiệu") xuất hiện trên một nền đen khi màn hình đang trong điều kiện hoạt động bình thường mặt dù không nhận thấy tín hiệu video nào: Khi đang ở chế đôï Tự Kiểm tra, đèn LED chỉ báo nguồn vẫn sáng màu xanh lá cây và hình di chuyển xung quanh màn hình.



4) Tắt màn hình và gắn lại dây cáp video; rồi khởi động lại máy tính và màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn không có dấu hiệu gì sau các thao tác trên, hãy kiểm tra bộ phận điều khiển video và hệ thống máy tính; màn hình của bạn đang hoạt động bình thường.

Check Cooling System

Khi hệ thống quạt làm mát bị trục trặc, trên màn hình sẽ hiển thị thông báo "**Check Cooling System (Kiểm tra Hệ thống Làm mát)**". Liên hệ với trung tâm dịch vụ để sửa chữa hoặc thay thế quạt.

Không phải Chế độ Tối ưu

Bạn có thể xem màn hình ở độ phân giải thậm chí lớn hơn 1360 x 768. Tuy nhiên trong vòng một phút bạn sẽ nhận được thông điệp sau; Bạn có thể chọn thay đổi độ phân giaûi màn hình hoặc giữ nguyên ở chế độ hiện tại trong suốt thời gian đó. Và nếu tỉ lệ làm tươi lớn hơn 85Hz, bạn sẽ thấy màn hình đen vì màn hình không hỗ trợ tỉ lệ làm tươi trên 85Hz.

Not Optimum Mode

Recommended Mode
1360 x 768 60Hz

☑ Lưu ý

- Tham khảo Specifications (Các đặc tính) > Preset Timing Modes (Các chế độ Định thời Cài sẵn) để biết những độ phân giải và tần số được màn hình hỗ trợ.

Bảo dưỡng và Làm vệ sinh

1) Bảo dưỡng Vỏ Màn hình Lau chùi bằng vải mềm sau khi đã ngắt dây cắm điện.



- Không sử dụng benzen, dung dịch tẩy rửa, các hóa chất dễ cháy khác, hay khăn ướt.
- Chúng tôi khuyến nghị sử dụng loại hóa chất vệ sinh máy của Samsung để tránh gây hư hỏng cho màn hình.

2) Bảo dưỡng Màn hình Phẳng Lau nhẹ nhàng bằng khăn mềm (vải cotton flanen).



- Đừng bao giờ sử dụng aceton, benzen hay dung dịch tẩy rửa. (Chúng có thể gây rạn nứt hay biến dạng bề mặt màn hình.)
- Người sử dụng phải trả phí và những phí tổn có liên quan khác để sửa chữa các hư hỏng do chính mình gây ra.

Tình trạng và Các Hành động Được khuyến nghị

☑ Lưu ý

- Màn hình sẽ tái tạo lại các tín hiệu hình ảnh nhận từ máy tính. Vì thế, nếu máy tính hoặc card video gặp sự cố, nó sẽ làm cho màn hình mất tín hiệu, màu xấu, tiếng ồn, Chế độ video không được hỗ trợ, v.v... Trong trường hợp này, trước hết kiểm tra nguyên nhân gây ra sự cố, sau đó liên hệ với trung tâm bảo hành hoặc người bán hàng cho bạn..

1) Kiểm tra xem bộ dây nguồn và cáp có kết nối đúng với máy vi tính không.

2) Kiểm tra xem máy vi tính có phát ra tiếng bíp bíp hơn 3 lần khi bật máy không.
(Nếu đúng như vậy, hãy gọi dịch vụ bảo hành main board của máy vi tính).

3) Nếu bạn đã lắp một card video mới hoặc tự lắp ráp PC, hãy kiểm tra trình điều khiển của bộ điều hợp (video) và màn hình.

4) Kiểm tra xem tỉ lệ quét màn hình video có được cài ở 50 Hz ~ 85 Hz không.
(Không được vượt quá 60Hz khi sử dụng độ phân giải cực đại).

5) Nếu bạn gặp sự cố trong việc lắp đặt trình điều khiển bộ điều hợp (video), hãy để máy ở Safe Mode, vào "**Control Panel, System, Device Administrator**" để bỏ Display Adapter; sau đó khởi động máy lại và lắp đặt lại trình điều khiển bộ điều hợp (video).

Danh sách Kiểm tra

☑ Lưu ý

- Bảng sau liệt kê các sự cố có thể gặp phải và các giải pháp. Trước khi gọi điện đến dịch vụ hỗ trợ, hãy đọc lại thông tin trong phần này để xem bạn có thể tự khắc phục được sự cố nào không. Nếu bạn cần trợ giúp, vui lòng gọi số điện thoại trong phần Thông tin hay liên hệ với đại lý của bạn .

Các sự cố liên quan đến Cài đặt (PC Mode)

☑ Lưu ý

- Các sự cố liên quan đến cài đặt màn hình và các giải pháp được liệt kê.

Các s	Các giải pháp
Màn hình bị rung	● Kiểm tra xem cáp tín hiệu giữa máy tính và màn hình có được cắm và xiết chặt chưa. (Tham khảo phần Kết nối với Máy tính)

Các sự cố liên quan đến Màn hình

☑ Lưu ý

- Các sự cố liên quan đến màn hình và các giải pháp được liệt kê.

Các s	Các giải pháp
Màn hình trống và đèn chỉ báo nguồn tắt	● Bảo đảm rằng dây điện nguồn được cắm chặt và màn hình LCD bật. (Tham khảo Kết nối Màn hình)
Xuất hiện thông báo "Check Signal Cable"	● Đảm bảo cáp tín hiệu được kết nối tốt với PC hoặc các nguồn video. (Tham khảo phần Kết nối Màn hình của bạn) ● Đảm bảo rằng PC hoặc các nguồn video đã được bật.
Xuất hiện thông báo "Not Optimum Mode"	● Kiểm tra độ phân giải tối đa và tần số của bộ điều hợp video. ● So sánh những giá trị này với dữ liệu trong Biểu đồ Chế độ Định thời Cài sẵn
Hình ảnh cuộn theo chiều dọc.	● Kiểm tra cáp tín hiệu đã cắm chặt chưa. Hãy cắm chặt lại. (Tham khảo Kết nối đến Máy tính)
Ảnh không rõ. Hình ảnh bị mờ.	● Chạy chỉnh Coarse và Fine. ● Bật lại sau khi gỡ mọi phụ kiện (cáp mở rộng video, v.v···)
Hình ảnh không ổn định và rung. **Có bóng mờ xuất hiện trên hình.**	● Kiểm tra cài đặt độ phân giải và tần số cho card video máy tính có nằm trong khoảng được màn hình hỗ trợ không. Nếu không, hãy cài lại chúng, tham khảo Thông tin hiện hành trong menu màn hình và Các chế độ Định thời Cài sẵn.
Hình ảnh quá sáng hay quá tối	● Điều chỉnh Brightness và Contrast. (Tham khảo phần Brightness, Contrast)
Màu sắc màn hình không nhất quán. **Hình màu bị lệch do các bóng đen gây ra.** **Màu trắng kém.**	● Điều chỉnh màu bằng Custom trong menu Điều chỉnh Màu OSD.
Đèn chỉ báo Nguồn nhấp nháy màu xanh lá cây.	● Màn hình đang lưu các thay đổi được tạo ra trong các cài đặt vào bộ nhớ OSD.
Màn hình ở trạng thái trống và đèn báo điện sáng xanh hoặc nhấp nháy mỗi 0,5 giây hoặc 1 giây	● Màn hình đang sử dụng hệ thống quản lý nguồn của nó.
Màn hình trống và nhấp nháy.	● Nếu bạn thấy thông báo "TEST GOOD" trên màn hình khi bạn nhấn nút MENU, hãy kiểm tra kết nối cáp giữa màn hình và máy tính để đảm bảo chúng đã được kết nối đúng cách.

Các sự cố liên quan đến Âm thanh

☑ Lưu ý

- Các sự cố liên quan đến tín hiệu âm thanh và các giải pháp được liệt kê dưới đây.

Các s	Các giải pháp
Không có âm thanh	● Phải đảm bảo cáp âm thanh đã được cắm chặt vào cả cổng âm thanh vào trên màn hình và cổng âm thanh ra trên card âm thanh của bạn. (Tham khảo phần Kết nối Màn hình của bạn) ● Kiểm tra mức âm lượng.
Mức âm thanh quá nhỏ.	● Kiểm tra mức âm lượng. ● Nếu âm lượng vẫn còn quá nhỏ sau khi đã điều chỉnh lên mức tối đa, hãy kiểm tra bộ điều chỉnh âm lượng trên card âm thanh máy tính hay chương trình phần mềm.
Âm thanh có cao độ quá cao hay quá thấp	● Điều chỉnh Cao và Trầm đến mức thích hợp.

Các sự cố liên quan đến bộ Điều khiển Từ xa

☑ Lưu ý

- Các sự cố liên quan đến bộ điều khiển từ xa và các giải pháp được liệt kê.

Các s	Các giải pháp
Các nút điều khiển từ xa không đáp ứng.	● Kiểm tra các cực tính (+/-) của pin. ● Kiểm tra pin có hết điện hay không. ● Kiểm tra nguồn có bật không. ● Kiểm tra dây điện nguồn đã cắm chặt chưa. ● Kiểm tra có đèn huỳnh quang hay neon sáng ở xung quanh không.

Q & A

Hỏi	Đáp
Tôi có thể thay đổi tần số bằng cách nào?	Có thể thay đổi tần số bằng cách cài đặt lại cấu hình của thẻ video. Nên nhớ rằng sự hỗ trợ thẻ video có khác nhau, tùy theo phiên bản của chương trình điều khiển được sử dụng. (Xem Hướng dẫn sử dụng card hình ảnh hoặc máy vi tính để biết thêm chi tiết.)
Làm thế nào điều chỉnh độ phân giải?	● Hệ điều hành Windows XP: Vào **Control Panel, Display, Appearance và Themes, Settings** để cài đặt độ phân giải. ● Hệ điều hành Windows ME/2000: Vào **Control Panel, Display, Settings** để cài đặt độ phân giải. *** Liên hệ với nhà sản xuất card hình ảnh để biết thêm chi tiết.**
Làm thế nào cài đặt chức năng Tiết kiệm Điện năng?	● Windows XP: Cài đặt chức năng ở BIOS-SETUP của máy vi tính hoặc trên screen saver. (Tham khảo Windows/Computer Manual). ● Windows ME/2000: Cài đặt chức năng ở BIOS-SETUP của máy vi tính hoặc trên screen saver. (Tham khảo Windows/Computer Manual).
Tôi có thể lau vỏ ngoài/Màn hình	Ngắt dây nguồn, sau đó lau màn hình bằng vải mềm, có thể dùng

LCD không?

dung Dịch tẩy hoặc nước đơn thuần.

Không được để lại bất cứ dung Dịch nào hoặc gây vết trầy xước.
Không đ ể cho dung Dịch len vào bên trong màn hình.

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Đặc tính kỹ thuật

Thông tin tổng quát

Thông tin tổng quát	
Tên Model	SyncMaster 400PXn
Màn hình LCD	
Kích thước	Đường chéo 40,0 inch (101,6 cm)
Vùng hiển thị	885,168 mm (H) x 497,664 mm (V)
Diện tích điểm ảnh	0,648 mm (H) x 0,216 mm (V)
Đồng bộ hóa	
Quét ngang	30 ~ 81 kHz
Quét dọc	56 ~ 75 Hz
Màu hiển thị	
Màu hiển thị	16,7 M màu sắc
Độ phân giải	
Độ phân giải tối ưu	Độ phân giải 1360x768 /1366x768 @ 60 Hz phụ thuộc vào card đồ họa được dùng
Độ phân giải Tối đa	1360 x 768 @ 60 Hz
Tín hiệu vào, Kết thúc	
RGB Analog, DVI (Giao diện Số), RGB Tương thích Số. 0,7Vp-p Dương tại 75Ω ±10% đồng bộ H/V Riêng biệt, đồng bộ Hỗn hợp, SOG, mức TTL, dương hoặc âm.	
Xung ảnh điểm Tối đa	
100 MHz (Analog, Digital)	
Nguồn điện	
AC 100 - 240 V~ (+/- 10 %), 50/60 Hz	
Dây cáp tín hiệu	
cáp 15 chân D-Sub DVI-D với cáp DVI-D - Tùy chọn	
Đầu kết nối Tín hiệu	
D-sub, BNC, DVI-D, YPbPr, S-VHS, VCR	
Kích thước (rộng x cao x dày)/Trọng lượng	
971 X 582 X 118 mm / 38,2 X 22,9 X 4,6 inch (Không có Chân đế) 971 X 629,5 X 223 mm / 38,2 X 24,8 X 8,8 inch (Có Chân đế) - 23 kg/50,7 lbs 971 x 629,5 x 228 mm / 38,2 x 24,8 x 9,0 inch (với chân đế & kính) , 27,7 kg/61,0 lbs	
Giao diện treo VESA	
200 mm x 200 mm (dùng với bộ phận treo đặc biệt (tay))	
Lưu ý về môi trường	
Điều kiện hoạt động	Nhiệt độ: 10 °C ~ 40 °C (50 °F ~ 104 °F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ
Bảo quản	Nhiệt độ: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F ~ 113 °F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ
Các đặc tính âm thanh	
Tín hiệu âm thanh đầu vào 1	Đầu cắm RCA Đỏ(R) Trắng(L), 0,5 Vrms (-9 dB)

Tín hiệu âm thanh đầu vào 2	Đầu cắm RCA Đỏ(R) Trắng(L), 0,5 Vrms (-9 dB)
Tín hiệu âm thanh đầu vào PC	3.5 Ø Đầu cắm Stereo, 0,5 Vrms (-9 dB)
Tần số	RF: 80 Hz ~ 15 kHz (mức -3 dB)
Đáp ứng	A/V: 80 Hz ~ 20 kHz (mức -3 dB)

Chức năng Plug & Play

Màn hình này có thể kết nối với bất cứ hệ thống Plug & Play tương thích nào. Sự tương thích giữa màn hình và máy tính sẽ cung cấp điều kiện hoạt động và thông số cài đặt tốt nhất. Trong hầu hết trường hợp, quá trình cài đặt sẽ diễn ra tự động, trừ khi người sử dụng muốn chọn những thông số cài đặt khác. Dot Acceptable Điểm ảnh chấp nhận được

Điểm ảnh chấp nhận được

Màn hình TFT LCD được chế tạo bằng công nghệ bán dẫn cao cấp với độ chính xác trên 1ppm (một phần triệu) ứng dụng cho sản phẩm này. Nhưng thỉnh thoảng, các điểm ảnh của các màu ĐỎ, XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI, và TRẮNG có vẻ hơi sáng, hoặc một số điểm ảnh đen có thể xuất hiện. Điều này không phải do chất lượng xấu, thế nên bạn có thể sử dụng sản phẩm mà không phải lo lắng.
• Ví dụ, tổng số điểm ảnh của màn hình TFT LCD có trong sản phẩm này là 3.133.440.

Lưu ý

- Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Thiết bị Lớp B (Thiết bị Trao đổi Thông tin dùng trong dân dụng)

- Thiết bị này là công cụ kỹ thuật số Loại B. Sản phẩm này tuân thủ Qui định Tương thích Điện từ cho dân dụng và có thể được sử dụng trong tất cả các nơi kể cả các nơi dân cư thông thường.
  (Ảnh hưởng bức xạ điện từ của thiết bị Lớp B nhỏ hơn thiết bị của lớp A.)

MagicNet - Client

Mục		Đặc tả	Ghi chú
LAN		1Gbps	
USB		Tương thích với Bàn phím/Chuột, Thiết bị Lưu trữ Dung lượng lớn	Bạn có thể sử dụng thiết bị lưu trữ di động giao tiếp qua cổng USB.
Nội dung	Photo	Hỗ trợ các Định dạng Tập tin: BMP/JPEG	2274 x 1704 hay ít hơn
	Music	Hỗ trợ các Định dạng Tập tin: MP3	Băng tần âm thanh: 50 Hz đến 15 kHz
	Movie	MPEG1, WMV Tối đa 1280 x 720 30 fps (khung hình/giây)	
	File	MS Office(Word, Excel, Power Point), HTML, PDF	• Một số tập tin có thể không được hỗ trợ tùy theo định dạng hay phiên bản. • Cài đặt chương trình xem phù hợp (phần mềm miễn phí) để xem các tài liệu dạng MS Office (Word, Excel, Power Point) hay dạng PDF.
Trình duyệt Internet		MS Internet Explorer	Không hỗ trợ Flash, Java Applet, Security Site
Ngôn ngữ		Tiếng Anh	
Hệ điều hành		Được nhúng vào Windows XP	

MagicNet – Yêu cầu Hệ thống Máy chủ

	CPU	RAM	Ethernet	HĐH	Ứng dụng
Tối thiểu	P1,8 Ghz	256 M	100 M/1G	Windows XP	WMP 9 hoặc cao hơn
Khuyến nghị	P3,0 Ghz	512 M	100 M/1G	Windows XP	WMP 9 hoặc cao hơn

B phận tiết kiệm điện

Màn hình này có một hệ thống quản lý điện năng tích hợp được gọi là Bộ phận tiết kiệm điện. Hệ thống này tiết kiệm điện bằng cách chuyển màn hình sang chế độ dùng ít năng lượng khi không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động hoạt động bình thường trở lại khi bạn di chuyển chuột hay nhấn một phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo tồn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không cần thiết, hay khi không sử dụng trong thời gian dài. Bộ phận tiết Kiệm Điện hoạt động với một card màn hình tương thích chuẩn VESA DPM được cài đặt trong máy tính. Bạn phải sử dụng một phần mềm tiện ích trong máy tính để cài đặt chức năng này.

Trạng thái	Hoạt động bình thường	Chế độ tiết kiệm năng lượng	Tắt điện (Nút nguồn điện) 2000	Tắt điện (Công tắc bật/tắt Nguồn)
Đèn báo có điện	lá cây	lá cây , Nhấp nháy	Màu hổ phách (Nút nguồn điện)	Tắt điện (Công tắc bật/tắt Nguồn)
Công suất tiêu thụ	Tối đa 230 W	Tối đa 1 W (Chế độ-Tắt)	Tối đa 1 W (120 Vac)	Tối đa 0 W

Các chế độ hiển thị được thiết lập trước

Các chế độ hiển thị được thiết lập trước

Nếu tín hiệu được truyền đi từ máy tương ứng với Các chế độ cài đặt về thời gian sau đây, màn hình sẽ được điều chỉnh tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu khác đi, màn hình có thể chuyển sang màu trắng trong khi đèn LED vẫn sáng. Tham khảo hướng dẫn sử dụng card video và điều chỉnh màn hình như sau.

Chế độ Hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Tần số điểm ảnh (MHz)	Cực tính đồng bộ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	43,269	85,008	36,000	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 800 x600	53,674	85,000	56,250	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1024 x 768	68,677	85,997	94,500	+/+
VESA, 1360 x 768	47,712	60,000	85,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một đường ngang nối kết từ cạnh phải sang cạnh trái màn hình được gọi là Chu kỳ ngang, và con số nghịch đảo của Chu kỳ ngang



được gọi là Tần số quét ngang. Đơn vị: kHz

Tần số quét dọc

Như một đèn huỳnh quang. Màn hình phải lặp lại cùng một hình ảnh nhiều lần trong mỗi giây để hiển thị một hình ảnh cho người xem. Tần số của sự lặp lại này được gọi là Tần số quét dọc hoặc Tốc độ làm tươi. Đơn vị: Hz

kiểu
SyncMaster 400PX

Hướng dẫn sử dụng An tồn
Giới thiệu
Kết nối
Sử dụng Phần mềm
Điều chỉnh Màn hình
Giải quyết sự cố
Đặc tính kỹ thuật
Tổng quát/Chung
Chức năng tiết kiệm điện
Các chế độ Hẹn giờ
Thơng tin
Phụ lục

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Đặc tính kỹ thuật

Thông tin tổng quát

Thông tin tổng quát

Thông tin tổng quát	
Tên Model	SyncMaster 400PX
Màn hình LCD	
Kích thước	Đường chéo 40,0 inch (101,6 cm)
Vùng hiển thị	885,168 mm (H) x 497,664 mm (V)
Diện tích điểm ảnh	0,648 mm (H) x 0,216 mm (V)
Đồng bộ hóa	
Quét ngang	30 ~ 81 kHz
Quét dọc	56 ~ 75 Hz
Màu hiển thị	
Màu hiển thị	16,7 M màu sắc
Độ phân giải	
Độ phân giải tối ưu	Độ phân giải 1360x768 /1366x768 @ 60 Hz phụ thuộc vào card đồ họa được dùng
Độ phân giải Tối đa	1360 x 768 @ 60 Hz

Tín hiệu vào, Kết thúc

RGB Analog, DVI (Giao diện Số), RGB Tương thích Số.
0,7Vp-p Dương tại 75Ω ±10% đồng bộ H/V Riêng biệt, đồng bộ Hỗn hợp, SOG, mức TTL, dương hoặc âm.

Xung ảnh điểm Tối đa

100 MHz (Analog, Digital)

Nguồn điện

AC 100 - 240 V~ (+/- 10 %), 50/60 Hz

Dây cáp tín hiệu

cáp 15 chân D-Sub
DVI-D với cáp DVI-D - Tùy chọn

Đầu kết nối Tín hiệu

D-sub, BNC, DVI-D, YPbPr, S-VHS, VCR

Kích thước (rộng x cao x dày)/Trọng lượng

971 X 582 X 118 mm / 38,2 X 22,9 X 4,6 inch (Không có Chân đế)
971 X 629,5 X 223 mm / 38,2 X 24,8 X 8,8 inch (Có Chân đế) - 23 kg/50,7 lbs
971 x 629,5 x 228 mm / 38,2 x 24,8 x 9,0 inch (với chân đế & kính) , 27,7 kg/61,0 lbs

Giao diện treo VESA

200 mm x 200 mm (dùng với bộ phận treo đặc biệt (tay))

Lưu ý về môi trường	
Điều kiện hoạt động	Nhiệt độ: 10 ˚C ~ 40 ˚C (50 ˚F ~ 104 ˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ
Bảo quản	Nhiệt độ: -20 ˚C ~ 45 ˚C (-4 ˚F ~ 113 ˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ
Các đặc tính âm thanh	
Tín hiệu âm thanh đầu vào 1	Đầu cắm RCA Đỏ(R) Trắng(L), 0,5 Vrms (-9 dB)

Tín hiệu âm thanh đầu vào 2	Đầu cắm RCA Đỏ(R) Trắng(L), 0,5 Vrms (-9 dB)
Tín hiệu âm thanh đầu vào PC	3.5 Ø Đầu cắm Stereo, 0,5 Vrms (-9 dB)
Tần số	RF: 80 Hz ~ 15 kHz (mức -3 dB)
Đáp ứng	A/V: 80 Hz ~ 20 kHz (mức -3 dB)

Chức năng Plug & Play

Màn hình này có thể kết nối với bất cứ hệ thống Plug & Play tương thích nào. Sự tương thích giữa màn hình và máy tính sẽ cung cấp điều kiện hoạt động và thông số cài đặt tốt nhất. Trong hầu hết trường hợp, quá trình cài đặt sẽ diễn ra tự động, trừ khi người sử dụng muốn chọn những thông số cài đặt khác. Dot Acceptable Điểm ảnh chấp nhận được

Điểm ảnh chấp nhận được

Màn hình TFT LCD được chế tạo bằng công nghệ bán dẫn cao cấp với độ chính xác trên 1ppm (một phần triệu) ứng dụng cho sản phẩm này. Nhưng thỉnh thoảng, các điểm ảnh của các màu ĐỎ, XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI, và TRẮNG có vẻ hơi sáng, hoặc một số điểm ảnh đen có thể xuất hiện. Điều này không phải do chất lượng xấu, thế nên bạn có thể sử dụng sản phẩm mà không phải lo lắng.
• Ví dụ, tổng số điểm ảnh của màn hình TFT LCD có trong sản phẩm này là 3.133.440.

Lưu ý

- Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Thiết bị Lớp B (Thiết bị Trao đổi Thông tin dùng trong dân dụng)

- Thiết bị này là công cụ kỹ thuật số Loại B. Sản phẩm này tuân thủ Qui định Tương thích Điện từ cho dân dụng và có thể được sử dụng trong tất cả các nơi kể cả các nơi dân cư thông thường.
  (Ảnh hưởng bức xạ điện từ của thiết bị Lớp B nhỏ hơn thiết bị của lớp A.)

B phận tiết kiệm điện

Màn hình này có một hệ thống quản lý điện năng tích hợp được gọi là Bộ phận tiết kiệm điện. Hệ thống này tiết kiệm điện bằng cách chuyển màn hình sang chế độ dùng ít năng lượng khi không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động hoạt động bình thường trở lại khi bạn di chuyển chuột hay nhấn một phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo tồn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không cần thiết, hay khi không sử dụng trong thời gian dài. Bộ phận tiết Kiệm Điện hoạt động với một card màn hình tương thích chuẩn VESA DPM được cài đặt trong máy tính. Bạn phải sử dụng một phần mềm tiện ích trong máy tính để cài đặt chức năng này.

Trạng thái	Hoạt động bình thường	Chế độ tiết kiệm năng lượng	Tắt điện (Nút nguồn điện)	Tắt điện (Công tắc bật/tắt Nguồn)
			2000	
Đèn báo có điện	lá cây	lá cây , Nhấp nháy	Màu hổ phách (Nút nguồn điện)	Tắt điện (Công tắc bật/tắt Nguồn)
Công suất tiêu thụ	Tối đa 210 W	Tối đa 1 W (Chế độ-Tắt)	Tối đa 1 W (120 Vac)	Tối đa 0 W

Các chế độ hiển thị được thiết lập trước

Các chế độ hiển thị được thiết lập trước

Nếu tín hiệu được truyền đi từ máy tương ứng với Các chế độ cài đặt về thời gian sau đây, màn hình sẽ được điều chỉnh tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu khác đi, màn hình có thể chuyển sang màu trắng trong khi đèn LED vẫn sáng. Tham khảo hướng dẫn sử dụng card video và điều chỉnh màn hình như sau.

Chế độ Hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Tần số điểm ảnh (MHz)	Cực tính đồng bộ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	43,269	85,008	36,000	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 800 x600	53,674	85,000	56,250	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1024 x 768	68,677	85,997	94,500	+/+
VESA, 1360 x 768	47,712	60,000	85,500	+/+



Tần số quét ngang

Thời gian quét một đường ngang nối kết từ cạnh phải sang cạnh trái màn hình được gọi là Chu kỳ ngang, và con số nghịch đảo của Chu kỳ ngang được gọi là Tần số quét ngang. Đơn vị: kHz

Tần số quét dọc

Như một đèn huỳnh quang. Màn hình phải lặp lại cùng một hình ảnh nhiều lần trong mỗi giây để hiển thị một hình ảnh cho người xem. Tần số của sự lặp lại này được gọi là Tần số quét dọc hoặc Tốc độ làm tươi. Đơn vị: Hz

kiểu
SyncMaster 460PXn

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Đặc tính kỹ thuật

Thông tin tổng quát

Thông tin tổng quát

Thông tin tổng quát	
Tên Model	SyncMaster 460PXn
Màn hình LCD	
Kích thước	Đường chéo 46,0 inch (125,1cm)
Vùng hiển thị	1018,353 mm (H) x 572,544 mm (V)
Diện tích điểm ảnh	0,7455 mm (H) x 0,2485 mm (V)
Đồng bộ hóa	
Quét ngang	30 ~ 81 kHz
Quét dọc	56 ~ 75 Hz
Màu hiển thị	
Màu hiển thị	16,7 M màu sắc
Độ phân giải	
Độ phân giải tối ưu	Độ phân giải 1360x768 /1366x768 @ 60 Hz phụ thuộc vào card đồ họa được dùng
Độ phân giải Tối đa	1360 x 768 @ 60 Hz

Tín hiệu vào, Kết thúc

RGB Analog, DVI (Giao diện Số), RGB Tương thích Số.
0,7Vp-p Dương tại 75Ω ±10% đồng bộ H/V Riêng biệt, đồng bộ Hỗn hợp, SOG, mức TTL, dương hoặc âm.

Xung ảnh điểm Tối đa

100 MHz (Analog, Digital)

Nguồn điện

AC 100 - 240 V~ (+/- 10 %), 50/60 Hz

Dây cáp tín hiệu

cáp 15 chân D-Sub
DVI-D với cáp DVI-D - Tùy chọn

Đầu kết nối Tín hiệu

D-sub, BNC, DVI-D, YPbPr, S-VHS, VCR

Kích thước (rộng x cao x dày)/Trọng lượng

1.102 x 658 x 126,5 mm / 43,4 x 25,9 x 5,0 inch / 28Kg / 61,6 lbs (Không có Chân đế)
1.102 x 715 x 293 mm / 43,4 x 28,1 x 11,5 inch / 30Kg / 66 lbs (Có Chân đế)
1.102 x 715 x 298 mm / 43,4 x 28,1 x 11,7 inch / 35 Kg / 77,2 lbs (với chân đế & kính)

Giao diện treo VESA

200 mm x 200 mm (dùng với bộ phận treo đặc biệt (tay))

Lưu ý về môi trường	
Điều kiện hoạt động	Nhiệt độ: 10 ˚C ~ 40 ˚C (50 ˚F ~ 104 ˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ
Bảo quản	Nhiệt độ: -20 ˚C ~ 45 ˚C (-4 ˚F ~ 113 ˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ
Các đặc tính âm thanh	
Tín hiệu âm thanh đầu vào 1	Đầu cắm RCA Đỏ(R) Trắng(L), 0,5 Vrms (-9 dB)

Tín hiệu âm thanh đầu vào 2	Đầu cắm RCA Đỏ(R) Trắng(L), 0,5 Vrms (-9 dB)
Tín hiệu âm thanh đầu vào PC	3.5 Ø Đầu cắm Stereo, 0,5 Vrms (-9 dB)
Tần số	RF: 80 Hz ~ 15 kHz (mức -3 dB)
Đáp ứng	A/V: 80 Hz ~ 20 kHz (mức -3 dB)

Chức năng Plug & Play

Màn hình này có thể kết nối với bất cứ hệ thống Plug & Play tương thích nào. Sự tương thích giữa màn hình và máy tính sẽ cung cấp điều kiện hoạt động và thông số cài đặt tốt nhất. Trong hầu hết trường hợp, quá trình cài đặt sẽ diễn ra tự động, trừ khi người sử dụng muốn chọn những thông số cài đặt khác. Dot Acceptable Điểm ảnh chấp nhận được

Điểm ảnh chấp nhận được

Màn hình TFT LCD được chế tạo bằng công nghệ bán dẫn cao cấp với độ chính xác trên 1ppm (một phần triệu) ứng dụng cho sản phẩm này. Nhưng thỉnh thoảng, các điểm ảnh của các màu ĐỎ, XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI, và TRẮNG có vẻ hơi sáng, hoặc một số điểm ảnh đen có thể xuất hiện. Điều này không phải do chất lượng xấu, thế nên bạn có thể sử dụng sản phẩm mà không phải lo lắng.
• Ví dụ, tổng số điểm ảnh của màn hình TFT LCD có trong sản phẩm này là 3.133.440.

Lưu ý

- Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Thiết bị Lớp B (Thiết bị Trao đổi Thông tin dùng trong dân dụng)

- Thiết bị này là công cụ kỹ thuật số Loại B. Sản phẩm này tuân thủ Qui định Tương thích Điện từ cho dân dụng và có thể được sử dụng trong tất cả các nơi kể cả các nơi dân cư thông thường.
  (Ảnh hưởng bức xạ điện từ của thiết bị Lớp B nhỏ hơn thiết bị của lớp A.)

MagicNet - Client

Mục		Đặc tả	Ghi chú
LAN		1Gbps	
USB		Tương thích với Bàn phím/Chuột, Thiết bị Lưu trữ Dung lượng lớn	Bạn có thể sử dụng thiết bị lưu trữ di động giao tiếp qua cổng USB.
Nội dung	Photo	Hỗ trợ các Định dạng Tập tin: BMP/JPEG	2274 x 1704 hay ít hơn
	Music	Hỗ trợ các Định dạng Tập tin: MP3	Băng tần âm thanh: 50 Hz đến 15 kHz
	Movie	MPEG1, WMV Tối đa 1280 x 720 30 fps (khung hình/giây)	
	File	MS Office(Word, Excel, Power Point), HTML, PDF	• Một số tập tin có thể không được hỗ trợ tùy theo định dạng hay phiên bản. • Cài đặt chương trình xem phù hợp (phần mềm miễn phí) để xem các tài liệu dạng MS Office (Word, Excel, Power Point) hay dạng PDF.
Trình duyệt Internet		MS Internet Explorer	Không hỗ trợ Flash, Java Applet, Security Site
Ngôn ngữ		Tiếng Anh	
Hệ điều hành		Được nhúng vào Windows XP	

MagicNet – Yêu cầu Hệ thống Máy chủ

	CPU	RAM	Ethernet	HĐH	Ứng dụng
Tối thiểu	P1,8 Ghz	256 M	100 M/1G	Windows XP	WMP 9 hoặc cao hơn
Khuyến nghị	P3,0 Ghz	512 M	100 M/1G	Windows XP	WMP 9 hoặc cao hơn

B phận tiết kiệm điện

Màn hình này có một hệ thống quản lý điện năng tích hợp được gọi là Bộ phận tiết kiệm điện. Hệ thống này tiết kiệm điện bằng cách chuyển màn hình sang chế độ dùng ít năng lượng khi không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động hoạt động bình thường trở lại khi bạn di chuyển chuột hay nhấn một phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo tồn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không cần thiết, hay khi không sử dụng trong thời gian dài. Bộ phận tiết Kiệm Điện hoạt động với một card màn hình tương thích chuẩn VESA DPM được cài đặt trong máy tính. Bạn phải sử dụng một phần mềm tiện ích trong máy tính để cài đặt chức năng này.

Trạng thái	Hoạt động bình thường	Chế độ tiết kiệm năng lượng	Tắt điện (Nút nguồn điện) 2000	Tắt điện (Công tắc bật/tắt Nguồn)
Đèn báo có điện	lá cây	lá cây , Nhấp nháy	Màu hổ phách (Nút nguồn điện)	Tắt điện (Công tắc bật/tắt Nguồn)
Công suất tiêu thụ	Tối đa 310 W	Tối đa 1 W (Chế độ-Tắt)	Tối đa 1 W (120 Vac)	Tối đa 0 W

Các chế độ hiển thị được thiết lập trước

Các chế độ hiển thị được thiết lập trước

Nếu tín hiệu được truyền đi từ máy tương ứng với Các chế độ cài đặt về thời gian sau đây, màn hình sẽ được điều chỉnh tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu khác đi, màn hình có thể chuyển sang màu trắng trong khi đèn LED vẫn sáng. Tham khảo hướng dẫn sử dụng card video và điều chỉnh màn hình như sau.

Chế độ Hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Tần số điểm ảnh (MHz)	Cực tính đồng bộ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	43,269	85,008	36,000	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 800 x600	53,674	85,000	56,250	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1024 x 768	68,677	85,997	94,500	+/+
VESA, 1360 x 768	47,712	60,000	85,500	+/+

Tần số quét ngang

Thời gian quét một đường ngang nối kết từ cạnh phải sang cạnh trái màn hình được gọi là Chu kỳ ngang, và con số nghịch đảo của Chu kỳ ngang

được gọi là Tần số quét ngang. Đơn vị: kHz



Tần số quét dọc

Như một đèn huỳnh quang. Màn hình phải lặp lại cùng một hình ảnh nhiều lần trong mỗi giây để hiển thị một hình ảnh cho người xem. Tần số của sự lặp lại này được gọi là Tần số quét dọc hoặc Tốc độ làm tươi. Đơn vị: Hz

kiểu

SyncMaster 460PX

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Đặc tính kỹ thuật

Thông tin tổng quát

Thông tin tổng quát

Thông tin tổng quát	
Tên Model	SyncMaster 460PX
Màn hình LCD	
Kích thước	Đường chéo 46,0 inch (125,1cm)
Vùng hiển thị	1018,353 mm (H) x 572,544 mm (V)
Diện tích điểm ảnh	0,7455 mm (H) x 0,2485 mm (V)
Đồng bộ hóa	
Quét ngang	30 ~ 81 kHz
Quét dọc	56 ~ 75 Hz
Màu hiển thị	
Màu hiển thị	16,7 M màu sắc
Độ phân giải	
Độ phân giải tối ưu	Độ phân giải 1360x768 /1366x768 @ 60 Hz phụ thuộc vào card đồ họa được dùng
Độ phân giải Tối đa	1360 x 768 @ 60 Hz

Tín hiệu vào, Kết thúc

RGB Analog, DVI (Giao diện Số), RGB Tương thích Số.
0,7Vp-p Dương tại 75Ω ±10% đồng bộ H/V Riêng biệt, đồng bộ Hỗn hợp, SOG, mức TTL, dương hoặc âm.

Xung ảnh điểm Tối đa

100 MHz (Analog, Digital)

Nguồn điện

AC 100 - 240 V~ (+/- 10 %), 50/60 Hz

Dây cáp tín hiệu

cáp 15 chân D-Sub
DVI-D với cáp DVI-D - Tùy chọn

Đầu kết nối Tín hiệu

D-sub, BNC, DVI-D, YPbPr, S-VHS, VCR

Kích thước (rộng x cao x dày)/Trọng lượng

1.102 x 658 x 126,5 mm / 43,4 x 25,9 x 5,0 inch / 28Kg / 61,6 lbs (Không có Chân đế)
1.102 x 715 x 293 mm / 43,4 x 28,1 x 11,5 inch / 30Kg / 66 lbs (Có Chân đế)
1.102 x 715 x 298 mm / 43,4 x 28,1 x 11,7 inch / 35 Kg / 77,2 lbs (với chân đế & kính)

Giao diện treo VESA

200 mm x 200 mm (dùng với bộ phận treo đặc biệt (tay))

Lưu ý về môi trường	
Điều kiện hoạt động	Nhiệt độ: 10 ˚C ~ 40 ˚C (50 ˚F ~ 104 ˚F) Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ
Bảo quản	Nhiệt độ: -20 ˚C ~ 45 ˚C (-4 ˚F ~ 113 ˚F) Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ
Các đặc tính âm thanh	
Tín hiệu âm thanh đầu vào 1	Đầu cắm RCA Đỏ(R) Trắng(L), 0,5 Vrms (-9 dB)

Tín hiệu âm thanh đầu vào 2	Đầu cắm RCA Đỏ(R) Trắng(L), 0,5 Vrms (-9 dB)
Tín hiệu âm thanh đầu vào PC	3.5 Ø Đầu cắm Stereo, 0,5 Vrms (-9 dB)
Tần số	RF: 80 Hz ~ 15 kHz (mức -3 dB)
Đáp ứng	A/V: 80 Hz ~ 20 kHz (mức -3 dB)

Chức năng Plug & Play

Màn hình này có thể kết nối với bất cứ hệ thống Plug & Play tương thích nào. Sự tương thích giữa màn hình và máy tính sẽ cung cấp điều kiện hoạt động và thông số cài đăt tốt nhất. Trong hầu hết trường hợp, quá trình cài đặt sẽ diễn ra tự động, trừ khi người sử dụng muốn chọn những thông số cài đặt khác. Dot Acceptable Điểm ảnh chấp nhận được

Điểm ảnh chấp nhận được

Màn hình TFT LCD được chế tạo bằng công nghệ bán dẫn cao cấp với độ chính xác trên 1ppm (một phần triệu) ứng dụng cho sản phẩm này. Nhưng thỉnh thoảng, các điểm ảnh của các màu ĐỎ, XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI, và TRẮNG có vẻ hơi sáng, hoặc một số điểm ảnh đen có thể xuất hiện. Điều này không phải do chất lượng xấu, thế nên bạn có thể sử dụng sản phẩm mà không phải lo lắng.
• Ví dụ, tổng số điểm ảnh của màn hình TFT LCD có trong sản phẩm này là 3.133.440.

Lưu ý

- Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.

Thiết bị Lớp B (Thiết bị Trao đổi Thông tin dùng trong dân dụng)

- Thiết bị này là công cụ kỹ thuật số Loại B. Sản phẩm này tuân thủ Qui định Tương thích Điện từ cho dân dụng và có thể được sử dụng trong tất cả các nơi kể cả các nơi dân cư thông thường.
  (Ảnh hưởng bức xạ điện từ của thiết bị Lớp B nhỏ hơn thiết bị của lớp A.)

B phận tiết kiệm điện

Màn hình này có một hệ thống quản lý điện năng tích hợp được gọi là Bộ phận tiết kiệm điện. Hệ thống này tiết kiệm điện bằng cách chuyển màn hình sang chế độ dùng ít năng lượng khi không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định. Màn hình sẽ tự động hoạt động bình thường trở lại khi bạn di chuyển chuột hay nhấn một phím bất kỳ trên bàn phím. Để bảo tồn năng lượng, hãy TẮT màn hình khi không cần thiết, hay khi không sử dụng trong thời gian dài. Bộ phận tiết Kiệm Điện hoạt động với một card màn hình tương thích chuẩn VESA DPM được cài đặt trong máy tính. Bạn phải sử dụng một phần mềm tiện ích trong máy tính để cài đặt chức năng này.

Trạng thái	Hoạt động bình thường	Chế độ tiết kiệm năng lượng	Tắt điện (Nút nguồn điện)	Tắt điện (Công tắc bật/tắt Nguồn)
			2000	
Đèn báo có điện	lá cây	lá cây , Nhấp nháy	Màu hổ phách (Nút nguồn điện)	Tắt điện (Công tắc bật/tắt Nguồn)
Công suất tiêu thụ	Tối đa 290 W	Tối đa 1 W (Chế độ-Tắt)	Tối đa 1 W (120 Vac)	Tối đa 0 W

Các chế độ hiển thị được thiết lập trước

Các chế độ hiển thị được thiết lập trước

Nếu tín hiệu được truyền đi từ máy tương ứng với Các chế độ cài đặt về thời gian sau đây, màn hình sẽ được điều chỉnh tự động. Tuy nhiên, nếu tín hiệu khác đi, màn hình có thể chuyển sang màu trắng trong khi đèn LED vẫn sáng. Tham khảo hướng dẫn sử dụng card video và điều chỉnh màn hình như sau.

Chế độ Hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Tần số điểm ảnh (MHz)	Cực tính đồng bộ (H/V)
IBM, 640 x 350	31,469	70,086	25,175	+/-
IBM, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	43,269	85,008	36,000	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 800 x600	53,674	85,000	56,250	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1024 x 768	68,677	85,997	94,500	+/+
VESA, 1360 x 768	47,712	60,000	85,500	+/+



Tần số quét ngang

Thời gian quét một đường ngang nối kết từ cạnh phải sang cạnh trái màn hình được gọi là Chu kỳ ngang, và con số nghịch đảo của Chu kỳ ngang được gọi là Tần số quét ngang. Đơn vị: kHz

Tần số quét dọc

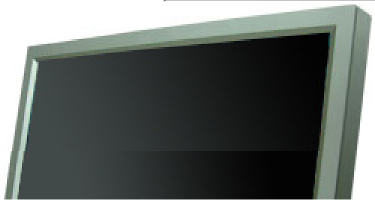
Như một đèn huỳnh quang. Màn hình phải lặp lại cùng một hình ảnh nhiều lần trong mỗi giây để hiển thị một hình ảnh cho người xem. Tần số của sự lặp lại này được gọi là Tần số quét dọc hoặc Tốc độ làm tươi. Đơn vị: Hz

kiểu

Hướng dẫn sử dụng An tồn
Giới thiệu
Kết nối
Sử dụng Phần mềm
Điều chỉnh Màn hình
Giải quyết sự cố
Đặc tính kỹ thuật
Thơng tin
Để hiển thị tốt hơn
THÔNG TIN SẢN PHẨM (Không xảy ra Hiện tượng Lưu ảnh)
Phụ lục

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Thơng tin

Để hiển thị tốt hơn

- Điều chỉnh độ phân giải và tỷ lệ đưa tín hiệu vào trong mạch (tốc độ làm tươi sáng) trong Bảng điều khiển (Control Panel) của máy theo hướng dẫn sau đây để đạt chất lượng hình ảnh đẹp nhất. Chất lượng hình ảnh trên màn hình có thể không ổn định nếu màn hình TFT-LCD của bạn không được hỗ trợ chất lượng hình ảnh đẹp nhất.
  - Độ phân giải: 1360 x 768
  - Tần số quét dọc (tốc độ làm tươi): 60 Hz

- Màn hình TFT LCD được chế tạo bằng công nghệ bán dẫn cao cấp với độ chính xác trên 1ppm (một phần triệu) ứng dụng cho sản phẩm này. Nhưng thỉnh thoảng, các điểm ảnh của các màu ĐỎ, XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI, và TRẮNG có vẻ hơi sáng, hoặc một số điểm ảnh đen có thể xuất hiện. Điều này không phải do chất lượng xấu, thế nên bạn có thể sử dụng sản phẩm mà không phải lo lắng.
  - Ví dụ, tổng số điểm ảnh của màn hình LCD có trong sản phẩm này là 3,133,440

- Khi bạn lau màn hình và khung bên ngoài, xin vui lòng thực hiện theo hướng dẫn sau đây: dùng một miếng vải khô và mềm để lau màn hình. Tránh lau mạnh vùng màn hình LCD mà chỉ thao tác nhẹ nhàng. Nếu bạn chà quá mạnh, trên màn hình TV sẽ xuất hiện những vết bẩn khó sạch.

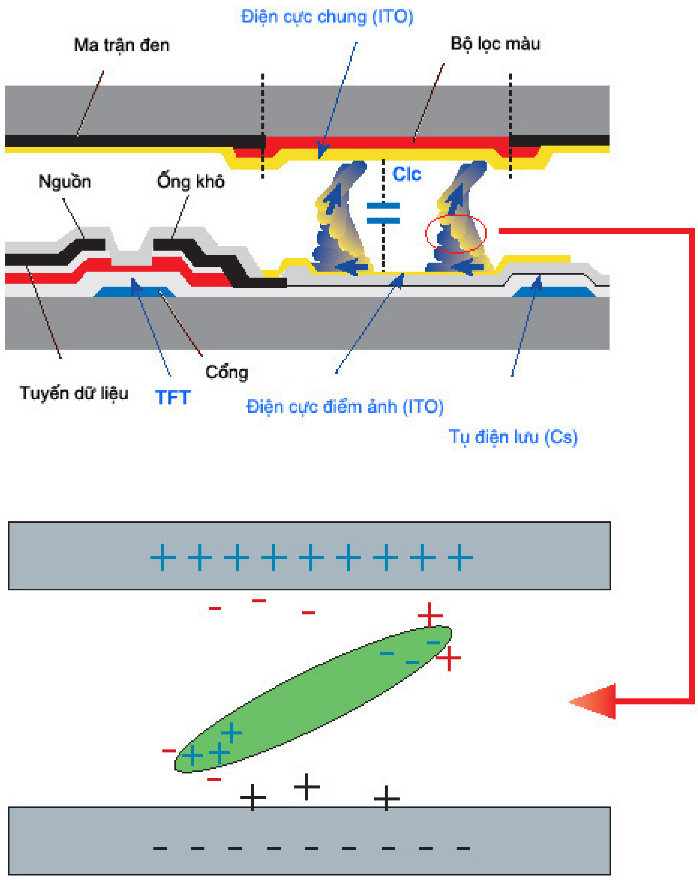
- Nếu không hài lòng với chất lượng hình ảnh, bạn có thể có chất lượng hình ảnh đẹp hơn bằng cách thực hiện "chức năng tự động điều chỉnh" (auto adjustment function) trên màn hình hiển thị, nó sẽ xuất hiện trên màn hình khi bạn nhấn nút đóng cửa sổ. Nếu hình ảnh vẫn còn bị nhiễu sau khi điều chỉnh tự động, nên dùng chức năng điều chỉnh FINE/COARSE.

- Nếu bạn mở một màn hình cố định trong một thời gian lâu, hình ảnh dư hay vết mờ có thể xuất hiện. Hãy chuyển đổi sang chế độ bảo tồn năng lượng, hay đặt trên màn hình lưu (screensaver) một hình ảnh chuyển động, khi bạn cần rời màn hình trong một thời gian khá lâu

THÔNG TIN SẢN PHẨM (Không xảy ra Hiện tượng Lưu ảnh)

Sự Lưu Ảnh là gì?

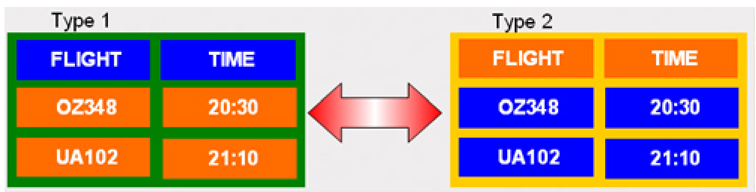
Sự Lưu ảnh có thể sẽ không xảy ra khi một màn hình LCD hoạt động trong những điều kiện bình thường. Những điều kiện bình thường được định nghĩa là những mẫu hình video thay đổi liên tục. Khi một màn hình LCD hoạt động lâu trong một mẫu hình cố định (hơn 12 giờ), có thể có một sự khác biệt nhỏ của hiệu điện thế giữa các cực điện điều khiển tinh thể lỏng (LC) trong một điểm ảnh. Sự khác biệt về điện thế giữa các cực điện sẽ tăng lên theo thời gian, làm cho tinh thể lỏng bị lệch đi. Khi điều này xảy ra, hình ảnh trước có thể vẫn được nhìn thấy khi mẫu hình đã thay đổi. Để ngăn chặn điều này xảy ra, hiệu điện thế tích lũy phải được giảm đi.



Chế độ Tắt nguồn, Bảo vệ Màn hình, hay Tiết kiệm Năng lượng

- Tắt nguồn trong vòng 4 giờ sau 20 giờ sử dụng
- Tắt nguồn trong vòng 2 giờ sau 12 giờ sử dụng
- Cài đặt màn hình tắt nguồn trong trình điều khiển PC Display Properties Power Scheme.
- Sử dụng chế độ Bảo vệ Màn hình nếu có thể.

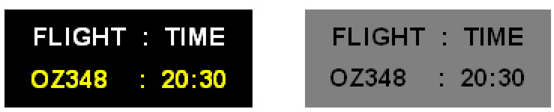
Thay đổi định kỳ Thông tin Màu sắc



☑ Lưu ý

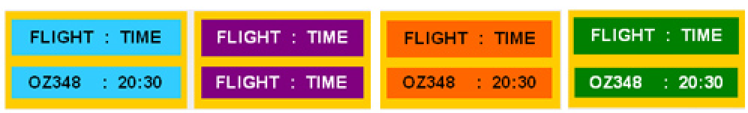
- Sử dụng hai màu khác nhau
  Xoay Thông tin màu sắc với hai màu 30 phút một lần.

- Tránh sử dụng sự kết hợp của các đặc tính và màu nền với sự khác biệt lớn về độ sáng.
  Tránh sử dụng các màu Xám, vì các màu này dễ gây ra sự lưu hình.
  Tránh: Các màu sắc có sự khác biệt lớn về độ sáng (Đen & Trắng, Xám)



Thay đổi định kỳ các đặc tính màu sắc

- Sử dụng các màu Sáng với sự khác biệt ít về độ sáng
  - Chu kỳ: Thay đổi các đặc tính màu sắc và màu nền 30 phút một lần



- Sau mỗi 30 phút, thay đổi các đặc tính với sự chuyển dịch.

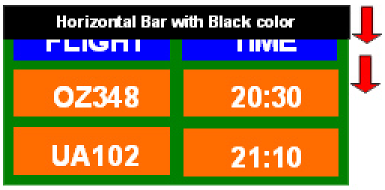


- Tất cả phần ảnh Động trên màn hình cùng với Biểu tượng một cách định kỳ.
  - Chu kỳ: Phần ảnh động trên màn hình cùng với Biểu tượng trong vòng 60 giây sau 4 giờ sử dụng.

- Cách tốt nhất để bảo vệ màn hình của bạn khỏi bị Lưu ảnh là tắt nguồn, hay cài đặt PC, hay hệ thống của bạn để chúng chạy một chương trình Bảo vệ Màn hình khi bạn không sử dụng nó. Ngoài ra chế độ bảo hành sẽ bị giới hạn dựa trên hướng dẫn sử dụng.

Sử dụng chức năng Cuộn Màn hình trên Sản phẩm

- Sử dụng chức năng cuộn màn hình
  - Triệu chứng:Thanh ngang với Màu Đen chuyển động lên xuống.



- Chọn biện pháp
. Hướng dẫn Sử dụng: Trình đơn OSD -> Cài đặt -> Màn hình An toàn -> Cuộn Màn hình.
. Thời gian Nghỉ: 1~ 10 giờ (Đề nghị: 1)
. Thời gian Hoạt động: 1~ 5 giây (Đề nghị: 5)

☑ Lưu ý

- (Haõy xem Höôùng daãn Söû duïng trong CD taïi phaàn "Chöùc naêng OSD", ñoái vôùi moät vaøi loaïi seõ khoâng coù)

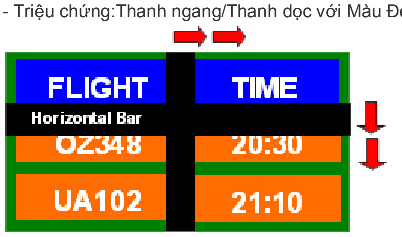
Söû duïng chöùc naêng Ñieåm aûnh treân Maøn hình treân Saûn phaåm

- Sử dụng chức năng Pixel Trên Màn hình
  - Triệu chứng:Chấm Màu Đen di chuyển lên và xuống.



- Chọn biện pháp
. Hướng dẫn Sử dụng: Trình đơn OSD -> Cài đặt -> Bảo vệ Màn hình -> Pixel
. Thời gian Nghỉ: 1 ~ 10 giờ (Đề Nghị: 1)
. Thời gian Hoạt động: 10 ~ 50 giây (Đề nghị: 50)

- Sử dụng chức năng Thanh Trên Màn hình
  - Triệu chứng:Thanh ngang/Thanh dọc với Màu Đen chuyển động lên xuống.



- Chọn biện pháp

. Hướng dẫn Sử dụng: Trình đơn OSD -> Cài đặt -> Màn hình An toàn -> Thanh
. Thời gian Nghỉ: 1 ~ 10 giờ (Đề Nghị: 1)
. Thời gian Hoạt động: 10 ~ 50 giây (Đề nghị: 50)

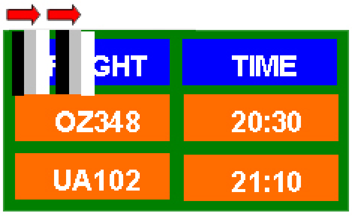
☑ Lưu ý

- (Haõy xem Höôùng daãn Söû duïng trong CD taïi phaàn "Chöùc naêng OSD", ñoái vôùi moät vaøi loaïi seõ khoâng coù)

Sử dụng chức năng Xóa Màn hình trên sản phẩm

- Sử dụng chức năng Xóa Màn hình

- Triệu chứng:2 Block Thẳng đứng chuyển động và xóa màn hình



- Chọn biện pháp
. Hướng dẫn Sử dụng: Trình đơn OSD -> Cài đặt -> Màn hình An toàn -> Công cụ Xóa
. Thời gian Nghỉ: 1 ~ 10 giờ (Đề nghị: 1)
. Thời gian Hoạt động: 10 ~ 50 giây (Đề nghị: 50)

☑ Lưu ý

- (Haõy xem Höôùng daãn Söû duïng trong CD taïi phaàn "Chöùc naêng OSD", ñoái vôùi moät vaøi loaïi seõ khoâng coù)

Hướng dẫn sử dụng An tồn
Giới thiệu
Kết nối
Sử dụng Phần mềm
Điều chỉnh Màn hình
Giải quyết sự cố
Đặc tính kỹ thuật
Thơng tin
Phụ lục
Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE
Những điều khoản
Phạm vi

SyncMaster

www.samsung.com



Màu sắc và hình thức sản phẩm có thể khác nhau tùy theo kiểu, và các đặc tính của sản phẩm có thể được thay đổi để nâng cao hiệu năng mà không báo trước.

Appendix

Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE

Lưu ý

- Nếu có thắc mắc hay góp ý về sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với Trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

North America		
U.S.A	1-800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/us
CANADA	1-800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/ca
MEXICO	01-800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/mx

Latin America		
ARGENTINE	0800-333-3733	http://www.samsung.com/ar
BRAZIL	0800-124-421 4004-0000	http://www.samsung.com/br
CHILE	800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/cl
COLOMBIA	01-8000112112	http://www.samsung.com.co
COSTA RICA	0-800-507-7267	http://www.samsung.com/latin
ECUADOR	1-800-10-7267	http://www.samsung.com/latin
EL SALVADOR	800-6225	http://www.samsung.com/latin
GUATEMALA	1-800-299-0013	http://www.samsung.com/latin
JAMAICA	1-800-234-7267	http://www.samsung.com/latin
PANAMA	800-7267	http://www.samsung.com/latin
PUERTO RICO	1-800-682-3180	http://www.samsung.com/latin
REP. DOMINICA	1-800-751-2676	http://www.samsung.com/latin
TRINIDAD & TOBAGO	1-800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/latin
VENEZUELA	0-800-100-5303	http://www.samsung.com/latin

Europe		
AUSTRIA	0800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/at
BELGIUM	0032 (0)2 201 24 18	http://www.samsung.com/be
	844 000 844	http://www.samsung.com/cz

CZECH REPUBLIC	Distributor pro Českou republiku: Samsung Zrt., česka organizační složka Vyskočilova 4, 14000 Praha 4	
DENMARK	70 70 19 70	http://www.samsung.com/dk
FINLAND	030-6227 515	http://www.samsung.com/fi
FRANCE	3260 SAMSUNG(726-7864) 08 25 08 65 65 (€ 0,15/min)	http://www.samsung.com/fr
GERMANY	01805-SAMSUNG(726-7864) (€ 0,14/Min)	http://www.samsung.de
HUNGARY	06-80-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/hu
ITALIA	800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/it
LUXEMBURG	0035 (0)2 261 03 710	http://www.samsung.com/be
NETHERLANDS	0900 SAMSUNG(726-7864) (€ 0,10/Min)	http://www.samsung.com/nl
NORWAY	815-56 480	http://www.samsung.com/no
POLAND	0 801 801 881 022-607-93-33	http://www.samsung.com/pl
PORTUGAL	80 8 200 128	http://www.samsung.com/pt
REPUBLIC OF IRELAND	0818 717 100	http://www.samsung.com/ie
SLOVAKIA	0800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/sk
SPAIN	902 10 11 30	http://www.samsung.com/es
SWEDEN	0771-400 200	http://www.samsung.com/se
SWITZERLAND	0800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/ch
U.K	0870-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/uk

CIS

ESTONIA	800-7267	http://www.samsung.ee
LATVIA	800-7267	http://www.samsung.com/lv
LITHUANIA	8-800-77777	http://www.samsung.lt
KAZAKHSTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.kz
KYRGYZSTAN	00-800-500-55-500	
RUSSIA	8-800-555-55-55	http://www.samsung.ru
UKRAINE	8-800-502-0000	http://www.samsung.ua
UZBEKISTAN	8-800-120-0-400	http://www.samsung.uz

Asia Pacific

AUSTRALIA	1300 362 603	http://www.samsung.com/au
CHINA	800-810-5858, 010- 6475 1880	http://www.samsung.com.cn
HONG KONG	3698-4698	http://www.samsung.com/hk
INDIA	3030 8282, 1800 110011	http://www.samsung.com/in/
INDONESIA	0800-112-8888	http://www.samsung.com/id
JAPAN	0120-327-527	http://www.samsung.com/jp
MALAYSIA	1800-88-9999	http://www.samsung.com/my
NEW ZEALAND	0800SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/nz
PHILIPPINES	1800-10-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/ph
SINGAPORE	1800-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/sg

THAILAND	1800-29-3232, 02-689-3232	http://www.samsung.com/th
TAIWAN	0800-329-999	http://www.samsung.com/tw
VIETNAM	1 800 588 889	http://www.samsung.com/vn

Middle East & Africa		
SOUTH AFRICA	0860-SAMSUNG(726-7864)	http://www.samsung.com/za
TURKEY	444 77 11	http://www.samsung.com.tr
U.A.E	800-SAMSUNG (726-7864) 8000-4726	http://www.samsung.com/mea

Những điều khoản

Những điều khoản

Các Tín hiệu Đồng bộ đề cập đến các tín hiệu chuẩn cần thiết để hiển thị các màu mong muốn trên màn hình. Chúng được chia thành Tín hiệu Đồng bộ Dọc và Ngang. Các tín hiệu này hiển thị hình ảnh màu sắc bình thường bằng độ phân giải và tần số đã được cài đặt.

Loại Tín hiệu Đồng bộ

Tách biệt	Đây là sơ đồ truyền dẫn đến màn hình các tín hiệu đồng bộ ngang và dọc riêng biệt.
Kết hợp	Đây là sơ đồ kết hợp các tín hiệu đồng bộ ngang và dọc thành một tín hiệu tổng hợp và truyền dẫn đến màn hình. Màn hình sẽ hiển thị các tín hiệu màu sắc bằng cách tách tín hiệu tổng hợp thành các tín hiệu màu gốc.

Khoảng cách điểm

Hình ảnh trên màn hình được tạo thành từ những điểm màu đỏ, xanh lục và xanh dương. Các điểm càng gần, độ phân giải càng cao. Khoảng cách giữa hai điểm cùng màu được gọi là'Khoảng cách điểm'. Đơn vị: mm

Tần số quét dọc

Màn hình phải được vẽ lại nhiều lần trong một giây để tạo và hiển thị một hình ảnh cho người xem. Tần số của sự lặp lại tính theo mỗi giây này được gọi là Tần số quét dọc hoặc Tốc độ làm tươi. Đơn vị: Hz

Ví dụ:	Khi tín hiệu nguồn sáng lặp lại 60 lần trong một giây thì điều này được coi là có tần số 60 Hz.

Tần số quét ngang

Thời gian để quét một đường ngang nối cạnh phải với cạnh trái của màn hình được gọi là Chu kỳ ngang. Số nghịch đảo của Chu kỳ ngang được gọi là Tần số quét ngang. Đơn vị: kHz

Các phương pháp Xen kẽ và Không xen kẽ

Hiển thị các đường ngang của màn hình từ trên xuống dưới theo thứ tự được gọi là phương pháp Không xen kẽ trong khi hiển thị những đường lẽ rồi đến những đường chẵn luân phiên nhau được gọi là phương pháp Xen kẽ. Phương pháp Không xen kẽ được ứng dụng cho phần lớn các loại màn hình để bảo đảm hình ảnh rõ nét. Phương pháp Xen kẽ thì tương tự như phương pháp được sử dụng trong các TV.

Chức năng Plug & Play

Đây là chức năng làm cho màn hình có chất lượng tốt nhất bởi nó cho phép máy tính và màn hình trao đổi thông tin một cách tự động. Màn hình này theo tiêu chuẩn quốc tế VESA DDC về chức năng Plug & Play.

Độ phân giải

Số lượng các điểm ngang và dọc được sử dụng để tạo nên hình ảnh trên màn hình được gọi là 'độ phân giải'. Con số này cho thấy sự chính xác của mức độ hiển thị. Độ phân giải cao sẽ tốt cho việc trình bày các tác vụ phức tạp và các thông tin về hình ảnh trên màn hình sẽ được hiển thị nhiều hơn.

Ví dụ:	Nếu độ phân giải là 1360 x 768 , có nghĩa là màn hình sẽ được tạo nên bở i 1920 điểm nằm ngang (độ phân giải ngang) và 1080 đường dọc (độ phân giải dọc).

Multiple Display Control (MDC)

Điều khiển Đa Hiển thị (MDC - Multiple Display Control) là một ứng dụng cho phép dễ dàng hiển thị nhiều màn hình đồng thời trên một máy PC. RS-232C, một chuẩn giao tiếp nối tiếp, được dùng cho việc truyền tải tín hiệu giữa máy tính và màn hình hiển thị.

Thông tin trong tài liệu hướng dẫn này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Samsung Electronics Co., Ltd. sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào trong tài liệu này hoặc về những thiệt hại ngẫu nhiên hoặc tất yếu có liên quan đến việc cung cấp, thực hiện hoặc sử dụng tài liệu này.

Samsung là thương hiệu đã đăng ký của Samsung Electronics Co., Ltd.; *Microsoft* , *Windows* và *Windows NT* là các thương hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation; *VESA* , *DPM* và *DDC* là thương hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standard Association; tên và biểu tượng *ENERGY STAR®* là thương hiệu đã đăng ký của U.S. Environmental Protection Agency (EPA).
Tất
cả những tên sản phẩm khác được đề cập trong tài liệu này có thể là những thương hiệu hoặc những thương hiệu đã đăng ký của các công ty sở hữu chúng.

TruSurround xt, SRS và (●) Symbol là các thương hiệu của SRS Labs, Inc.
Công nghệ TruSurround xt được tích hợp từ bản quyền từ SRS Labs, Inc.